



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 63 - SỐ 666 / Kỳ II - 3/2024



**HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC
PHỐI HỢP VÀ KÝ KẾT QUY CHẾ PHỐI HỢP
GIỮA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VỚI TỔNG CỤC THỐNG KÊ**



**SỰ CẦN THIẾT TRIỂN KHAI
ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở
GIỮA KỲ NĂM 2024**



**NÂNG HẠNG
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN
PHÁT HUY TỪ SỨC MẠNH NỘI LỰC**



**LIỆU CHÂU Á THỰC SỰ
LÀ ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG
KINH TẾ TOÀN CẦU?**

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ II - 3/2024 (666) Ra hàng tháng. Năm thứ 63

Phó Tổng biên tập phụ trách: BÙI BÍCH THỦY - Phó Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản

In tại Công ty TNHH In ấn Đa sắc

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Hội nghị Tổng kết công tác phối hợp và ký kết quy chế phối hợp giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Tổng cục Thống kê

4. Hội nghị tập huấn Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024

6. Sự cần thiết triển khai điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024

Nguyễn Thị Thanh Mai - Nguyễn Văn Hưng

8. Một số nội dung chủ yếu của Phương án điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024

10. Một số vấn đề về thiết kế và chọn mẫu trong Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024

11. Hội nghị tập huấn Điều tra doanh nghiệp năm 2024

13. Tổng cục Thống kê thực hiện 4 kỳ Khảo sát mức sống dân cư trong năm 2024

KINH TẾ - XÃ HỘI

14. Chính phủ chỉ đạo đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công để tăng tốc phục hồi kinh tế

ThS. Võ Thị Khánh Linh

16. Nâng hạng thị trường chứng khoán phát huy từ sức mạnh nội lực

TS. Đỗ Ngọc Trân

19. Việt Nam lần đầu tiên công bố Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương

Vũ Thị Thanh Thủy

22. Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp tạo nền vững chắc cho trụ cột kinh tế

ThS. Cấn Thị Thùy Linh - ThS. Ngô Thị Luyến

25. Phát triển du lịch từ khai thác thế mạnh ẩm thực

TS. Ngô Thị Minh

29. Quy hoạch mạng lưới y tế để nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân

Bích Ngọc

32. Việt Nam nâng cao năng lực cung ứng để giải bài toán thiếu vắc xin trong nước

Thu Hiền

35. Việt Nam nỗ lực giảm thiểu rác thải nhựa

Tiến Long

37. Bảo tồn và sử dụng bền vững vùng đất ngập nước

Minh Thư

40. Huyện Cần Giuộc - Nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp

ThS. Nguyễn Thị Hoàng Yến

ThS. Nguyễn Thị Hồng Châu

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

42. Một số kết quả về đánh giá nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023

Gia linh

45. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp siêu nhỏ

ThS. Nguyễn Thị Mai Hiền

QUỐC TẾ

47. Liệu châu Á thực sự là động lực tăng trưởng kinh tế toàn cầu?

Ngọc Linh

51. Thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu gặp khó trong thực thi

Trần Thị Thu Hằng

Giá: 27.000 đ

Hội nghị Tổng kết công tác phối hợp và ký kết quy chế phối hợp giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Tổng cục Thống kê



Chiều ngày 15/3/2024, tại trụ sở Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã diễn ra Hội nghị Tổng kết công tác phối hợp và ký kết quy chế phối hợp giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT) với Tổng cục Thống kê (TCTK) về công tác thống kê và chia sẻ thông tin thống kê. Tham dự Hội nghị về phía Bộ NN&PTNT có Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Lê Minh Hoan, Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp; về phía TCTK có Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương, các Phó Tổng cục trưởng: Nguyễn Trung Tiến, Lê Trung Hiếu, Đỗ Thị Ngọc; đại diện lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị thuộc hai cơ quan Bộ NN&PTNT và TCTK.

Tại Hội nghị, các đại biểu được nghe báo cáo Kết quả thực hiện Quy chế phối hợp giữa Bộ NN&PTNT và TCTK về công tác thống kê và chia sẻ thông tin thống kê trong thời gian qua. Theo đó, ngày 28/11/2016, Bộ NN&PTNT và TCTK ký kết Quy chế phối hợp

số 10068/QCPH-BNNPTNT-TCTK về công tác thống kê và chia sẻ thông tin thống kê. Sau gần 8 năm thực hiện, hai cơ quan đã phối hợp chặt chẽ để triển khai nhiều hoạt động thực chất, đạt kết quả cao, góp phần tích cực vào việc hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mỗi bên.

Trong công tác thống kê, thời gian qua, Bộ NN&PTNT và TCTK đã phối hợp chặt chẽ với triển khai nhiều hoạt động sau:

Thứ nhất, hai cơ quan đã tích cực phối hợp xây dựng và hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thống kê năm 2015 và Luật Thống kê sửa đổi, bổ sung năm 2021; các Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thống kê, Thông tư hướng dẫn của các Bộ về công tác thống kê. Bộ NN&PTNT cũng tích cực góp ý các Đề án, Chiến lược phát triển thống kê..., góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý về công tác thống kê, trong đó có thống kê ngành NN&PTNT.

Thứ hai, Bộ NN&PTNT và TCTK đã chủ động, tích cực phối hợp

chặt chẽ triển khai thực hiện các cuộc điều tra và tổng điều tra trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản được giao từ khâu xây dựng phương án điều tra đến thực hiện và nghiệm thu kết quả.

Thứ ba, hai cơ quan đã triển khai thực hiện nhiều hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ thống kê như: Trao đổi thông tin về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; Chuẩn hóa quy trình xử lý, tổng hợp báo cáo thống kê của Bộ; Định kỳ xây dựng Niên giám thống kê của ngành Nông nghiệp hàng năm...

Bên cạnh những kết quả trên, Bộ NN&PTNT và TCTK còn tích cực, chủ động trao đổi, chia sẻ thông tin thống kê phục vụ chỉ đạo điều hành và nghiên cứu phân tích chuyên sâu.

Là Lãnh đạo phụ trách công tác thống kê tại Bộ NN&PTNT, Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp cho rằng, thời gian qua, công tác phối hợp về công tác thống kê cũng như chia sẻ thông tin thống kê tại một số địa phương còn chưa

chặt chẽ, cần có sự chỉ đạo quyết liệt hơn nữa từ Bộ NN&PTNT và TCTK xuống các Sở NN&PTNT và các Cục Thống kê địa phương trong vấn đề này. Thứ trưởng đề xuất, trong bối cảnh ngành nông nghiệp đang chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng giá trị sản xuất, TCTK cần sớm hoàn thiện phương pháp tính mới để đo lường được đầy đủ giá trị của ngành nông nghiệp. Thứ trưởng đồng thời nhấn mạnh, việc chuyển đổi số trong công tác thống kê là rất quan trọng, hiện TCTK đã có Đề án chuyển đổi số ngành Thống kê và Bộ NN&PTNT cũng đang quyết liệt chỉ đạo chuyển đổi số để tạo kho dữ liệu lớn, từ đó tạo sự đồng nhất dữ liệu với bộ dữ liệu chuẩn, nhanh với thời gian thực.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thống kê trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; đảm bảo tính thống nhất trong việc thu thập, sử dụng thông tin thống kê; sử dụng có hiệu quả nguồn lực hiện có, đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản lý, Bộ NN&PTNT và TCTK đã cùng rà soát, xây dựng dự thảo Quy chế phối hợp về công tác thống kê và chia sẻ thông tin thống kê trong giai đoạn mới. Sau khi nghe đại diện lãnh đạo một số đơn vị thuộc Bộ NN&PTNT và TCTK báo cáo đề xuất nội dung trọng tâm phối hợp công tác giữa hai cơ quan năm 2024, các phát biểu tham luận, dự thảo quy chế mới, các đại biểu đã cùng chứng kiến Thứ trưởng Bộ NN&PTNT Nguyễn Hoàng Hiệp và Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương ký kết quy chế phối hợp về công tác thống kê và chia sẻ thông tin thống kê trong giai đoạn mới giữa hai cơ quan.

Mục tiêu của Quy chế mới là nhằm: (i) Nâng cao hiệu quả công tác thống kê trong lĩnh vực

nông nghiệp và phát triển nông thôn; bảo đảm cung cấp thông tin thống kê kịp thời, thống nhất và chính xác; khai thác tối đa giá trị nguồn dữ liệu hiện có, sử dụng hiệu quả nguồn lực của hai cơ quan đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo điều hành và xây dựng cơ sở dữ liệu ngành; (2) Thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quy chế được thực hiện trên 4 nguyên tắc: (1) Tuân thủ Luật Thống kê và các quy định hiện hành liên quan tới việc thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng và phổ biến thông tin thống kê; thông tin được chia sẻ chỉ sử dụng cho công tác chuyên môn của cơ quan, không cung cấp cho bên thứ ba khi chưa được cơ quan cung cấp số liệu ban đầu đồng ý; Cơ quan nhận số liệu chia sẻ không được công bố số liệu trước thời điểm cơ quan cung cấp ban đầu công bố; ghi rõ nguồn số liệu khi phổ biến; (2) Tuân thủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của hai cơ quan do Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ quy định; (3) Việc trao đổi thông tin thống kê phải bảo đảm

có nội dung cụ thể, rõ ràng, kịp thời, đầy đủ theo yêu cầu đã được thống nhất; (4) Bảo đảm tính cập nhật thường xuyên các nội dung của Quy chế để thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của hai cơ quan trong từng thời kỳ.

Phát biểu tại Hội nghị, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương khẳng định, đây là Hội nghị quan trọng và có ý nghĩa đối với TCTK, góp phần tăng cường và thúc đẩy hơn nữa công tác phối hợp trong lĩnh vực thống kê với Bộ NN&PTNT trong thời gian tới.

Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương mong tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ của Bộ trưởng Lê Minh Hoan, tập thể lãnh đạo Bộ và sự cộng tác, phối hợp chặt chẽ của các đơn vị chức năng thuộc Bộ trong các hoạt động sắp tới của ngành Thống kê:

Một là, phối hợp chặt chẽ với TCTK xác định nội dung Tổng điều tra nông thôn và nông nghiệp năm 2025 để đảm bảo đầy đủ thông tin đánh giá việc triển khai chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

Hai là, tăng cường sử dụng dữ liệu hành chính trong công tác thống kê nhằm biên soạn số liệu thống kê theo hướng minh bạch,





trách nhiệm và đáp ứng đầy đủ, toàn diện yêu cầu quản lý.

Ba là, hỗ trợ và đồng hành cùng TCTK trong việc tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện phương pháp luận thống kê lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tập trung vào nghiên cứu phương pháp luận biên soạn thông tin của các hiện tượng mới phát sinh như thu từ dịch vụ môi trường rừng, tín chỉ các bon...

Bốn là, đẩy mạnh phối hợp công tác chuyển đổi số trong công tác thống kê, tập trung vào chuyển đổi sử dụng công nghệ mới trong thu thập dữ liệu (CAPI, WEBFORM) và sử dụng các nguồn thông tin mới (quan sát trái đất, vệ tinh...); trong đó cần có sự trao đổi về kinh nghiệm ứng dụng công nghệ trong thu thập dữ liệu và tiếp cận, sử dụng các nguồn thông tin về quan sát trái đất, dữ liệu vệ tinh để sản xuất thông tin thống kê.

Năm là, nghiên cứu, đề xuất giải pháp kết nối hệ thống dữ liệu từ cấp xã, huyện, tỉnh để đảm bảo tính liên thông, cập nhật và đảm bảo phạm vi tính toán thống nhất của số liệu thống kê nông nghiệp.

Tại hội nghị, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT Lê Minh Hoan chia sẻ, số liệu thống kê là bằng chứng để Lãnh đạo Đảng, Nhà nước làm căn cứ đưa ra các chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội cả nước.

Công tác thống kê trong lĩnh vực nông nghiệp khó hơn các ngành kinh tế khác bởi chịu tác động từ các yếu tố khách quan như thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... Hiện ngành nông nghiệp đang chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, từ tăng trưởng đơn giá trị sang tăng trưởng tích hợp đa giá trị. Bộ trưởng mong muốn TCTK nghiên cứu bổ sung các chỉ tiêu thống kê trong Tổng Điều tra Nông thôn và nông nghiệp năm 2025, đáp ứng tốt hơn nhu cầu số liệu thống kê về nông nghiệp, đo lường đầy đủ hơn giá trị tạo ra của ngành nông nghiệp, từ đó có được góc nhìn toàn cảnh và rõ nét hơn về bức tranh nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam. Ngành Thống kê cũng cần tăng cường công tác truyền thông để nâng cao nhận thức của lãnh đạo chính quyền các cấp về vai trò của thống kê trong công tác điều hành tại địa phương. Bộ trưởng mong muốn hai cơ quan tiếp tục có những buổi làm việc trao đổi với nhau, để có sự thống nhất cao trong số liệu thống kê và hai bên sẽ tích cực phối hợp trong công tác thống kê cũng như chia sẻ thông tin thống kê theo các nội dung tại Quy chế vừa được ký kết.

Thay mặt lãnh đạo TCTK, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương

cảm ơn những chia sẻ, sự khích lệ động viên của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT Lê Minh Hoan. Điều này tạo động lực để ngành Thống kê tiếp tục thể hiện rõ vai trò của thông tin thống kê trong chỉ đạo, điều hành phù hợp với thời đại, theo đòi hỏi thực tiễn của Việt Nam và xu hướng của thế giới. Tiếp thu những ý kiến của Bộ trưởng Lê Minh Hoan, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, những ý kiến của Bộ trưởng đã và đang được ngành Thống kê thực hiện, thể hiện qua mô hình bảng cân đối liên ngành. Theo đó, các chỉ tiêu thống kê đo lường giá trị của các sản phẩm nông nghiệp đã được ngành Thống kê đưa vào Bộ chỉ tiêu thống kê quốc gia, Bộ chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã. Đây sẽ là số liệu ban đầu giúp không chỉ đo lường giá trị lan tỏa trong nội bộ ngành nông nghiệp, mà còn đo lường tác động tổng hợp của ngành nông nghiệp đến toàn bộ nền kinh tế cũng như giá trị lan tỏa từ ngành nông nghiệp sang các ngành kinh tế khác. Với tinh thần sẵn sàng hợp tác và chia sẻ của TCTK và Bộ NN&PTNT, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương tin tưởng rằng các nội dung của quy chế phối hợp vừa được ký kết hôm nay sẽ được các đơn vị chức năng của hai cơ quan thực hiện tốt./.

B.N

HỘI NGHỊ TẬP HUẤN ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ NĂM 2024



*Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương, phát biểu chỉ đạo
tại Hội nghị Tập huấn*

Ngày 14/7/2023, Tổng cục trưởng TCTK ký Quyết định số 629/QĐ-TCTK về việc ban hành Phương án Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024. Cuộc điều tra được tiến hành vào giữa 2 kỳ Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019 và 2029. Đây là cuộc điều tra thống kê quan trọng thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Để tổ chức hiệu quả cuộc Điều tra, trong 2 ngày 05-06/3/2024, tại tỉnh Lâm Đồng, Tổng cục Thống kê tổ chức Hội nghị tập huấn Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì và chỉ đạo Hội nghị. Tham dự Hội nghị có ông Võ Ngọc Hiệp, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng; Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến; đại diện Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA); đại diện Bộ Công an, Bộ Y tế là thành viên Tổ công tác trung ương

về Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024; đại diện lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị thuộc Tổng cục; đại diện lãnh đạo và chuyên viên 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương cho biết, Tổng cục Thống kê sẽ chủ trì tổ chức thực hiện Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 từ ngày 01/4/2024. Đây là cuộc điều tra có quy mô mẫu lớn nhất trong các cuộc điều tra mẫu do ngành Thống kê chủ trì thực hiện, nhằm các mục đích: (i) Thu thập thông tin về dân số và nhà ở làm cơ sở để đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021 - 2025; xây dựng chính sách, lập kế hoạch dân số và nhà ở phục vụ lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2026 - 2030; giám sát thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết. (ii) Cung cấp số liệu về quy mô dân số đến cấp huyện

5 năm sau Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019; làm cơ sở rà soát, hiệu chỉnh số liệu dân số hàng năm giai đoạn 2020 - 2024; cập nhật kho dữ liệu dân số và nhà ở do Tổng cục Thống kê quản lý phục vụ nghiên cứu, phân tích và dự báo quá trình phát triển dân số và nhà ở giữa hai kỳ tổng điều tra trên phạm vi cả nước và từng địa phương; đáp ứng yêu cầu so sánh quốc tế.

Đây là lần thứ hai TCTK tổ chức cuộc Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ với một số thay đổi so với cuộc điều tra được tổ chức năm 2014. Đặc biệt đây là lần đầu tiên TCTK tiến hành thu thập thông tin phiếu điều tra đối với người nước ngoài đang thường trú trên lãnh thổ Việt Nam.

Để Hội nghị tập huấn đạt kết quả tốt, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đề nghị Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Vụ Thống kê Dân số và Lao động làm rõ những điểm mới, điểm khác biệt của cuộc điều tra lần này so với cuộc điều tra năm 2014 cả về nội dung và hình thức cũng như cách thức thực hiện theo đúng tinh thần tăng cường kết hợp giữa điều tra thực địa với khai thác tối đa hồ sơ hành chính sẵn có trên địa bàn từ các cơ quan, bộ, ban, ngành liên quan.

Về công tác tập huấn, các giảng viên thực hiện tập huấn theo đúng chương trình, nội dung được phân công, hướng dẫn rõ ràng các nội dung nghiệp vụ, tích cực tương tác với các đại biểu tham dự... Các đại biểu tham gia tập huấn cần tiếp thu đầy đủ các nội dung và yêu cầu

của Phương án để tổ chức chỉ đạo tốt cuộc điều tra quan trọng này tại địa phương theo nội dung công việc và tiến độ được quy định. Các thành viên Tổ công tác Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024, các giám sát viên và các đại biểu liên quan cần tập trung tiếp thu những nội dung truyền tải, tích cực liên hệ thực tế địa phương để thực hành; tích cực trao đổi, thảo luận về các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện điều tra tại địa phương. Tổng cục trưởng mong muốn các đại biểu đến từ Bộ Công an, Bộ Y tế, Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc tiếp tục phối hợp, hỗ trợ để thực hiện thành công hội nghị tập huấn và điều tra tại địa bàn...

Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đồng thời yêu cầu công tác tổ chức, chỉ đạo giám sát cần được thực hiện toàn diện, triệt để ngay từ việc tổ chức các lớp tập huấn đến công tác thu thập thông tin, kiểm tra xử lý số liệu. Quá trình kiểm tra, giám sát chất lượng phiếu thu thập phải được thực hiện liên tục ngay trong quá trình thu thập thông tin, góp phần nâng cao chất lượng số liệu về dân số, nhà ở nói riêng và số liệu thống kê nói chung.

Phát biểu tại Hội nghị, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng Võ Ngọc Hiệp cho biết, tỉnh Lâm Đồng có diện tích hơn 9.700 km² với dân số năm 2023 là 1,3 triệu người, 12 đơn vị hành chính cấp huyện gồm 10 huyện và 2 thành phố. Nằm gần vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và gần các trung tâm kinh tế lớn cả nước. Những năm qua, diện mạo của Lâm Đồng có nhiều khởi sắc, nhiều dự án công trình lớn được đầu tư xây dựng, phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Cũng trong thời gian qua, Tổng cục Thống kê và UBND tỉnh Lâm Đồng có sự hỗ trợ và phối hợp tích cực trong thực hiện các chính sách

pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là lĩnh vực thống kê. Đối với địa phương, các chỉ tiêu tổng hợp quan trọng do ngành Thống kê cung cấp đều nhận được sự đánh giá cao, thống nhất sử dụng trong các hội nghị quan trọng của Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân, UBND tỉnh Lâm Đồng. Bên cạnh đó, ngành Thống kê tỉnh Lâm Đồng biên soạn đầy đủ số liệu, hoàn thành báo cáo phân tích thống kê tổng hợp, phục vụ việc xây dựng văn kiện Đại hội Đảng của Tỉnh qua các nhiệm kỳ, phục vụ Tỉnh ủy, HĐND Tỉnh ra các Nghị quyết, tham gia xây dựng các đề án phát triển kinh tế - xã hội, các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn của địa phương, phục vụ có hiệu quả sự chỉ đạo, điều hành của UBND Tỉnh. Phó Chủ tịch Võ Ngọc Hiệp cảm ơn sự hỗ trợ rất tích cực của Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với tỉnh Lâm Đồng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh nói chung cũng như quá trình xây dựng để trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Trong hai ngày diễn ra tập huấn, các đại biểu được nghe các giảng viên giới thiệu Phương án Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024; các phiếu điều tra xác định nhân khẩu thực tế thường trú, thông tin về lịch sử sinh của phụ nữ, thông tin về nhà ở...; hướng dẫn thu thập thông tin phiếu điều tra đối với

người nước ngoài; một số lưu ý trong quá trình thu thập thông tin, xử lý và sử dụng số liệu điều tra; hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm CAPI, sử dụng trang web tác nghiệp điều tra, hướng dẫn thực hành phần mềm điều tra, sử dụng kinh phí điều tra. Hội nghị cũng dành thời gian để các giảng viên, đại biểu tham dự tập huấn thảo luận, trao đổi, giải đáp các vướng mắc, vấn đề sẽ phát sinh trong thực tế để sẵn sàng và thực hiện tốt cuộc Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ bắt đầu được thực hiện từ ngày 01/4/2024 tới đây.

Kết luận Hội nghị, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến đánh giá cao công tác chuẩn bị Hội nghị tập huấn của Cục Thu thập dữ liệu và ứng dụng CNTT thống kê; đồng thời yêu cầu các Cục Thống kê chuẩn bị kỹ công tác tập huấn cho điều tra viên; Cục Thu thập dữ liệu và ứng dụng CNTT thống kê chủ trì, phối hợp Vụ Thống kê Dân số và lao động tiếp thu góp ý, hoàn thiện tài liệu hướng dẫn thực hiện phương án... Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến nhấn mạnh, với tầm quan trọng của cuộc điều tra, yêu cầu tất cả các đơn vị trong toàn ngành nâng cao tinh thần trách nhiệm, đồng lòng, phối hợp chặt chẽ thực hiện thành công cuộc Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024./

B.N



SỰ CẦN THIẾT TRIỂN KHAI ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ NĂM 2024

Nguyễn Thị Thanh Mai – Phó Vụ trưởng
Nguyễn Văn Hưng – Thống kê viên chính
Vụ Thống kê Dân số và Lao động - TCTK

Con người vừa mục tiêu, vừa là động lực cho sự phát triển và thịnh vượng của mỗi quốc gia, dân tộc. Vì vậy phát triển con người luôn được chú trọng và đề cập trong các nghị quyết của Đảng và các chính sách của Nhà nước.

Việc cung cấp các thông tin đầy đủ, kịp thời và đáng tin cậy về quy mô dân số, tình trạng nhà ở và một số các đặc trưng cơ bản khác ở phạm vi quốc gia và ở các cấp hành chính nhỏ hơn có giá trị đặc biệt quan trọng phục vụ cho việc quản lý, quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội.

Thực tế ở Việt Nam hiện nay, hầu hết các chính sách quan trọng như sáp nhập, chia tách tỉnh, huyện, xã; phân bổ ngân sách; quy hoạch, nhà ở... đều cần thông tin về dân số và nhà ở và một số đặc trưng cơ bản.

Mặc dù, hiện nay, Việt Nam đã xây dựng thành công cơ sở dữ liệu căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Cơ sở dữ liệu này hiện đang giao cho Bộ Công an quản lý). Tuy nhiên, chúng ta vẫn cần triển khai điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ vì một số lý do sau:

Trước hết, Điều tra dân số nói chung và Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ nói riêng nhằm thu thập thông tin về con người trong đời sống kinh tế - xã hội thực tế của một khu vực địa lý, một quốc gia theo các tiêu chí được thừa nhận và áp dụng trên toàn thế giới. Các tiêu chí này không hoàn toàn thống nhất với quy định của cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia. Cụ thể, để xác định một người sẽ được tính vào dân số của một địa bàn hành chính nào đó, Điều tra dân số dựa trên khái niệm “nhân khẩu thực tế thường trú”. Nhân khẩu thực tế thường trú là những người đã cư trú ổn định trên địa bàn từ 6 tháng trở lên hoặc chưa đủ 6 tháng nhưng có ý định cư trú ổn định lâu dài tại địa bàn, không phân biệt họ

có hay không có các giấy tờ đảm bảo cư trú cần thiết như: Sổ hộ khẩu, giấy đăng ký tạm trú,...

Trong khi đó, để được ghi nhận vào cơ sở dữ liệu dân cư của một địa phương nào đó trong cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia, công dân cần phải thực hiện các thủ tục đăng ký hộ khẩu, đăng ký tạm trú theo đúng quy định. Nếu vì một lý do nào đó, công dân không thực hiện các thủ tục theo quy định thì họ sẽ không được tính là dân số của địa phương họ đang thực tế thường trú.

Ví dụ, nhiều người dân đăng ký hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh A, nhưng sau đó, họ chuyển đến tỉnh B sinh sống và làm việc ổn định, thường xuyên. Như vậy, Điều tra dân số ghi nhận là họ là dân số của tỉnh B không phân biệt họ đã hay chưa có hộ khẩu thường trú, đã đăng ký tạm trú hay chưa đăng ký tạm trú ở tỉnh B. Trong khi đó, cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia có thể vẫn ghi nhận những người này ở tỉnh A do họ chưa có giấy tờ đăng ký ở tỉnh B. Điều này dẫn đến sự khác biệt về số liệu dân số quản lý trên giấy tờ nhân thân khác với số liệu dân số trên thực tế tại một địa phương, gây khó khăn cho công tác quản lý và phân bổ nguồn lực thực tế tại địa phương.

Bên cạnh đó, điều tra dân số không chỉ thu thập thông tin về dân số mà còn thu thập các thông tin về nhà ở của các hộ dân cư cùng với một số chỉ tiêu thống kê quan trọng khác để đánh giá chất lượng cuộc sống của người dân như: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi chưa được đăng ký khai sinh, trình độ học vấn của dân số, tỷ lệ người dân tộc biết chữ phổ thông, tỷ suất di cư thuần của dân số; tỷ suất sinh, tỷ suất chết, các đặc điểm nhà ở của hộ dân cư... Những chỉ tiêu thống kê này hiện chưa thể tính toán được từ nguồn cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia.

Ngoài ra, các thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là thông tin cá nhân, trong khi



các thông tin thu thập từ Điều tra dân số là thông tin về cá nhân sống trong một hộ dân cư. Trên thực tế, đặc trưng của mỗi cá nhân bị tác động rất nhiều bởi đặc trưng của hộ, những người sống cùng trong hộ và các điều kiện sống, điều kiện sinh hoạt của họ. Các nghiên cứu, phân tích và chính sách phần nhiều phải dựa vào hộ dân cư, mà thông tin về hộ và các đặc điểm của hộ thì chưa có được từ cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia.

Trên tất cả, các thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mang tính pháp lý, bảo mật và riêng tư. Hiện nay, cơ chế chia sẻ để khai thác nguồn dữ liệu này phục vụ công tác thống kê còn đang thiếu, vì vậy khả năng tiếp cận nguồn thông tin này phục vụ các hoạt động nghiên cứu và phân tích của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước còn gặp nhiều hạn chế.

Chính vì vậy, Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ vẫn nằm trong chương trình Điều tra Thống kê Quốc gia do Thủ tướng Chính phủ ban hành (theo Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023). Thực hiện chương trình Điều tra thống kê quốc gia, ngày 14 tháng 7 năm 2023, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã ký Quyết định số 629/QĐ-TCTK ban hành Phương án Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024. Cuộc điều tra này được thực hiện trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, gồm tất cả các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (ngoại trừ 4 huyện đảo nhỏ là: Bạch Long Vỹ, Cồn Cỏ, Hoàng Sa, và Trường Sa).

Mục đích của cuộc điều tra là:

Một là, thu thập thông tin về dân số và nhà ở làm cơ sở để đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021 - 2025; xây dựng chính sách, lập kế hoạch dân số và nhà ở phục vụ lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2026 - 2030; giám sát thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết. Cần nhấn mạnh rằng thông tin

từ Cuộc điều tra này là nguồn dữ liệu quan trọng để báo cáo mục tiêu phát triển bền vững (SDG), có tới 107 trong số 232 chỉ tiêu của mục tiêu phát triển bền vững yêu cầu dữ liệu dân số để tính toán. Gần 20 chỉ tiêu SDG có thể được tính toán trực tiếp và đầy đủ chỉ từ dữ liệu Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ 2024.

Hai là, cung cấp số liệu về quy mô dân số đến cấp huyện làm cơ sở rà soát, hiệu chỉnh số liệu dân số hàng năm giai đoạn 2020 - 2024; cập nhật kho dữ liệu dân số và nhà ở do Tổng cục Thống kê quản lý phục vụ nghiên cứu, phân tích và dự báo quá trình phát triển dân số và nhà ở giữa hai kỳ tổng điều tra trên phạm vi cả nước và từng địa phương; đáp ứng yêu cầu so sánh quốc tế.

Ba là, do quy mô mẫu đủ lớn nên kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ 2024 sẽ được sử dụng để tiến hành các phân tích chuyên sâu về sự chuyển dịch nhân khẩu học ở Việt Nam, xu hướng già hóa dân số, vấn đề lựa chọn giới tính khi sinh, tình trạng sử dụng nhà ở và điều kiện sống của người dân.

Một điểm mới trong Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ 2024 là sẽ thu thập thông tin về người nước ngoài đang sinh sống tại Việt Nam. Mặc dù trên thực tế, số liệu thống kê về người nước ngoài ở Việt Nam đã được nhiều bộ, ngành quản lý và báo cáo, tuy nhiên hiện nay, các số liệu này còn rời rạc và thiếu đồng bộ và chưa được sử dụng để phục vụ hiệu quả công tác quản lý. Việc thu thập thông tin về nhóm người này sẽ là cơ sở để biên soạn các chỉ tiêu thống kê giúp Việt Nam bước đầu có được nguồn số liệu đáng tin cậy để đánh giá quy mô, đặc điểm kinh tế - xã hội và các đặc trưng nhân khẩu học về người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam. Từ đó có những chính sách phù hợp để thúc đẩy phát triển bền vững.

Ngoài ra, trong cuộc điều tra này, Tổng cục Thống kê cũng xây dựng kế hoạch phối hợp với Bộ Công an nghiên cứu tận dụng những số liệu có thể tính toán dựa trên cơ sở dữ liệu dân cư để đối chiếu, so sánh với kết quả thu thập thông tin tại địa bàn trong cuộc điều tra nhằm hoàn chỉnh các nghiên cứu và phương pháp luận, tiến tới khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu hành chính phục vụ công tác thống kê.

Cuộc điều tra sẽ được thực hiện từ ngày 01/4/2024 đến hết ngày 30/4/2024 tại khoảng gần 40 nghìn địa bàn trong tổng số hơn 200 nghìn địa bàn trên phạm vi cả nước. Đến nay, mọi công tác chuẩn bị cuộc điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ về cơ bản đã hoàn thành, sẵn sàng cho một cuộc điều tra quốc gia quy mô lớn, phạm vi rộng, mức độ tin cậy cao như Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ 01/4/2024./

MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ NĂM 2024

Phương án điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 được ban hành theo Quyết định số 629/QĐ-TCTK ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê. Thực hiện phương án, từ ngày 01/4/2024, TCTK bắt đầu thực hiện thu thập thông tin cuộc điều tra.

Mục đích của cuộc điều tra

Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 (viết gọn là Điều tra DSGK 2024) được thực hiện nhằm các mục đích:

- Thu thập thông tin về dân số và nhà ở làm cơ sở để đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021 - 2025; xây dựng chính sách, lập kế hoạch dân số và nhà ở phục vụ lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2026 - 2030; giám sát thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết.

- Cung cấp số liệu về quy mô dân số đến cấp huyện 5 năm sau Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (viết gọn là Tổng điều tra 2019); làm cơ sở rà soát, hiệu chỉnh số liệu dân số hàng năm giai đoạn 2020 - 2024; cập nhật kho dữ liệu dân số và nhà ở do Tổng cục Thống kê quản lý phục vụ nghiên cứu, phân tích và dự báo quá trình

phát triển dân số và nhà ở giữa hai kỳ tổng điều tra trên phạm vi cả nước và từng địa phương; đáp ứng yêu cầu so sánh quốc tế.

Yêu cầu điều tra

Cuộc điều tra được tiến hành đảm bảo các yêu cầu: Thực hiện đúng các nội dung quy định trong Phương án. Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê. Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả. Kết quả điều tra phải đáp ứng yêu cầu thông tin liên quan đến dân số của các chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (đối với các chỉ tiêu dân số phân tổ đến cấp tỉnh, cấp huyện); đáp ứng yêu cầu so sánh quốc tế.

Phạm vi điều tra

Điều tra DSGK 2024 được thực hiện trên phạm vi cả nước tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc

trung ương (tỉnh, thành phố), gồm tất cả các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (huyện) ngoại trừ 4 huyện đảo nhỏ là: Bạch Long Vỹ (thành phố Hải Phòng); Côn Cỏ (tỉnh Quảng Trị); Hoàng Sa (thành phố Đà Nẵng); Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa).

Đối tượng điều tra

Đối tượng điều tra của Điều tra DSGK 2024 bao gồm: (i) Hộ dân cư (bao gồm cả thông tin về nhà ở của hộ). (ii) Nhân khẩu thực tế thường trú của hộ dân cư (bao gồm cả những người thuộc lực lượng vũ trang, người có quốc tịch nước ngoài hiện đang ăn, ngủ tại hộ), không bao gồm những người đang sống trong khu vực quản lý riêng của quân đội và công an.

Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra của Điều tra DSGK 2024 là hộ dân cư (viết gọn là hộ). Hộ bao gồm một người ăn riêng, ở riêng hoặc một nhóm người ở chung và ăn chung. Đối với hộ có từ 02 người trở lên, các thành viên trong hộ có thể có hoặc không có quan hệ ruột thịt, hôn nhân, nuôi dưỡng; có hoặc không có quỹ thu - chi chung.

Loại điều tra

Điều tra DSGK 2024 là cuộc điều tra chọn mẫu, mẫu được thiết kế đảm bảo mức độ đại diện đến cấp huyện đối với chỉ tiêu về quy mô dân số và cấp tỉnh đối với các chỉ tiêu còn lại. Điều tra



DSGK 2024 sử dụng dần mẫu tổng thể của Tổng điều tra 2019 làm dần chọn mẫu.

Thời điểm điều tra: 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2024.

Thời gian thu thập thông tin: Thời gian thu thập thông tin trong Điều tra DSGK 2024 bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2024 đến ngày 30 tháng 4 năm 2024.

Phương pháp thu thập thông tin

Điều tra DSGK 2024 áp dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp. Điều tra viên (ĐTV) đến từng hộ để hỏi người cung cấp thông tin và ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điều tra điện tử được thiết kế trên thiết bị di động thông minh (CAPI).

Một số trường hợp đặc biệt, đối với những đối tượng điều tra không thể tiếp cận trực tiếp hoặc tiếp cận nhiều lần không được, Cục trưởng Cục Thống kê quyết định lựa chọn phương pháp thu thập thông tin phù hợp bằng cách gửi mẫu phiếu giấy hoặc phiếu điện tử (CAPI hoặc Webform) để đối tượng điều tra tự cung cấp thông tin.

Người cung cấp thông tin

Chủ hộ (hoặc người trưởng thành am hiểu về các thành viên trong hộ khi chủ hộ đi vắng) là người cung cấp thông tin của hộ và thành viên hộ. Đối với những thông tin về thành viên hộ mà chủ hộ không nắm chắc, ĐTV gặp và phỏng vấn trực tiếp thành viên hộ thu thập thông tin.

Khi thu thập thông tin về nhà ở, điều tra viên hỏi chủ hộ (hoặc người cung cấp thông tin) kết hợp với quan sát trực tiếp ngôi nhà hoặc căn hộ để ghi kết quả vào phiếu điều tra. Thông tin về lịch sử sinh phải hỏi trực tiếp đối tượng điều tra là nữ từ 10 - 49 tuổi. Đối với những người tạm vắng trong suốt thời gian điều tra, điều tra viên có thể hỏi những người khác

trong hộ, hoặc dựa vào những tài liệu do người thân hoặc chính quyền cung cấp để ghi thông tin vào phiếu điều tra.

Nội dung điều tra

Điều tra DSGK 2024 thu thập thông tin về 7 nội dung chính sau: (i) Thông tin về nhân khẩu học của các thành viên hộ; (ii) Thông tin về di cư; (iii) Thông tin về giáo dục; (iv) Thông tin về hôn nhân; (v) Thông tin về lịch sử sinh của nữ từ 10 - 49 tuổi; (vi) Thông tin về người chết của hộ; (vii) Thông tin về nhà ở và điều kiện sống của hộ.

Phiếu điều tra

Điều tra DSGK 2024 sử dụng 03 loại phiếu để thu thập thông tin phục vụ lập bảng kê hộ dân cư và thu thập thông tin phục vụ tổng hợp các chỉ tiêu, cụ thể như sau:

- Phiếu 01/DSGK-BK: Thu thập các thông tin phục vụ lập bảng kê hộ dân cư.

- Phiếu 02/DSGK-PN: Thu thập thông tin nhân khẩu học và di cư của dân số, thông tin về người chết trong vòng 5 năm và nhà ở của hộ.

- Phiếu 03/DSGK-PD: Ngoài các thông tin như Phiếu 02/DSGK-PN, bổ sung thu thập các thông tin về tình trạng hôn nhân, giáo dục của thành viên hộ; lịch sử sinh của nữ từ 10-49 tuổi, thông tin về nhà ở và điều kiện sống của hộ.

Phân loại thống kê sử dụng trong điều tra

Điều tra DSGK 2024 sử dụng các danh mục và bảng phân loại thống kê như sau:

1. Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi đã được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm điều tra;

2. Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam ban hành theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ

ngày 02/3/1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê;

3. Danh mục giáo dục, đào tạo của Hệ thống giáo dục quốc dân ban hành theo Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

4. Danh mục các tôn giáo được Nhà nước Việt Nam công nhận và cấp đăng ký hoạt động đến thời điểm điều tra;

5. Danh mục quốc gia và vùng lãnh thổ;

6. Bảng chuyển đổi năm âm lịch sang năm dương lịch;

7. Bảng chuyển đổi trình độ văn hoá phổ thông.

Quy trình xử lý thông tin

Thông tin trên phiếu điện tử được điều tra viên (ĐTV) hoàn thành và gửi về máy chủ của Tổng cục Thống kê. Tại đây, dữ liệu được giám sát viên cấp huyện, tỉnh và trung ương kiểm tra, duyệt và nghiệm thu.

Dữ liệu được kiểm tra, nghiệm thu (duyet) bởi các giám sát viên (viết tắt là GSV) huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (viết gọn là GSV cấp huyện), GSV cấp tỉnh và GSV cấp trung ương.

Dữ liệu sau khi làm sạch được tích hợp với các nguồn dữ liệu hành chính (dữ liệu xuất nhập cảnh, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư...) của các bộ, ngành liên quan phục vụ việc biên soạn các chỉ tiêu thống kê thuộc phạm vi thu thập thông tin của cuộc điều tra.

Tổng hợp kết quả điều tra

Kết quả điều tra được tổng hợp theo mẫu biểu phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê được phân công theo chức năng nhiệm vụ của các đơn vị. Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê (Cục TTDL) chủ trì xây dựng phần mềm, công cụ để tổng hợp các chỉ tiêu theo mẫu biểu./.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ THIẾT KẾ VÀ CHỌN MẪU

TRONG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ NĂM 2024

Điều tra DSGK 2024 là cuộc điều tra chọn mẫu, mẫu được thiết kế đảm bảo mức độ đại diện đến cấp huyện đối với chỉ tiêu về quy mô dân số và cấp tỉnh đối với các chỉ tiêu còn lại.

Cỡ mẫu dàn chọn mẫu

Trong Điều tra DSGK 2024, cỡ mẫu 20% địa bàn điều tra của cả nước (tương đương 39.340 địa bàn) được xác định là đủ để ước lượng quy mô dân số đại diện đến cấp huyện.

Dàn chọn mẫu sử dụng trong Điều tra DSGK 2024 là dàn mẫu tổng thể của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (TĐTDS 2019) sau khi đã loại các địa bàn đặc thù và được cập nhật đến tháng 10/2023.

Quy mô hộ được sử dụng cho việc phân bổ mẫu là quy mô hộ sau khi cập nhật.

Phân bổ mẫu

Phân bổ mẫu cấp huyện

Mỗi huyện được xác định là một tầng chọn mẫu riêng. Phương pháp phân bổ mẫu tỷ lệ thuận với căn bậc hai của quy mô hộ

(square root allocation) được lựa chọn để phân bổ địa bàn điều tra cho từng huyện. Phương pháp này khắc phục được những hạn chế của phương pháp phân bổ mẫu nghịch đảo và phương pháp phân bổ mẫu tỷ lệ thuận với quy mô. Với phương pháp này, những huyện lớn, có nhiều hộ, sẽ có tỷ lệ nhỏ hơn tỷ lệ mẫu chung của toàn quốc và những huyện nhỏ, có ít hộ, sẽ có tỷ lệ mẫu lớn hơn tỷ lệ chung của toàn quốc. Điều này sẽ giúp làm tăng tính đại diện mẫu cho tất cả các huyện; đồng thời vẫn bảo đảm ý nghĩa tổng hợp cho cấp tỉnh và toàn quốc.

Quy mô địa bàn tối thiểu được xác định cho cấp huyện là 24 địa bàn. Sau khi thực hiện phân bổ theo phương pháp trên, những huyện có số địa bàn mẫu được phân bổ nhỏ hơn 24 sẽ được tăng lên thành 24. Những huyện nhỏ có tỷ lệ phân bổ mẫu lớn hơn 50% sẽ được điều chỉnh giảm xuống còn 50% nhưng vẫn phải bảo đảm số địa bàn tối thiểu là 24. Bốn huyện đảo nhỏ không bao gồm trong Điều tra DSGK 2024 là: Bạch Long Vĩ (Tp. Hải Phòng), Côn Cỏ (tỉnh Quảng Trị),

Hoàng Sa (Tp. Đà Nẵng) và Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa).

Phân bổ mẫu cấp tỉnh

Tương tự như cấp huyện, để đảm bảo tính đại diện đối với mẫu cấp tỉnh, phương pháp phân bổ mẫu tỷ lệ thuận với căn bậc hai của quy mô hộ cũng được sử dụng để phân bổ mẫu cho từng tỉnh. Cỡ mẫu 6,5% địa bàn điều tra của cả nước được xác định là đủ để đại diện cho các chỉ tiêu cấp tỉnh. Sau khi thực hiện phân bổ theo phương pháp trên, những tỉnh có số địa bàn mẫu được phân bổ ít hơn 120 sẽ được tăng lên thành 120.

Chọn mẫu

Trên cơ sở dàn mẫu của TĐTDS 2019 và kết quả cập nhật danh sách địa bàn đến năm 2023 (sau khi đã loại các địa bàn đặc thù, địa bàn bị giải tỏa và cập nhật mã và tên đơn vị hành chính, thành thị/nông thôn). Công tác chọn địa bàn điều tra được thực hiện như sau:

Chọn địa bàn cấp huyện

Sau khi loại 4 huyện đảo nhỏ đã nêu trên, cả nước có 692 dàn mẫu cấp huyện. Thực hiện chọn mẫu cho 692 huyện theo các bước:

(i) Sắp xếp thứ tự các địa bàn trong huyện theo mã thành thị, nông thôn, mã xã và mã địa bàn (đã được rà soát và cập nhật mới);

(ii) Thực hiện chọn mẫu theo phương pháp xác suất tỷ lệ thuận với quy mô hộ (Probability Proportional to Size - PPS).

Theo phương pháp chọn mẫu PPS, những địa bàn có số hộ lớn hơn sẽ có khả năng rơi vào mẫu cao hơn và ngược lại. So với phương pháp chọn mẫu hệ thống thông thường (chọn mẫu theo khoảng cách), phương pháp này góp phần làm giảm sai số mẫu khi suy rộng.

Chọn địa bàn cấp tỉnh

Điều tra DSGK 2024 sử dụng 2 loại phiếu: Phiếu ngắn và phiếu dài. Phiếu ngắn là một phần của phiếu dài. Các chỉ tiêu có chung ở phiếu ngắn và phiếu dài sẽ được tổng hợp chung để tính toán suy rộng quy mô dân số cho cấp huyện. Vì vậy, mẫu điều tra phiếu ngắn sẽ chứa đựng mẫu điều tra phiếu dài, hay nói cách khác, mẫu điều tra phiếu dài sẽ là mẫu con của phiếu ngắn.

Sau khi hoàn thành công việc chọn mẫu cho từng huyện theo phương pháp PPS, mẫu phiếu ngắn của mỗi huyện được hòa chung vào thành dàn mẫu của tỉnh. 63 tỉnh là 63 dàn mẫu được sắp xếp lại theo thứ tự: Thành thị/nông thôn (mới); mã huyện mới; mã xã mới và mã địa bàn.

Chọn mẫu cấp tỉnh cũng sử dụng phương pháp chọn mẫu PPS (xác suất chọn mẫu tỷ lệ thuận với quy mô) để chọn mẫu các địa bàn phiếu dài.

Chọn hộ điều tra

Trong mỗi địa bàn điều tra đã được chọn, tiến hành điều tra 30 hộ để thực hiện thu thập thông tin. Việc không điều tra toàn bộ số hộ trong một địa bàn một mặt giúp tiết kiệm kinh phí và nguồn lực, mặt khác góp phần làm giảm tác động của thiết kế mẫu (design effect) từ đó sẽ làm giảm sai số chọn mẫu. Công tác chọn hộ do Cục Thống kê thực hiện trên chương trình phần mềm theo phương pháp chọn mẫu hệ thống sau khi hoàn thành công tác cập nhật bảng kê hộ trong các địa bàn điều tra./.

HỘI NGHỊ TẬP HUẤN ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2024

Sáng ngày 14/3/2024, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội nghị tập huấn Điều tra doanh nghiệp năm 2024 theo hình thức trực tuyến và trực tiếp. Phó Tổng cục trưởng TCTK Lê Trung Hiếu chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị tập huấn, tại điểm cầu trực tiếp cơ quan TCTK có đại diện lãnh đạo các Vụ, Cục và chuyên viên các đơn vị liên quan trực thuộc cơ quan Tổng cục. Tham dự trực tuyến tại điểm cầu 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đại diện lãnh đạo Cục Thống kê và công chức chuyên trách lĩnh vực liên quan.

Điều tra doanh nghiệp là cuộc điều tra quan trọng thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia được ngành Thống kê thực hiện hằng năm. Kết quả điều tra ngoài việc dùng để biên soạn các chỉ tiêu thống kê về tình hình, kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) của doanh nghiệp (DN), hợp tác xã (HTX), còn dùng để biên soạn 2 ấn phẩm rất quan trọng hằng năm là Sách Trắng DN và Sách Trắng HTX.

Thực hiện phương án Điều tra DN năm 2024 ban hành theo Quyết định số 638 ngày 17/7/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, cuộc Điều tra DN năm nay tiếp tục thu thập thông tin các tập đoàn, tổng công ty, DN, HTX và các chi nhánh hạch toán độc lập. Tuy nhiên, khác với Điều tra DN năm 2023, năm nay sẽ không thu thập thông tin từ các phụ biểu, mà sẽ xác định các ngành sản phẩm do DN, chi nhánh sản xuất ra để chuyển sang thu thập thông tin các phiếu chuyên ngành tương ứng. Cụ thể bổ sung 2 phiếu chuyên ngành thu thập thông tin về hoạt động thương mại và hoạt động dịch vụ khác; đối với nội dung thông tin, bổ sung chi tiết các chỉ tiêu về tài sản cố định của doanh nghiệp phục vụ lập bảng cân đối tài sản tại phiếu doanh nghiệp mẫu.

Nhằm truyền tải các nội dung của cuộc điều tra tới lãnh đạo các đơn vị, chuyên viên và giám sát viên (GSV) Cục Thống kê cấp tỉnh nắm vững nghiệp vụ để tổ chức triển khai thực hiện tốt tại địa phương, tại Hội nghị tập huấn, Phó Tổng cục trưởng TCTK Lê Trung Hiếu yêu cầu:

Về công tác tập huấn, các giảng viên cần truyền đạt đầy đủ nội dung chính của Phương án điều tra, tập trung trình bày kỹ, nhấn mạnh những điểm mới, nội dung quan trọng của Phương án, quy trình thực hiện điều tra sử dụng phiếu điện tử. Đặc biệt, cần hướng dẫn kỹ cho DN và xử lý, hiệu chỉnh việc xác định chính xác các mã ngành sản xuất kinh doanh của DN, cũng như mã ngành sản phẩm của DN, chi nhánh. Tăng cường thực hành, đưa ra các tình huống giả định để cùng nhau bàn biện pháp xử lý phù hợp để luôn sẵn sàng xử lý tình huống khi gặp



trong thực tế. Đặc biệt, các đồng chí ở địa phương đã tham gia nhiều kỳ điều tra DN, có thể thảo luận, chia sẻ những kinh nghiệm hay, những bài học quý, cũng như đưa ra những khó khăn, vướng mắc của các cuộc điều tra trước. Thực hiện phương pháp giảng dạy tích cực giảng viên cần đan xen trình bày bài giảng với việc đặt các câu hỏi để gợi ý trong việc áp dụng thực tế tại các địa phương.

Đối với đại biểu tham dự Hội nghị tập huấn là các đồng chí Lãnh đạo Cục Thống kê cấp tỉnh cần tiếp thu đầy đủ các nội dung và yêu cầu của Phương án Điều tra doanh nghiệp năm 2024 để tổ chức chỉ đạo tốt cuộc điều tra này tại địa phương theo nội dung công việc và tiến độ đã được quy định; chỉ đạo các đại biểu ở địa phương mình tham gia tập huấn đầy đủ đúng thành phần, đúng giờ. Đối với các đồng chí là giám sát viên và các đại biểu liên quan cần tập trung tiếp thu những nội dung được truyền tải, tích cực liên hệ thực tế địa phương để thực hành. Đề nghị làm rõ ngay những nội dung còn băn khoăn hoặc chia sẻ chung những đặc thù địa phương

mình để mọi người cùng hiểu sâu.

Về công tác tổ chức, chỉ đạo giám sát, chất lượng của các cuộc điều tra thống kê nói chung và Điều tra DN năm 2024 nói riêng cần phải luôn được nâng cao, đặc biệt hạn chế tối đa tình trạng DN điền sai thông tin, sai phạm vi, xác định sai mã ngành sản xuất kinh doanh, mã ngành sản phẩm. Do đó, trong cuộc điều tra, Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu đề nghị việc kiểm tra giám sát được thực hiện toàn diện, triệt để ngay từ việc tổ chức các lớp tập huấn đến công tác thu thập thông tin.

Tại Hội nghị tập huấn, các đại biểu được nghe và thảo luận về các nội dung tập huấn như: Giới thiệu nội dung Phương án Điều tra DN năm 2024; Giới thiệu quy trình chọn mẫu điều tra, rà soát và thay mẫu DN năm 2024; Giới thiệu nội dung và hướng dẫn điền phiếu 1/DNTB, phiếu 1/DN-Mẫu và phiếu 1/DN-NL trong điều tra DN năm 2024; Giới thiệu nội dung và hướng dẫn điền phiếu chuyên ngành điều tra DN năm 2024; Giới thiệu nội dung và hướng dẫn điền phiếu điều tra DN năm 2023 (Phiếu Xuất nhập khẩu dịch vụ); Giới thiệu chức năng phần mềm

quản lý giám sát và điều tra đối với điều tra DN năm 2024; Một số lưu ý trong quá trình kiểm tra dữ liệu vi mô điều tra DN; Một số lưu ý và lỗi thường gặp trong kiểm tra biểu tổng hợp điều tra DN.

Kết luận Hội nghị tập huấn, thay mặt đơn vị chủ trì, Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ Thông tin Thống kê Vũ Thị Thu Thủy đánh giá cao những trao đổi nghiệp vụ và nắm bắt nội dung của các đại biểu tham dự Hội nghị tập huấn; các đại biểu cũng đã nhiệt tình trao đổi về những nội dung chưa rõ để cùng đơn vị tổ chức giải đáp kịp thời, thỏa đáng những câu hỏi đại biểu đưa ra. Để triển khai tốt cuộc điều tra, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ Thông tin Thống kê cũng đưa ra đề nghị như: Cục Thống kê cấp tỉnh tiếp tục hướng dẫn các giám sát viên, điều tra viên nghiên cứu kỹ nội dung phiếu hỏi, cách thức thu thập thông tin trong phần mềm điều tra để thực hiện đúng yêu cầu nội dung Phương án; đồng thời chỉ đạo các đơn vị liên quan trong Cục phối hợp chặt chẽ để công tác điều tra triển khai được thuận lợi.../.

M.T

Tổng cục Thống kê thực hiện 4 kỳ KHẢO SÁT MỨC SỐNG DÂN CƯ TRONG NĂM 2024

Ngày 15/02/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia. Theo đó, Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam được Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) thực hiện theo chu kỳ hằng quý, vào thời điểm ngày 01 tháng giữa quý.

Thực hiện Khảo sát mức sống dân cư năm 2024, ngày 17/7/2023, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã ký Quyết định số 636/QĐ-TCTK ban hành Phương án Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2024.

Theo Phương án, Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2024 (viết tắt là KSMS 2024) là điều tra mẫu được thực hiện nhằm mục đích: (i) Thu thập thông tin, tổng hợp và biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia về mức sống hộ dân cư để đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê trong việc đánh giá thực trạng đời sống của dân cư; đo lường nghèo và phân hóa giàu nghèo trong cộng đồng dân cư; (ii) Thu thập thông tin tính quyền số chỉ số giá tiêu dùng cho giai đoạn 2025-2030 phục vụ hoạch định chính sách, kế hoạch, giám sát và đánh giá một số chương trình mục tiêu quốc gia.

KSMS 2024 được tiến hành trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đối tượng KSMS 2024 gồm: Hộ dân cư (viết gọn là hộ) và các thành viên hộ, các xã có hộ được chọn khảo sát (viết gọn là xã).

Đơn vị khảo sát của KSMS 2024 là hộ và xã được chọn khảo sát. Hộ là một hoặc một nhóm người

ăn chung, ở chung từ 6 tháng trở lên trong 12 tháng qua và có chung quỹ thu chi.

KSMS 2024 được tiến hành trong 4 kỳ vào tháng Hai, tháng Năm, tháng Tám và tháng Mười một năm 2024. Thời gian thu thập thông tin tại địa bàn mỗi kỳ là 25 ngày (bao gồm cả thời gian di chuyển), bắt đầu vào ngày 01 đến ngày 25.

KSMS 2024 áp dụng phương pháp phỏng vấn và cân đo trực tiếp. Điều tra viên (ĐTV), nhân trắc viên và đội trưởng sử dụng phiếu điện tử được cài đặt trên thiết bị điện tử thông minh (CAPI) để thu thập thông tin. Điều tra viên (ĐTV) có trách nhiệm đến gặp trực tiếp chủ hộ và những thành viên trong hộ có liên quan để phỏng vấn và ghi thông tin vào phiếu phỏng vấn hộ trên CAPI. Nhân trắc viên cân đo trực tiếp thành viên dưới 16 tuổi của hộ khảo sát và ghi thông tin vào phần nhân trắc trong phiếu CAPI. Đội trưởng đội khảo sát phỏng vấn lãnh đạo xã và người có liên quan, ghi thông tin vào phiếu phỏng vấn xã trên CAPI. Để bảo đảm chất lượng thông tin thu thập, ĐTV, nhân trắc viên và đội trưởng không được sao chép thông tin từ các nguồn có sẵn khác vào phiếu điện tử.

KSMS 2024 thực hiện khảo sát với hộ và xã. Trong đó, nội dung khảo sát đối với hộ và các thành viên hộ, gồm: (1) Thông tin định danh của hộ. (2) Thông tin của thành viên hộ về nhân khẩu học, giáo dục, y tế, nhân trắc, việc làm và tiền lương, tiền công. (3) Thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ tạo thu nhập

và các khoản thu nhập khác của hộ. (4) Thông tin về chi tiêu của hộ, gồm: Chi cho ăn, mặc, ở, đi lại, giáo dục, y tế, văn hoá, ... và chi khác. (5) Thông tin về điều kiện sống của hộ gồm: Nhà ở, điện, nguồn nước sử dụng, điều kiện vệ sinh và đồ dùng lâu bền. (6) Thông tin về công nghệ thông tin và truyền thông.

Thu thập thông tin phản ánh điều kiện sống trong phạm vi xã ảnh hưởng đến mức sống của hộ, gồm: (1) Tình hình chung về nhân khẩu, dân tộc. (2) Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chủ yếu: Hiện trạng điện, đường, trường học, trạm y tế, chợ, bưu điện và nguồn nước. (3) Tình trạng kinh tế: Tình hình sản xuất nông nghiệp (đất đai, xu hướng và nguyên nhân tăng giảm sản lượng các cây trồng chính, các điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất như tưới tiêu, khuyến nông); cơ hội việc làm phi nông nghiệp. (4) Một số thông tin cơ bản về trật tự an toàn xã hội, môi trường, tín dụng và tiết kiệm.

Cuộc khảo sát sử dụng các loại phiếu khảo sát sau:

- Phiếu số 1A/TN-QSG24-HO: Phiếu phỏng vấn hộ (thu nhập và quyền số chỉ số giá tiêu dùng).

- Phiếu số 1B/TNCT24-HO: Phiếu phỏng vấn hộ (thu nhập và chi tiêu).

- Phiếu số 1C/QSG24-HO: Phiếu phỏng vấn hộ (quyền số chỉ số giá tiêu dùng).

- Phiếu số 2/KSMS24-XA: Phiếu phỏng vấn xã.

Theo kế hoạch, kết quả chính thức của KSMS 2024 dự kiến sẽ được tổng hợp vào tháng 2-3/2025 và chuẩn bị công bố vào tháng 4/2025./.

P.V

CHÍNH PHỦ CHỈ ĐẠO ĐẨY MẠNH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG ĐỂ TĂNG TỐC PHỤC HỒI KINH TẾ

ThS. Võ Thị Khánh Linh

Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang

Chính phủ chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, tiếp tục coi đây là nhiệm vụ trọng tâm để tạo ra động lực “tăng tốc” cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Đẩy mạnh giải ngân

Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, có một điểm rất mới trong phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công năm 2024. Đó là, ngay từ đầu năm, chuyện “xin trả lại vốn”, “xin điều chuyển vốn” đã diễn ra. Tính đến cuối tháng 2/2024, có 5 bộ, cơ quan trung ương và 2 địa phương đề xuất điều chỉnh giảm 1.520,7 tỷ đồng để bổ sung cho các nhiệm vụ, dự án của các bộ, cơ quan và địa phương khác có nhu cầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Ngược lại, có 4 bộ, cơ quan trung ương và 10 địa phương đề xuất bổ sung 9.650,8 tỷ đồng

cho các nhiệm vụ, dự án để đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

Những năm trước, chuyện rà soát, điều chuyển vốn thường được thực hiện từ cuối quý III, thậm chí là tận cuối năm, khi các bộ, ngành, địa phương xét thấy không thể kịp phân bổ, giải ngân vốn kế hoạch năm. Chính vì vậy, đã có tình trạng vốn không thể điều chuyển, thậm chí bị hủy vốn. Cụ thể, cuối năm ngoái, hơn 3.700 tỷ đồng vốn kế hoạch năm 2023 đã bị hủy. Ủy ban Thường vụ Quốc hội không đồng ý việc điều chỉnh kế hoạch vốn giữa các bộ, ngành, địa phương, do “đã quá thời gian điều chỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước”.

Rút kinh nghiệm từ năm ngoái, ngay từ đầu năm nay, công tác rà soát, điều chuyển vốn đã được các bộ, ngành, địa phương rất ráo thực hiện. Chính phủ cũng đã ngay lập tức chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp

với Bộ Tài chính tiếp tục rà soát, tổng hợp nhu cầu điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2024 chưa phân bổ chi tiết của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước ngày 31/3/2024 để báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định. Việc này đảm bảo nguồn lực vừa không bị “bỏ phí”, vừa có thời gian để chủ động điều chuyển vốn, mà các địa phương nhận vốn bổ sung cũng có thời gian để giải ngân.

Số liệu từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết, tính đến hết tháng 2/2024, vẫn còn 33.500 tỷ đồng vốn kế hoạch năm 2024 chưa được phân bổ chi tiết. Ngoài số vốn hơn 1.520 tỷ đồng được đề nghị điều chuyển, thì số còn lại, các bộ, ngành, địa phương đều xin giữ lại để phân bổ tiếp trong thời gian tới. Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đề nghị các bộ, ngành, địa phương này đẩy nhanh tiến độ



phân bổ chi tiết, để kịp thời giải ngân trong năm 2024.

Năm 2024, công tác phân bổ vốn và giải ngân cũng đã được đẩy nhanh. Vì vậy, 2 tháng đầu năm, giải ngân vốn đầu tư công ước đạt khoảng 60.000 tỷ đồng, bằng 9,13% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, cao hơn con số 6,97% của cùng kỳ năm 2023. Đây là con số khá tích cực, song thực tế, tỷ lệ giải ngân vẫn chưa đạt kỳ vọng. Đến nay, vẫn còn 29 bộ, ngành, địa phương chưa thực hiện giải ngân kế hoạch năm 2024. Chính vì vậy, Thủ tướng Chính phủ mới đây chỉ đạo phải đẩy nhanh tiến độ thực hiện, phấn đấu giải ngân toàn bộ vốn ngân sách nhà nước năm 2024.

Thủ tướng chỉ đạo "Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phải tiếp tục coi đây là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm để tạo ra động lực tăng tốc cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tập trung triển khai quyết liệt, hiệu quả các giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công".

Tăng tốc phục hồi kinh tế

Có thể nói, năm 2024, Chính phủ tiếp tục coi giải ngân đầu tư công chính là động lực để tăng tốc

cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Bởi lẽ trong 3 động lực tăng trưởng truyền thống, bao gồm đầu tư công, tiêu dùng nội địa và xuất khẩu thì đầu tư công là động lực mà Việt Nam có thể chủ động "thúc đẩy mạnh mẽ" và "làm mới" nhất.

Trong phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 2/2024, trước hàng loạt chỉ số kinh tế vĩ mô cho thấy, hoạt động sản xuất - kinh doanh còn khó khăn, số lượng doanh nghiệp rút khỏi thị trường lớn (gần 63.000 doanh nghiệp, tăng 22,5% so với cùng kỳ), dư nợ tín dụng giảm 1,12% so với cuối năm 2023, sức cầu của nền kinh tế còn yếu (2 tháng, sau khi trừ đi yếu tố giá cả, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng chỉ tăng 5% so với cùng kỳ)... Chính vì vậy, Thủ tướng đã chỉ đạo phải "thúc đẩy mạnh mẽ" và "làm mới" các động lực tăng trưởng truyền thống, đồng thời khai thác hiệu quả các động lực tăng trưởng mới từ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn...

Trong bối cảnh cả thị trường xuất khẩu và tiêu dùng nội địa đang ở mức yếu, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công chính là cách

để Việt Nam tăng tốc phục hồi kinh tế. Do đó, trong Nghị quyết phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 2/2024, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo tiếp tục tháo gỡ khó khăn, đôn đốc giải ngân đầu tư công, nhất là đối với các dự án trọng điểm quốc gia, trong đó có Dự án Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội...

Chìa khóa tăng trưởng, thậm chí là động lực tăng trưởng mới đang nằm ở khu vực đầu tư nước ngoài và cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam, nhất là trong các lĩnh vực mới, như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI)...

Để khai thác hiệu quả các động lực tăng trưởng mới, Thủ tướng đã chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tập trung nghiên cứu, đề xuất, triển khai sớm các chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư quốc tế trong lĩnh vực bán dẫn và AI; cũng như đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thiện Đề án Trung tâm Tài chính khu vực và quốc tế. Đồng thời, sớm trình Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách thu hút đầu tư trong lĩnh vực sản xuất chip bán dẫn, điều chế hydrogen và amoniac xanh./.

Ông Tim Evans, Tổng giám đốc HSBC cho biết, tăng trưởng GDP của Việt Nam năm nay sẽ ở mức 6%, cao hơn mức 5% năm ngoái, tạo đà cho Việt Nam lấy lại xu hướng tăng trưởng trước Covid-19. Động lực tăng trưởng chính sẽ là dòng vốn đầu tư nước ngoài, du lịch và tâm lý người tiêu dùng phục hồi.

NÂNG HẠNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

PHÁT HUY TỪ SỨC MẠNH NỘI LỰC

TS. Đỗ Ngọc Trâm
Học viện Ngân hàng

Thị trường chứng khoán xuất hiện trên thế giới cách đây hàng thế kỷ nhưng mới hình thành tại thị trường Việt Nam khoảng 25 năm. Dù còn khá non trẻ, song TTCK Việt Nam đã có những bước phát triển cả về chất và lượng; đồng thời có những đột phá để nâng hạng từ thị trường cận biên lên mới nổi như mục tiêu Chính phủ đặt ra.

Sự trưởng thành sau một phần tư thế kỷ

Thị trường chứng khoán (TTCK) là cấu phần quan trọng của thị trường tài chính nói riêng và của nền kinh tế nói chung. Sự phát triển của TTCK có vai trò, ý nghĩa lớn đối với sự phát triển của nền kinh tế, bởi đây là kênh đầu tư linh hoạt, hấp dẫn của các tổ chức và cá nhân; đồng thời là kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng cho doanh nghiệp thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, TTCK còn góp phần quan trọng thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội, nhất là kinh tế số,

kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế tri thức.

Thị trường chứng khoán xuất hiện trên thế giới cách đây hàng thế kỷ nhưng mới hình thành tại thị trường Việt Nam cách đây hơn 25 năm, mở đầu bằng việc thành lập Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam vào năm 1996 theo Nghị định số 75/CP của Chính phủ. Hai năm sau đó, thị trường chứng khoán Việt Nam chính thức được khai sinh, khi Nghị định số 48/CP của Chính phủ được ký vào ngày 11/7/1998, đồng thời, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (tiền thân của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh - HOSE) được thành lập. Dấu mốc tiếp theo đánh dấu sự phát triển

của TTCK là Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội (tiền thân của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cùng được thành lập vào năm 2005.

Trong 25 năm qua, với tinh thần tiến kịp, đi cùng và tăng tốc, thể chế, cơ chế, chính sách phát triển TTCK được từng bước xây dựng, rà soát, hoàn thiện, bổ sung phù hợp với từng thời kỳ và trình độ, yêu cầu phát triển của đất nước theo chủ trương, đường lối của Đảng. Các văn bản Luật Chứng khoán được Quốc hội lần lượt được ban hành vào các năm 2006, 2010, 2019 cùng các nghị định của Chính phủ đã tạo hành lang pháp lý quan trọng, mở ra những

điều kiện thuận lợi cho thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển ổn định, có khả năng hội nhập sâu hơn với các thị trường vốn quốc tế. Gần đây nhất, cuối năm 2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1726/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển TTCK đến năm 2030 là văn bản pháp lý quan trọng, tạo cơ sở để TTCK phát triển ổn định, an toàn, lành mạnh, hiệu quả, bền vững, hội nhập; thực sự trở thành kênh huy động vốn hiệu quả cho nền kinh tế, từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa TTCK Việt Nam so với TTCK các nước phát triển.

Bên cạnh đó, cơ cấu của thị trường từng bước được hoàn thiện, từ chỗ chỉ có thị trường cổ phiếu đến nay đã có thêm thị trường trái phiếu Chính phủ và TTCK phái sinh. Vào ngày giao dịch đầu tiên (28/7/2000), TTCK Việt Nam chỉ có sự góp mặt của 2 doanh nghiệp niêm yết, 6 công ty chứng khoán thành viên, đến cuối năm 2023 đã có gần 2,3 nghìn doanh nghiệp niêm yết, đăng ký giao dịch và 82 công ty chứng khoán hoạt động. Hệ thống các tổ chức kinh doanh chứng khoán, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng khoán có sự phát triển cả về năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực tài chính, chất lượng dịch vụ, theo hướng hiện đại hóa, ngày càng phát huy hiệu quả vai trò cầu nối giữa nhà đầu tư và doanh nghiệp. Nếu như trước đây các nhà đầu tư phải đến các trung tâm chứng khoán phân tích thị trường qua bảng điện tử, đăng ký mua bán chứng khoán bằng phiếu thì đến nay họ có thể ngồi bất cứ đâu, giao dịch bằng bất kỳ thiết bị thông minh nào với các công cụ phân tích được cung cấp đa dạng, phong phú, tiện dụng trên nhiều nền tảng.

Hơn hai thập kỷ qua, TTCK Việt Nam đã chứng tỏ sự phát triển không ngừng về quy mô, khả năng huy động vốn cho doanh nghiệp. Theo thống kê, quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu tăng trưởng tích cực từ 0,22% GDP năm 2000 lên 33,52% GDP năm 2010 và 58,1% GDP năm 2023. Số lượng nhà đầu tư tăng từ 3 nghìn tài khoản năm 2000 lên hơn 7,29 triệu tài khoản, tương đương 7,5% dân số vào năm 2023. Đồng thời, chất lượng, kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của các nhà đầu tư ngày càng được nâng cao. Giá trị giao dịch bình quân (gồm cả cổ phiếu, trái phiếu) tăng từ gần 11,7 nghìn tỷ/phiên năm 2016 lên khoảng gần 24,4 nghìn tỷ/phiên năm 2023, trong đó tính riêng giao dịch cổ phiếu đã có nhiều phiên giao dịch vượt con số 1 tỷ USD.

Trong 10 năm 2014 - 2023, TTCK Việt Nam đã thực hiện huy động vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế đạt 3,8 triệu tỷ đồng, bình quân mỗi năm đạt 380 nghìn tỷ đồng, tăng gấp 4,35 lần so với giai đoạn trước, trong đó, doanh nghiệp đã huy động được 1,15 triệu tỷ đồng, tăng gấp 3,15 lần. Như vậy, TTCK đã tạo ra nguồn vốn cần thiết phục vụ

hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; đồng thời thúc đẩy quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Chính phủ huy động được 2,66 triệu tỷ đồng, tăng gấp 5,2 lần so với giai đoạn trước với lãi suất thấp hơn và kỳ hạn dài hơn, TTCK góp phần tái cơ cấu, tăng tính bền vững cho danh mục nợ công quốc gia và chủ động nguồn vốn cho đầu tư công.

Điều đáng nói là TTCK Việt Nam ngày càng phát triển theo tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế, đáp ứng các tiêu chí quan trọng của các tổ chức xếp hạng trên thế giới. Quy mô vốn hóa đạt gần 200 tỷ USD, lớn hơn nhiều thị trường châu Á như Philippines, Qatar, Kuwait... hay châu Âu như Hy Lạp, Czech, Hungary... Thanh khoản trung bình đạt gần 700 triệu USD, tương đương Indonesia, Malaysia, Singapore và chỉ đứng sau Thái Lan trong khối ASEAN. TTCK đồng thời góp phần thúc đẩy và tạo sức dẫn dắt quan trọng cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế của Việt Nam áp dụng các chuẩn mực tài chính quốc tế, giúp nâng cao năng lực quản lý, quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại,



phù hợp với xu thế phát triển và tiến bộ của thế giới.

Từ thị trường sơ khai, đến nay TTCK Việt Nam đang ở mức thị trường cận biên. Việt Nam được hai trong ba công ty cung cấp chỉ số tài chính hàng đầu thế giới là MSCI (Morgan Stanley Capital International) và FTSE Russell (Financial Times Stock Exchange) xếp vào Nhóm 3 - thị trường cận biên và được đưa vào chỉ số thị trường cận biên (FM). Theo phân tích, hiện thị trường Việt Nam chiếm tỉ trọng lớn nhất trong rổ chỉ số FM (hơn 30% tổng tài sản quản lý (AUM)) và đã đạt đến giới hạn có thể kỳ vọng trong rổ chỉ số cận biên. Kể từ tháng 9/2018, Việt Nam lọt vào danh sách theo dõi nâng hạng của FTSE Russell lên thị trường mới nổi và được MSCI theo dõi xem xét định kỳ.

Trên thực tế, nhiều nhà đầu tư nước ngoài xem TTCK Việt Nam như một thị trường mới nổi với những điểm sáng thể hiện sự tăng trưởng kinh tế và môi trường chính trị xã hội ổn định, chỉ số tín nhiệm quốc gia của Việt Nam trong thời gian vừa qua được các tổ chức quốc tế đánh giá rất cao. Hơn nữa, hiện nay, TTCK Việt Nam có các sở giao dịch là thành viên của Liên đoàn các Sở Giao dịch chứng khoán Thế giới (WFE). Khung pháp lý của TTCK Việt Nam cũng đã đạt những chuẩn mực pháp lý theo hướng các thị trường đã phát triển.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực trên cũng còn một số tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc cần nhanh chóng tháo gỡ, khắc phục. Đó là vấn đề về xây dựng đồng bộ và hoàn thiện khung khổ pháp lý để tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý và hoạt động của thị trường này ngày càng phát triển mạnh mẽ

nhưng phải đảm bảo tính an toàn, minh bạch và bền vững. Vẫn còn tình trạng làm giá, thao túng chứng khoán gây thiệt hại cho nhà đầu tư và niềm tin thị trường; chuẩn mực, đạo đức của một bộ phận cán bộ thực thi công vụ có vấn đề, chuẩn mực kế toán, chế tài xử lý xử phạt chưa nghiêm minh, kịp thời. Thông tin công bố của một số doanh nghiệp đại chúng, công ty niêm yết, nhà đầu tư chưa bảo đảm tính chính xác. Cùng với đó là các vấn đề về đầu tư ứng dụng công nghệ hiện đại vào công tác vận hành và quản lý đối với TTCK để đưa công nghệ số, công nghệ 4.0 thúc đẩy TTCK...; vấn đề giải quyết các điểm còn vướng mắc để nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi.

Quyết tâm nâng hạng thị trường chứng khoán

Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 đặt ra nhiều mục tiêu cho TTCK Việt Nam trong thời gian tới, trong đó phấn đấu đến năm 2025 nâng hạng TTCK Việt Nam từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi theo tiêu chuẩn phân hạng TTCK của các tổ chức quốc tế, góp phần tăng tính hội nhập toàn cầu, nâng tầm thị trường Việt Nam và vị thế quốc gia.

Theo đánh giá của Trưởng nhóm Tài chính, Cạnh tranh và Sáng tạo của World Bank tại Việt Nam, ông Ketut Ariadi Kusuma, khát vọng của Việt Nam trong việc nâng cấp TTCK lên thị trường mới nổi là bước đi chiến lược, phù hợp với tham vọng lớn hơn là chuyển đổi thành quốc gia thu nhập trung bình cao vào năm 2035 và quốc gia thu nhập cao vào năm 2045. Ngân hàng Thế giới (WB) ước tính việc nâng hạng TTCK có thể mang lại tới 25 tỷ USD vốn đầu tư mới từ các nhà đầu tư quốc tế

vào thị trường Việt Nam cho tới năm 2030. Để đạt được mục tiêu này, WB cho rằng tốc độ tăng trưởng thực tế bình quân đầu người hằng năm của Việt Nam cần đạt khoảng 5,95% trong hai thập kỷ tới.

WB khuyến nghị, để nâng hạng TTCK, Việt Nam phải được nâng hạng bởi cả hai nhà cung cấp chỉ số quốc tế là FTSE Russell và MSCI. Bên cạnh đó, Việt Nam cần xem xét giải quyết các vấn đề về giới hạn sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (FOL) và tiếp tục cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước lớn với các giải pháp gồm: Cải thiện công bố thông tin, tăng tiếp cận với các cổ phiếu đã đạt đến giới hạn và quan trọng nhất là tăng giới hạn sở hữu nhà đầu tư nước ngoài. Bởi nếu FOL vẫn là một hạn chế, Việt Nam có thể sẽ chỉ nhận được dòng vốn ròng tối đa 5 tỷ USD, vì thị trường lúc đó chỉ chiếm chưa đến 1% chỉ số EM toàn cầu. Nhưng khi vấn đề của FOL được giải quyết hoàn toàn, tỉ trọng của Việt Nam trong chỉ số EM có thể tăng hơn 1% và điều này có thể mang lại thêm 8-15 tỷ USD.

Bên cạnh đó, một môi trường đầu tư lành mạnh trên toàn cầu là một chất xúc tác quan trọng để Việt Nam cũng có thể tận hưởng sự tăng trưởng tự nhiên của đầu tư toàn cầu vào thị trường mới nổi, ước tính tăng trưởng khoảng 7% mỗi năm. WB còn cho rằng, việc phát triển cơ sở nhà đầu tư trong nước rất quan trọng để đồng hành và cân bằng dòng vốn từ nhà đầu tư nước ngoài, trong đó sự đa dạng hóa đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội là chìa khóa. Điều này nhằm đảm bảo rằng các khoản đầu tư tài trợ mới vào TTCK sẽ mang lại lợi ích cho các công ty hoạt động hiệu quả đang cần vốn để tăng trưởng như tái cấp vốn cho ngân hàng, các dự án cơ sở hạ tầng hoặc các ngành công nghiệp đổi mới.

Năm 2024, kinh tế thế giới được dự báo tiếp tục khó khăn. Kinh tế trong nước tiếp tục đối mặt với các thách thức khi cầu thế giới chưa phục hồi mạnh. Năm 2024 lại là năm tăng tốc và có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển 5 năm 2021-2025. Do đó, việc huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực là một trong những nhiệm vụ trọng tâm năm 2024, trong đó, việc huy động vốn thông qua TTCK được xác định là một trong những kênh quan trọng.

Đối với TTCK, đây sẽ là năm để ngành chứng khoán tăng tốc, tạo dựng các cơ sở cho sự phát triển TTCK bứt phá trong trung và dài hạn, góp phần vào việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế cả năm 2024, hiện thực hóa mục tiêu nâng hạng lên thị trường mới nổi vào năm 2025. Theo đó, ngành chứng khoán sẽ quyết liệt triển khai ngay các giải pháp, nhiệm vụ trong Chiến lược phát triển TTCK đến năm 2030 và Công điện số 1360/CP-TTg ngày 13/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ nhằm thúc đẩy TTCK phát triển an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững.

Tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ phát triển thị trường chứng khoán năm 2024 diễn ra vào cuối tháng 2/2024, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cũng giao nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành khẩn trương triển khai các biện pháp cần thiết để nâng hạng TTCK Việt Nam từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi, đặc biệt tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc để đáp ứng tiêu chí nâng hạng với tinh thần “Đã nói là làm, đã cam kết là phải thực hiện, có sản phẩm, hiệu quả cân đo đong đếm được”.

Hy vọng, với những kết quả đạt được trong 25 năm qua cùng quyết tâm và tinh thần trách nhiệm cao của cả hệ thống chính trị sẽ tạo sức mạnh nội lực để TTCK Việt Nam sớm nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi như mục tiêu Chính phủ đặt ra, từng bước thu hẹp về khoảng cách phát triển giữa TTCK Việt Nam so với TTCK các nước phát triển, xứng đáng với vai trò là “hàn thử biểu” của nền kinh tế, hội tụ những doanh nghiệp tầm vóc, tiêu biểu trong mọi ngành nghề./.

VIỆT NAM LẦN ĐẦU TIÊN CÔNG BỐ BỘ CHỈ SỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CẤP ĐỊA PHƯƠNG

ThS. Vũ Thị Thanh Thủy

Khoa Kế toán, trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội

PII - công cụ phản ánh mô hình phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của từng địa phương

Từ năm 2017, như nhiều quốc gia trên thế giới, Việt Nam đã sử dụng bộ chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) do Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO) công bố hằng năm nhằm xác định các điểm mạnh, điểm yếu trong phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Từ đó, đưa ra các giải pháp, biện pháp cải thiện phù hợp, kịp thời xây dựng, ban hành các chính sách liên quan. Những năm qua, kết quả chỉ số GI của Việt Nam luôn có sự cải thiện tích cực. Việt Nam liên tục được tổ chức WIPO ghi nhận là quốc gia có điểm số cao hơn nhiều so với mức trung bình của các nước cùng nhóm thu nhập. Năm 2023, Việt Nam xếp thứ 46, tăng 02 bậc so với năm 2022. Trong 10 năm qua, tính từ năm 2013, thứ hạng GI của Việt Nam tăng 30 bậc (từ vị trí 76 lên 46). Việt Nam liên tục duy trì vị trí dẫn đầu trong nhóm các quốc gia thu nhập trung bình thấp.

Do chỉ số GI đánh giá ở cấp quốc gia nên nhiều số liệu thống kê ở cấp địa phương không có. Bên cạnh đó, phương pháp đánh giá theo quy chuẩn quốc tế còn mới nên có những điểm không tương đồng với thực tiễn các địa phương của Việt Nam. Hơn nữa, do có sự khác biệt về quy mô kinh tế xã hội, dân số, đất đai, cơ cấu kinh tế, định hướng phát triển... nên các địa phương cần lựa chọn mô hình phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo khác nhau, phù hợp với bối cảnh, điều kiện, đặc điểm riêng.

Tại Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 30/01/2022, Chính phủ đã phân công Bộ KH&CN chủ trì, phối hợp với Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới và các cơ quan liên quan xây dựng Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương và tổ chức đánh giá thử nghiệm tại một số địa phương nhằm đo lường năng lực đổi mới sáng tạo và kết quả đổi mới sáng tạo của từng địa phương, đồng bộ với Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ KH&CN đã phối hợp với Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới và các cơ quan liên quan triển khai xây dựng Bộ Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương

(PII - Provincial Innovation Index) theo 10 bước phù hợp với bối cảnh thực tiễn, đặc điểm của các địa phương ở Việt Nam, và tổ chức triển khai thử nghiệm thành công tại 20 địa phương trong năm 2022. Trên cơ sở đó, tại Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/2/2022, Chính phủ đã giao Bộ Khoa học và Công nghệ chính thức triển khai Bộ chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương trên phạm vi toàn quốc từ năm 2023. Đây là công cụ phản ánh mô hình phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của từng địa phương trên cả nước, đồng thời góp phần cải thiện năng lực, kết quả đổi mới sáng tạo cấp quốc gia.

Bộ chỉ số PII có 52 chỉ số, chia làm 7 trụ cột

1. Thể chế (7 chỉ số)
2. Vốn con người và NC&PT (7 chỉ số)
3. Cơ sở hạ tầng (5 chỉ số)
4. Trình độ phát triển của thị trường (7 chỉ số)
5. Trình độ phát triển của doanh nghiệp (9 chỉ số)
6. Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ (9 chỉ số)
7. Tác động (8 chỉ số)

Bộ chỉ số PII có 52 chỉ số, chia làm 7 trụ cột (theo sát cấu trúc của bộ chỉ số GII) gồm 5 trụ cột đầu vào và 2 trụ cột đầu ra. 5 trụ cột đầu vào phản ánh những yếu tố tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là: Thể chế, Vốn con người và Nghiên cứu và phát triển, Cơ sở hạ tầng, Trình độ phát triển của thị trường và Trình độ phát triển của doanh nghiệp. Hai trụ cột đầu ra phản ánh kết quả tác động của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vào phát triển kinh tế - xã hội gồm:

Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ, Tác động. Với mỗi địa phương, kết quả đánh giá, xếp hạng của từng chỉ số, nhóm chỉ số và trụ cột được trình bày trong một bảng thông tin tổng hợp. Đồng thời, chỉ rõ 5 điểm mạnh và 5 điểm yếu của mỗi địa phương.

Bộ chỉ số PII nhằm cung cấp bức tranh thực tế, tổng thể về hiện trạng mô hình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, qua đó cung cấp căn cứ và bằng chứng về điểm mạnh, điểm yếu, về các yếu tố tiềm năng và các điều kiện cần thiết để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của từng địa phương.

Đối với nhà đầu tư, kết quả đánh giá PII của địa phương sẽ là thông tin tham khảo hữu ích về môi trường đầu tư địa phương để đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp. Bộ chỉ số PII cũng có ý nghĩa đối với cộng đồng các tổ chức quốc tế và nhà tài trợ để xem xét, cân nhắc các tài trợ và hoạt động có liên quan tại các địa phương ở Việt Nam.

Từ bộ chỉ số PII, chính quyền các cấp có cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng, thực thi hiệu quả các chính sách thúc đẩy, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo;

thúc đẩy thực hiện các sáng kiến phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, tận dụng các thế mạnh và vượt qua các thách thức, góp phần nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực cạnh tranh, năng lực đổi mới sáng tạo của địa phương và của quốc gia...

Hà Nội dẫn đầu cả nước về chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương

Sau một năm xây dựng, ngày 12/3/2024, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố kết quả xếp hạng Chỉ số PII năm 2023. Theo kết quả công bố, top 10 địa phương đạt chỉ số PII cao nhất cả nước lần lượt là Hà Nội với 62,86 điểm, TP. Hồ Chí Minh 55,85 điểm, Hải Phòng 52,32 điểm, Đà Nẵng 50,70 điểm, Cần Thơ 49,66 điểm, Bắc Ninh 49,20 điểm, Bà Rịa - Vũng Tàu 49,18 điểm, Bình Dương 48,64 điểm, Quảng Ninh 48,03 điểm, Thái Nguyên 47,75 điểm.

Hà Nội đứng đầu cả nước ở cả xếp hạng đầu ra và đầu vào đổi mới sáng tạo nhờ dẫn đầu 14/52 chỉ số thành phần. Hà Nội có điểm cao nhiều chỉ số có ý nghĩa quan trọng trong quá trình đổi mới sáng tạo như: Vốn con người, nghiên cứu và phát triển (63,06 điểm); trình độ phát triển



của thị trường (77,81 điểm); sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ (63,16 điểm), cơ sở hạ tầng là 68,23 điểm... Đây cũng là địa phương có tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động nghiên cứu phát triển, tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo và các đầu ra về tài sản trí tuệ như sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng, kiểu dáng công nghiệp hay các tác động đến kinh tế - xã hội như chỉ số phát triển con người.

Theo đánh giá, Hà Nội có những điểm mạnh và có điểm chưa mạnh, nhưng về tổng thể Hà Nội được đánh giá là địa phương có các điểm cân bằng tốt nhất, có hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái kinh tế - xã hội dựa trên con người cân bằng nhất so với các địa phương khác. Do đó, điểm trung bình của Hà Nội là điểm tốt nhất.

Xếp thứ hai trong bảng xếp hạng PII năm 2023 là TP. Hồ Chí Minh, với 12/52 chỉ số thành phần có điểm cao. Trong đó TP. Hồ Chí Minh có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hạ tầng số, tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu phát triển, tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo và một số sản phẩm về tài sản trí tuệ.

Nằm trong top 5 địa phương dẫn đầu nhiều chỉ số thành phần nhất còn có Bình Dương đứng thứ ba với 7 chỉ số dẫn đầu, Đà Nẵng xếp thứ tư với 5 chỉ số dẫn đầu và Long An đứng thứ năm với 4 chỉ số dẫn đầu.

PII 2023 cũng được xếp hạng theo 6 vùng kinh tế - xã hội. Các địa phương vùng Đồng bằng sông Hồng có điểm trung bình cao nhất 45,17 điểm, tiếp đến là các địa phương vùng Đông Nam Bộ với 44,81 điểm. Các địa phương vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ | MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TOP CÁC ĐỊA PHƯƠNG ĐẠT CHỈ SỐ PII DẪN ĐẦU THEO VÙNG KT-XH

Trung du và miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung
1. Thái Nguyên (47,75 điểm)	1. Hà Nội (52,86 điểm)	1. Đà Nẵng (50,70 điểm)
2. Bắc Giang (46,51 điểm)	2. Hải Phòng (52,32 điểm)	2. Thừa Thiên Huế (44,01 điểm)
3. Phú Thọ (41,29 điểm)	3. Bắc Ninh (49,20 điểm)	3. Ninh Thuận (39,69 điểm)
Tây Nguyên	Đồng Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
1. Lâm Đồng (43,58 điểm)	1. TP. Hồ Chí Minh (55,85 điểm)	1. Cần Thơ (49,66 điểm)
2. Kon Tum (34,44 điểm)	2. Bà Rịa - Vũng Tàu (49,18 điểm)	2. Long An (44,95 điểm)
		3. Đồng Tháp (38,32 điểm)

Báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) là tài liệu hữu ích, cung cấp căn cứ khoa học và thực tiễn cho lãnh đạo các cấp để ra quyết định, xây dựng và thực thi chính sách thúc đẩy phát triển, cũng như cung cấp thông tin hữu ích về môi trường đầu tư, điều kiện nguồn lực cho hoạt động sản xuất, kinh doanh ở các địa phương.

miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long có điểm số trung bình sát nhau, lần lượt là 36,96 điểm và 36,36 điểm. Hai vùng Tây Nguyên và Trung du và miền núi phía Bắc có điểm số thấp gần như nhau, lần lượt là 32,72 điểm và 32,19 điểm. Bộ chỉ số cũng đưa ra top các địa phương dẫn đầu từng vùng và phân tích đánh giá theo nhóm thu nhập.

Kết quả đánh giá cho thấy sự phù hợp, tương đồng giữa kết quả PII 2023 với thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Các địa phương thuộc nhóm dẫn đầu là các địa phương có điều kiện tự nhiên và địa lý thuận lợi (tập trung ở các vùng

Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ), có ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế, tập trung nhiều khu công nghiệp, có cơ sở hạ tầng phát triển, có hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mạnh mẽ.

Ngược lại, thuộc nhóm cuối là các địa phương còn hạn chế trong phát triển kinh tế - xã hội, có vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên chưa thuận lợi cho phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào phát triển kinh tế - xã hội (tập trung ở các vùng Tây Nguyên, Trung du và miền núi phía Bắc).

Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, mục đích của bộ chỉ số này không phải để so sánh giữa các địa phương, mà để mô tả thực trạng của các địa phương, để các địa phương biết được điểm mạnh, điểm yếu của mình, từ đó có chính sách điều chỉnh theo định hướng phát triển. Tuy nhiên, việc các địa phương có duy trì được thứ hạng của mình trong các năm tiếp theo hay không phụ thuộc vào sự cải thiện của các địa phương. Nếu Hà Nội và các địa phương đang dẫn đầu mà không tiếp tục cải thiện môi trường, năng lực thì những địa phương khác cho dù nhỏ hơn và cải thiện tốt có thể thay đổi vị trí xếp hạng./.

CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH NÔNG NGHIỆP TẠO NỀN VỮNG CHẮC CHO TRỤ CỘT KINH TẾ

ThS. Cấn Thị Thùy Linh - ThS. Ngô Thị Luyện
Học viện Hành chính Quốc gia

Chuyển đổi số - Giải pháp đột phá về năng suất, chất lượng và phát triển bền vững

Nông nghiệp là ngành kinh tế có vị trí đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Mặc dù tỷ trọng nông nghiệp trong tổng sản phẩm cả nước (GDP) ngày càng giảm, song trong tầm nhìn dài hạn, nông nghiệp vẫn giữ vai trò chiến lược, là trụ cột chống đỡ nền kinh tế, góp phần vượt qua giai đoạn khó khăn, đảm bảo an ninh lương thực cho đất nước. Trong bối cảnh đó, chuyển đổi số nông nghiệp được coi là cơ hội để Việt Nam thay đổi từ mô hình sản xuất nhỏ lẻ, kém hiệu quả và thiếu liên kết chuỗi giá trị chuyển sang nền nông nghiệp thông minh, kinh tế nông nghiệp số. Đồng thời là giải pháp then chốt thúc đẩy ngành nông nghiệp Việt Nam vươn lên tầm cao, phát triển một cách bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng, giảm thiểu rủi ro, thiệt hại do tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và thể hiện trách nhiệm hơn với môi trường.

Việc ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ sinh học đem lại nhiều lợi ích, giúp phân tích dữ liệu về môi trường, thổ nhưỡng, con giống, cây trồng, các giai đoạn sinh trưởng. Dựa trên

Tại nhiều quốc gia trên thế giới, chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp được xây dựng như một chính sách ưu tiên phát triển hàng đầu. Là đất nước có ngành Nông nghiệp giữ vai trò trụ cột của nền kinh tế, Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng chung của thế giới. Chuyển đổi số nông nghiệp góp phần chuyển đổi hệ thống nông sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, giúp giải quyết bài toán về tăng năng suất, đồng thời thúc đẩy ngành nông nghiệp phát triển theo hướng bền vững.

những dữ liệu được cung cấp để đưa ra cách thức phù hợp như: Bón phân, tưới nước, phun thuốc bảo vệ thực vật, thu hoạch, lựa chọn con giống... trong chăm sóc cây trồng, vật nuôi, nhờ đó, giảm được chi phí, giảm ô nhiễm nguồn nước và đất đai, bảo vệ được sự đa dạng sinh học. Theo các chuyên gia, ứng dụng công nghệ số vào sản xuất nông nghiệp có thể giảm được một nửa chi phí và công lao động, giảm khoảng 50% khí thải nhà kính và tăng khoảng 30% năng suất.

Tăng cường ứng dụng công nghệ số vào toàn ngành nông nghiệp còn thúc đẩy mối quan hệ cung - cầu, giúp tăng cường kết nối

giữa người sản xuất, nhà phân phối, người tiêu dùng, nhờ đó đảm bảo tốt hơn cho đầu ra của nông sản. Nhờ tính ưu việt và tiện dụng của công nghệ số, người tiêu dùng có thể truy xuất và theo dõi được các thông số về chất lượng nông sản, áp dụng kỹ thuật canh tác, chăn nuôi đảm bảo phù hợp với các yêu cầu thương mại quốc tế. Chuyển đổi số đem lại công cụ theo dõi và quản lý mức độ phát thải khí nhà kính của chuỗi cung ứng và tránh những rào cản không cần thiết khi xuất khẩu sang các thị trường giá trị cao, góp phần đưa nông sản Việt Nam đến gần hơn với cung đường xuất khẩu ra thị trường thế giới.

Đặc biệt, trong quá trình hội nhập, Việt Nam cần thực hiện cam kết trong các Hiệp định thương mại đã ký, cùng các cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường như phát thải ròng bằng “0” đến năm 2050. Ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp không chỉ giúp tiết kiệm chi phí, tăng năng suất, hạ giá thành và nâng cao chất lượng nông sản, mà còn góp phần bảo vệ môi trường; đồng thời giúp giảm bớt sự phụ thuộc của quá trình sản xuất vào các yếu tố bất lợi từ tự nhiên, như thời tiết, khí hậu, kiểm soát dịch bệnh và công tác giống được thực hiện tốt hơn.

Mặc dù chưa có số liệu thống kê cụ thể về kết quả chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số ngành Nông nghiệp đã gặt hái được một số kết quả ban đầu. Đáng chú ý là nhận thức của các địa phương, doanh nghiệp, nhất là người nông dân về vai trò, tầm quan trọng của ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, kinh doanh trong ngành nông nghiệp ngày càng được nâng cao. Đến nay, cả nước có trên 2 triệu hộ nông dân sản xuất nông nghiệp được đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, hàng chục nghìn sản phẩm nông nghiệp được đưa lên các sàn thương mại điện tử. Tính đến hết năm 2021, cả nước có gần 12% tổng số doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, trên 2 nghìn hợp tác xã nông nghiệp thực hiện chuyển đổi số.

Tại các địa phương trên cả nước, chuyển đổi số nông nghiệp được nghiêm túc nhìn nhận và thực hiện. Công nghệ số không chỉ ứng dụng trong quản lý điều hành mà cơ bản từng bước được ứng dụng trong các lĩnh vực của ngành nông nghiệp như: Trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp

và nuôi trồng thủy sản với sự góp sức của các doanh nghiệp lớn, có tầm ảnh hưởng như: Vinamilk, TH True milk, Dabaco, VinEco, Hoàng Anh Gia Lai... Điển hình như, công nghệ Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data) được ứng dụng giúp phân tích dữ liệu về môi trường, các loại đất, cây trồng, các giai đoạn sinh trưởng của cây. Công nghệ IoT, Blockchain, công nghệ sinh học được ứng dụng rộng rãi ở trang trại chăn nuôi quy mô lớn; qua đó, góp phần quan trọng trong giám sát dịch bệnh, sản lượng tiêu thụ, truy xuất nguồn gốc gia súc, gia cầm, quản lý chăn nuôi theo quy trình khoa học, an toàn dịch bệnh. Công nghệ DND mã vạch được ứng dụng trong quản lý giống lâm nghiệp và lâm sản; công nghệ GIS (công cụ dùng để thu thập, quản lý và phân tích dữ liệu từ không gian địa lý) và ảnh viễn thám dùng xây dựng các phần mềm cảnh báo cháy rừng từ ảnh vệ tinh, phần mềm giám sát trong quản lý rừng, phát hiện sớm suy thoái hay mất rừng, nhờ đó, góp phần đánh giá tài nguyên rừng một cách hiệu quả làm cơ sở phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Chuyển đổi số được thực hiện mạnh mẽ thông qua việc ứng dụng hệ thống sóng siêu âm,

máy đo dòng chảy, hệ thống thu - thả lưới chụp, công nghệ GIS, thiết bị định vị toàn cầu (GPS) quản lý đội tàu khai thác hải sản xa bờ đã giúp cho việc nuôi trồng và đánh bắt thủy, hải sản hiệu quả.

Không chỉ ứng dụng vào quá trình sản xuất, chuyển đổi số đã chứng minh được tính linh hoạt, hiệu quả trong tiêu thụ sản phẩm nông sản, góp phần đem lại nguồn nội, ngoại tệ đáng kể đóng góp vào sự tăng trưởng của ngành nông nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung. Đặc biệt trong đại dịch Covid-19, khi chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy, công nghệ số đã được các địa phương sử dụng vào quảng bá, xúc tiến thương mại, đẩy mạnh phân phối và tiêu thụ nông sản. Việc nông sản được đẩy mạnh giao dịch trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế như: Sendo, Shopee; Tiki; Postmart, ViettelPost (Voso), Lazada, trên các nền tảng trực tuyến như: Facebook, Zalo, Youtube... đã giúp ngành nông nghiệp vượt qua mùa dịch. Điển hình trong năm 2021, tại tâm dịch Bắc Giang ứng dụng công nghệ số đã giúp tiêu thụ khoảng 215 nghìn tấn vải thiều, tăng 50 nghìn tấn so với kế hoạch, trong đó, xuất khẩu 89,3 nghìn tấn, còn lại tiêu thụ



nội địa, giá ổn định từ đầu đến cuối vụ, thậm chí có thời điểm còn cao hơn những năm không có dịch, thu về 6.821 tỷ đồng, tương đương doanh thu năm 2020.

Nhiều chính sách ưu tiên hàng đầu trong chuyển đổi số nông nghiệp

Với vai trò quan trọng trong tầm nhìn dài hạn, trên đường đua của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi số trong nông nghiệp được coi là tất yếu, là giải pháp đột phá để giải bài toán năng suất, phát triển bền vững và luôn nhận được sự quan tâm, ưu tiên hàng đầu. Tại Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 07/3/2017, Chính phủ đặt ra các giải pháp trọng tâm để thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghệ cao, trong đó chỉ đạo dành ít nhất 100 nghìn tỷ đồng nguồn vốn huy động từ các ngân hàng thương mại nhà nước để cho vay phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch với lãi suất phù hợp, thấp hơn so với lãi suất thị trường.

Đáng chú ý, nông nghiệp là 1 trong 8 lĩnh vực được nhấn mạnh ưu tiên chuyển đổi số được đề cập tại Quyết định số 749/QĐ-TTg về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể, phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế. Thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp phải dựa trên nền tảng dữ liệu. Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn của ngành như về đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản. Xây dựng mạng lưới quan sát, giám sát tích hợp trên không và mặt đất phục vụ các hoạt động nông nghiệp. Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa

các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm. Xem xét thử nghiệm triển khai sáng kiến “Mỗi nông dân là một thương nhân, mỗi hợp tác xã là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số” với mục tiêu mỗi người nông dân được định hướng, đào tạo ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, cung cấp, phân phối, dự báo (giá, thời vụ,...) nông sản, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp. Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác quản lý để có các chính sách, điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch.

Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2023 xác định mục tiêu: Phát triển kinh tế số trong nông nghiệp nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp, người dân tham gia các hoạt động trong nông nghiệp tăng cường ứng dụng công nghệ số vào quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ nông nghiệp; quản lý, giám sát nguồn gốc; hình thành hệ sinh thái nông nghiệp số nhằm khuyến khích người dân và doanh nghiệp tham gia vào chuyển đổi số; ứng dụng công nghệ số trong quy trình

sản xuất, cung cấp dịch vụ nông nghiệp. Cung cấp dữ liệu mở có thể truy cập, sử dụng dễ dàng; hoàn thiện kho dữ liệu số đáp ứng các yêu cầu về kết nối; chia sẻ tài nguyên thông tin, dữ liệu. Trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng thí điểm 02-03 mô hình mẫu về sản xuất, kết nối nông nghiệp thông minh tại một số địa phương trọng điểm;

(Xem tiếp trang 34)

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2023, giá trị tăng thêm của ngành nông nghiệp tăng 3,88% so với năm trước, đóng góp 0,34 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Xuất khẩu nhóm hàng nông sản, lâm sản được đánh giá là thành công của ngành nông nghiệp Việt Nam. Tính chung cả năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu nhóm hàng nông sản, lâm sản ước đạt 28,15 tỷ USD, tăng 12,9% so với năm 2022, là nhóm hàng duy nhất tăng trưởng dương trong số 4 nhóm hàng xuất khẩu chính. Trong cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng nông sản, lâm sản chiếm tỷ trọng 7,9%, tăng 0,8 điểm phần trăm so với năm trước.

Trong 2 tháng đầu năm 2024, các sản phẩm của ngành nông nghiệp tiếp tục có những đóng góp ấn tượng, là điểm sáng trong hoạt động xuất khẩu cả nước. Trong đó, một số mặt hàng nông sản xuất khẩu đạt giá trị cao, tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, như: Cà phê tăng 67,5%, đạt 1,25 tỷ USD; thủy sản tăng 22,3%, đạt 1,3 tỷ USD...



Phát triển du lịch TỪ KHAI THÁC THỂ MẠNH ẨM THỰC

TS. Ngô Thị Minh
Đại học Công nghệ Đông Á

Lời mở đầu

Phát triển kinh tế du lịch góp phần giới thiệu và quảng bá hình ảnh của quốc gia đối với nhiều nước khác trên thế giới; có cơ hội được giao lưu, học hỏi kinh nghiệm và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến; có cơ hội liên kết mở rộng các tuyến du lịch và các loại hình du lịch mới. Tuy nhiên, phát triển kinh tế du lịch cũng đối mặt với một số thách thức như làm tăng sự phụ thuộc về khách du lịch của các quốc gia vào thị trường nước ngoài. Với đất nước Việt Nam, ẩm thực dần trở thành một trong những yếu tố quan trọng trong thu hút khách du lịch quốc tế. Do đó, trong chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, ẩm thực là một trong những giải pháp được đưa ra trong khai thác thể mạnh ẩm thực đa dạng, đặc sắc của các vùng, miền để hình thành sản phẩm du lịch độc đáo, khác biệt, có lợi thế cạnh tranh, góp phần tạo dựng thương hiệu nổi bật của du lịch Việt Nam.

Từ khoá: Phát triển du lịch, khai thác, ẩm thực

Đặt vấn đề

Du lịch ẩm thực đang trở thành một loại hình du lịch khá phổ biến ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam; và với Du lịch ẩm thực, du khách không chỉ được trải nghiệm các món ăn, đồ uống, mà còn được trải nghiệm bản sắc văn hóa và cuộc sống của cộng đồng tại điểm đến.

Sở hữu nền ẩm thực phong phú, đa dạng cùng những tinh hoa trong cách chế biến, thưởng thức được đúc kết qua hàng nghìn năm lịch sử, Việt Nam có tiềm năng to lớn để phát triển du lịch ẩm thực. Thời gian qua, các đơn vị lữ hành chú trọng đưa các sản phẩm du lịch liên quan đến ẩm thực vào các tour du lịch, như: Tham gia hội chợ, lễ hội ẩm thực truyền thống ở nhiều vùng miền, làng quê, tham gia các lớp nấu ăn hay tour du lịch

chuyên ẩm thực... Nhờ đó, mang đến trải nghiệm chân thực nhất cho du khách khi được khám phá trọn vẹn các món ngon Việt Nam.

Thực trạng phát triển du lịch ẩm thực Việt Nam

Ẩm thực Việt Nam có rất nhiều món ăn mang thương hiệu quốc gia, quốc tế được du khách quốc tế mong muốn đến thưởng thức như: Phở, bánh mì, cà phê trứng, nem... Nắm bắt lợi thế từ ẩm thực trong quảng bá văn hóa, kích cầu du lịch, thu hút du khách, nhiều địa phương đã chú trọng phát triển ẩm thực, quy hoạch và xây dựng “bản đồ ẩm thực” để thu hút du khách.

Ẩm thực Hà Nội hấp dẫn du khách bởi sự phong phú và tinh tế, chứa đựng chiều sâu văn hóa đất Kinh kỳ từ hàng nghìn năm. Nhắc đến ẩm thực Hà Nội là nhắc đến Phở Lý Quốc Sư, phở Thìn, bún ốc

hồ Tây, bánh cuốn Thanh Trì, chả cá Lã Vọng, cốm làng Vòng... cùng những tuyến phố ẩm thực được nhiều người biết đến như: Tạ Hiện, Mã Mây, Đồng Xuân, Cầu Gỗ, Tống Duy Tân... Nhiều tờ báo, trang du lịch nổi tiếng thế giới đã xếp Hà Nội là một trong số ít thành phố có nền ẩm thực hấp dẫn nhất thế giới. Khai thác thể mạnh ẩm thực để phát triển du lịch đang là định hướng phát triển du lịch Thành phố Hà Nội đến năm 2030.

Thành phố Hồ Chí Minh - một trong những trung tâm du lịch lớn của cả nước, ẩm thực luôn được coi là một trong những sản phẩm chiến lược để thu hút du khách. Nhiều năm qua, ẩm thực đường phố là một bộ phận cấu thành trong hệ thống sản phẩm du lịch quan trọng được Thành phố Hồ Chí Minh quan tâm gìn giữ

và phát huy. Đến Thành phố Hồ Chí Minh các món ăn như: Cơm tấm sườn bì, bánh mì Sài Gòn, gỏi cuốn, bò bía, hủ tiếu gõ... được nhiều du khách lựa chọn để thưởng thức. Bên cạnh đó, các công ty du lịch đã nắm bắt cơ hội thiết kế nhiều chương trình du lịch giúp du khách tham gia được trải nghiệm ẩm thực đường phố theo cách gần gũi, thực chất nhất. Các tour du lịch này đã đem lại nguồn thu đáng kể cho các đơn vị tổ chức và tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động.

Thành công trong khai thác thế mạnh ẩm thực vào phát triển du lịch còn có Thành phố Hải Phòng với sản phẩm du lịch foodtour đặc biệt hút khách, nhờ việc xây dựng bản đồ số về ẩm thực, du khách có thể dễ dàng có những trải nghiệm ngắn ngày đáng nhớ với thành phố hoa phượng đỏ này. Bên cạnh đó, tỉnh Thừa Thiên Huế cũng mang đến cho du khách nhiều trải nghiệm khi thưởng thức ẩm thực cung đình...

Thực tế cho thấy, du lịch ẩm thực là loại hình du lịch không chỉ thu hút khách nước ngoài mà du khách nội địa cũng rất yêu thích. Những trải nghiệm trong du lịch ẩm thực nhờ đó góp phần truyền bá văn hóa của điểm đến, không chỉ tăng sự thú vị của chuyến đi cho du khách mà còn đem lại doanh thu, hiệu quả cho người tổ chức. Tổng cục Du lịch nhận định, nơi nào có dịch vụ ăn uống đặc sắc nơi đó có dấu ấn tốt với du khách, qua đó tạo niềm tin và giúp họ thỏa mãn nhu cầu khám phá nghệ thuật ẩm thực, kéo dài thời gian lưu trú, tăng mức chi tiêu bình quân tạo nguồn thu cho địa phương.

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2023, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 673,5 nghìn tỷ đồng. Một số địa phương doanh thu năm 2023 tăng khá so với năm trước như:

Đà Nẵng tăng 33,9%; Cần Thơ tăng 28,6%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 28,3%; Hải Phòng tăng 13,1%; Hà Nội tăng 11,2%. Đây cũng là những địa phương có doanh thu du lịch lữ hành tăng cao: Đà Nẵng tăng 133,8%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 68%; Hà Nội tăng 47,5%; Hải Phòng tăng 41,9%; Cần Thơ tăng 29,1%.

Cũng theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong năm 2023, khách quốc tế đến Việt Nam đạt 12,6 triệu lượt người, gấp 3,4 lần năm 2022.

Tính riêng 2 tháng đầu năm 2024, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống trên cả nước ước đạt 118,3 nghìn tỷ đồng. Doanh thu lưu trú, ăn uống 2 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương có tốc độ tăng cao như: Ninh Bình tăng 35%; Kiên Giang tăng 24%; Đà Nẵng tăng 22,7%; Quảng Ninh tăng 20,8%; An Giang tăng 20,5%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 18,6%; Hà Nội tăng 17,4%; Hà Nam tăng 13,4%; Cần Thơ tăng 10,8%; Hải Phòng tăng 10,5%.

2 tháng đầu năm 2024, khách quốc tế đến Việt Nam đạt hơn 3 triệu lượt người, tăng 68,7% so với cùng kỳ năm trước và bằng 98,5% so với cùng kỳ năm 2019 - năm chưa xảy ra dịch Covid-19.

Về doanh thu du lịch lữ hành 2 tháng đầu năm 2024 ước đạt 9 nghìn tỷ đồng. Một số địa phương có doanh thu du lịch lữ hành tăng cao so với cùng kỳ năm trước như sau: Hà Nam tăng 88%; Đà Nẵng tăng 86,3%; Hà Nội tăng 49,8%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 23%; Quảng Ninh tăng 21,5%; Cần Thơ tăng 9%;

Bên cạnh đó, với sự phong phú, đa dạng, hài hòa và tinh tế, ẩm thực Việt được coi là di sản văn hóa mang tính quốc hồn, quốc túy, ẩm thực Việt chính là tài nguyên giúp tạo lợi thế so sánh để nâng

cao năng lực cạnh tranh quốc gia trên bản đồ du lịch thế giới. Thời gian qua, ẩm thực Việt Nam được nhiều chuyên trang du lịch và cẩm nang ẩm thực nổi tiếng vinh danh như: Kênh truyền hình của Mỹ CNN bình chọn ẩm thực Việt Nam là một trong 10 nền ẩm thực tuyệt nhất thế giới. Giải thưởng Ẩm thực thế giới (thuộc hệ thống Giải thưởng Du lịch thế giới World Travel Awards) đã vinh danh Việt Nam là "Điểm đến ẩm thực tốt nhất châu Á năm 2022". Chuyên trang du lịch nổi tiếng The Travel (Canada) công bố danh sách 10 quốc gia có nền ẩm thực hấp dẫn hàng đầu thế giới, trong đó Việt Nam đứng ở vị trí thứ 5 trong danh sách bình chọn từ độc giả. Năm 2021, Phở Việt Nam được tôn vinh trên công cụ tìm kiếm Google Doodle. Nhiều tạp chí, chuyên trang du lịch ẩm thực nổi tiếng cũng dành lời khen cho ẩm thực Việt. Năm 2023, cẩm nang ẩm thực nổi tiếng thế giới Michelin Guide đã gắn sao cho 4 nhà hàng Việt tạo ra thương hiệu cho du lịch ẩm thực Việt Nam thu hút du khách quốc tế lựa chọn Việt Nam làm điểm đến.

Được vinh danh, đánh giá cao bởi các tổ chức, truyền thông và chuyên gia quốc tế, ẩm thực Việt Nam đang dần có chỗ đứng trên bản đồ ẩm thực thế giới. Theo ước tính của Tổ chức Du lịch ẩm thực thế giới (World Food Tourism Association - WFTA), có tới 81% số du khách quốc tế có nhu cầu tìm hiểu ẩm thực địa phương. Họ sẵn sàng dành trung bình 25-35% ngân sách cho các khoản chi tiêu liên quan đến thực phẩm và đồ uống trong hành trình du lịch.

Định vị thương hiệu du lịch ẩm thực

Để ẩm thực Việt Nam trở thành sản phẩm du lịch có khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực.

Hiệp hội Du lịch Việt Nam đã ra mắt Trung tâm Nghiên cứu, Bảo tồn và Phát triển ẩm thực Việt Nam; thành lập Hội Đầu bếp Việt Nam và Hiệp hội Văn hóa ẩm thực Việt Nam... qua đó xúc tiến và quảng bá ẩm thực Việt trong nước và quốc tế. Xây dựng, chuẩn hóa các món ăn Việt Nam, góp phần xây dựng sản phẩm du lịch độc đáo, thu hút du khách.

Hiệp hội Văn hóa ẩm thực Việt Nam (VCCA) đã triển khai Đề án “Xây dựng và phát triển văn hóa ẩm thực Việt Nam thành thương hiệu quốc gia”, trong giai đoạn 1 của Đề án, VCCA đã trao chứng nhận cho 121 món ẩm thực tiêu biểu Việt Nam được lựa chọn từ 421 đề cử của các địa phương trên cả nước để trao chứng nhận, tiến tới thực hiện giai đoạn 2 nhằm xây dựng “Tổng tập 1.000 món ẩm thực tiêu biểu Việt Nam” và tiến hành chuyển đổi số cơ sở dữ liệu đó thành “Bản đồ trực tuyến ẩm thực Việt Nam”, “Bảo tàng trực tuyến ẩm thực Việt Nam”. Các sản phẩm này được xác định sẽ góp phần tạo bước đệm để đưa thương hiệu Việt Nam ra thế giới thông qua văn hóa ẩm thực, thúc đẩy cạnh tranh quốc gia và phát triển kinh tế Việt Nam, đặc biệt là du lịch Việt Nam.

Giải pháp phát triển du lịch ẩm thực

Để tiếp tục nâng cao giá trị ẩm thực gắn với hoạt động du lịch, thời gian tới du lịch Việt Nam cần có những giải pháp đột phá hơn, khai thác bền vững các giá trị văn hóa ẩm thực gắn với phát triển du lịch.

Một là, tập trung phát triển sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng, khác biệt, có giá trị gia tăng cao và tăng trải nghiệm cho khách du lịch dựa trên lợi thế về tài nguyên của từng vùng, địa phương, phù hợp với nhu cầu

thị trường và nâng cao khả năng cạnh tranh của du lịch Việt Nam.

Hai là, đảm bảo an toàn thực phẩm, đa dạng hóa sản phẩm giữa truyền thống và hiện đại để giới thiệu đến du khách, tiêu chuẩn hóa chất lượng sản phẩm, đầu bếp.

Ba là, đẩy nhanh việc nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chuẩn để đánh giá, xếp hạng ẩm thực Việt Nam thông qua các tiêu chí cụ thể.

Bốn là, xây dựng thương hiệu ẩm thực Việt để tập trung quảng bá sản phẩm đến bạn bè trên toàn thế giới. Đồng thời có một chiến lược quốc gia về truyền thông quảng bá ẩm thực du lịch Việt Nam.

Năm là, người dân, tiểu thương tham gia các hoạt động ẩm thực đường phố, ẩm thực gắn với du lịch cộng đồng. Đồng thời

phải trang bị kiến thức về an toàn thực phẩm, nhận thức về giá trị văn hóa truyền thống trong hoạt động ẩm thực khi phục vụ du lịch cho người dân và tiểu thương./.

Tài liệu tham khảo:

1. TS. Nguyễn Trùng Khánh (2023), “Phát triển du lịch gắn với bảo tồn phát huy các giá trị văn hoá, bảo vệ môi trường, thúc đẩy sự phát triển bền vững trong bối cảnh mới”, Tạp chí Cộng sản.
2. Nguyễn Thị Diệu Thảo (2016). Ẩm thực Việt Nam và thế giới. Nxb Phụ nữ, Hà Nội
3. Ngô Đức Thịnh (2019). Khám phá ẩm thực truyền thống Việt Nam. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Nguyễn Bảo Thoa (2022). Giải pháp về phát triển văn hóa ẩm thực đặc trưng trong hoạt động du lịch ở Gia Lai. Tạp chí Công Thương, số 22 tháng 10
5. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 214, 145 - 146.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DU LỊCH VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030

Đến năm 2025

Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn, phấn đấu thuộc nhóm ba quốc gia dẫn đầu về phát triển du lịch trong khu vực Đông Nam Á và 50 quốc gia có năng lực cạnh tranh du lịch hàng đầu thế giới, trong đó tất cả 14 tiêu chí năng lực cạnh tranh du lịch đều tăng, phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững.

- Tổng thu từ khách du lịch: Đạt 1.700 - 1.800 nghìn tỷ đồng (tương đương 77 - 80 tỷ USD), tăng trưởng bình quân 13 - 14%/năm; đóng góp trực tiếp vào GDP đạt 12 - 14%.

- Tạo ra khoảng 5,5 - 6 triệu việc làm, trong đó có khoảng 2 triệu việc làm trực tiếp, tăng trưởng bình quân 12 - 14%/năm.

- Về khách du lịch: Phấn đấu đón được ít nhất 35 triệu lượt khách quốc tế và 120 triệu lượt khách nội địa, duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân về khách quốc tế từ 12 - 14%/năm và khách nội địa từ 6 - 7%/năm.

Đến năm 2030

Du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn và phát triển bền vững. Việt Nam trở thành điểm đến đặc biệt hấp dẫn, thuộc nhóm 30 quốc gia có năng lực cạnh tranh du lịch hàng đầu thế giới, đáp ứng đầy đủ yêu cầu và mục tiêu phát triển bền vững.

- Tổng thu từ khách du lịch: Đạt 3.100 - 3.200 nghìn tỷ đồng (tương đương 130 - 135 tỷ USD), tăng trưởng bình quân 11 - 12%/năm; đóng góp trực tiếp vào GDP đạt 15 - 17%.

- Tạo ra khoảng 8,5 triệu việc làm, trong đó có khoảng 3 triệu việc làm trực tiếp, tăng trưởng bình quân 8 - 9%/năm.

- Về khách du lịch: Phấn đấu đón được ít nhất 50 triệu lượt khách quốc tế và 160 triệu lượt khách nội địa; duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân về khách quốc tế từ 8 - 10%/năm và khách nội địa từ 5 - 6%/năm./.

QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI Y TẾ ĐỂ NÂNG CAO KHẢ NĂNG TIẾP CẬN DỊCH VỤ CỦA NGƯỜI DÂN

Bích Ngọc

Sau 15 năm triển khai thực hiện Quyết định số 153/2006/QĐ-TTg, đến năm 2022, hệ thống các cơ sở y tế từng bước được hoàn thiện và dần ổn định ở cả Trung ương và địa phương. Ngành Y tế đã thực hiện sắp xếp lại các cơ sở y tế thuộc lĩnh vực dự phòng, thành lập Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tại tất cả tỉnh, thành phố trên cơ sở sáp nhập các đơn vị dự phòng tuyến tỉnh theo tinh thần của Nghị quyết 19/NQ-TW. Ở tuyến huyện, 555/713 huyện đã hợp nhất trung tâm y tế và bệnh viện huyện thành trung tâm y tế đa chức năng, trực tiếp quản lý trạm y tế xã; 44 tỉnh với khoảng 475 đơn vị cấp huyện thực hiện nhập Trung tâm dân số vào Trung tâm y tế huyện, góp phần tinh gọn đầu mối, giảm số lượng người làm việc ở các bộ phận quản lý, gián tiếp, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

Bên cạnh đó, hệ thống khám chữa bệnh đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Theo số liệu của Bộ Y tế, ở tuyến tỉnh, cả nước có 471 bệnh viện/phòng khám chuyên khoa với gần 253.800 giường; tuyến huyện có 1.034 bệnh viện/phòng khám đa khoa/nhà hộ sinh với gần 83.900 giường; các Bộ, ngành khác có 755 cơ sở y tế với 6.230 giường.

Ngày 30/6/2006, Thủ tướng ký Quyết định số 153/2006/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 với mục tiêu là xây dựng hệ thống y tế Việt Nam từng bước hiện đại, hoàn chỉnh hướng tới công bằng, hiệu quả và phát triển; đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của Nhân dân về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe; giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng cuộc sống; đạt và vượt các chỉ tiêu đặt ra trong Chiến lược chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân giai đoạn 2001 - 2010.

Có 34 bệnh viện đa khoa, chuyên khoa trực thuộc Bộ Y tế (tuyến 3) với khoảng 28.600 giường bệnh; 23 bệnh viện chuyên khoa hạng 1 tuyến TW có với khoảng trên 17.100 giường bệnh.

Cùng với kết quả trên, các chỉ tiêu phát triển nhân lực y tế trên toàn quốc có sự cải thiện tích cực trong giai đoạn 2012 – 2020. Tỷ lệ nhân lực y tế trong lĩnh vực khám chữa bệnh chiếm khoảng 74-81%. Chỉ tiêu bác sỹ/vạn dân năm 2019 đạt 8,8 (vượt chỉ tiêu so với Quyết định 153/QĐ-TTg là 8 bác sỹ/vạn dân vào năm 2020). Cơ cấu trình độ thay đổi theo hướng tích cực; năm 2020, trình độ từ đại học trở lên đạt 30,7%; cao đẳng đạt gần 23%; trung cấp đạt 8,3% và sơ cấp đạt 38%. Tuy nhiên, số điều dưỡng/bác sỹ vẫn đang ở mức thấp, chỉ đạt 2,0 vào năm 2020, trong đó, các bệnh viện hạng 3 chỉ đạt 1,4 điều dưỡng, hộ sinh/bác sỹ, chưa đạt so với mục tiêu đề ra là 3,5 điều dưỡng/bác sỹ. Điều này phần nào ảnh hưởng tới chất lượng chăm sóc bệnh nhân tại các cơ sở khám chữa bệnh như mục tiêu chăm sóc toàn diện được đưa ra tại Nghị quyết 20/NQ-TW về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới, đặc biệt là các bệnh viện tuyến dưới.

Thực hiện nhiệm vụ củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, đổi mới chăm sóc sức khỏe ban đầu của Quy hoạch, trong những năm qua, ngành Y tế đã tập trung vào củng cố và phát triển, đổi mới

cơ chế hoạt động cho y tế cơ sở. Theo báo cáo của Bộ Y tế, năm 2020, cả nước có 11.400 trạm y tế xã, đạt 100% số xã có trạm y tế bao gồm cả mạng lưới y tế thôn, bản; 99,4% số xã, phường và thị trấn đã có nhà trạm; 87,5% số trạm có bác sĩ khám, chữa bệnh; 97% số trạm có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi; gần 75% số thôn, bản, tổ dân phố có nhân viên y tế hoạt động, trong đó ở nông thôn, miền núi là 96%, gần 80% trạm y tế xã thực hiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế. Nhờ có mạng lưới y tế cơ sở rộng khắp, công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cơ bản được triển khai hiệu quả, sâu rộng như tiêm chủng mở rộng, phòng, chống suy dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, người dân có điều kiện tiếp cận và sử dụng nhiều hơn dịch vụ khám chữa bệnh BHYT.

Mặc dù vậy, đánh giá chung kết quả đạt được của quy hoạch hệ thống y tế theo Quyết định 153/QĐ-TTg cho thấy, mạng lưới cơ sở y tế quốc gia chưa đáp ứng được hết nhu cầu bảo vệ, chăm sóc nâng cao sức khỏe Nhân dân trong điều kiện kinh tế xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng tăng trong bối cảnh người dân vừa phải trải qua dịch bệnh Covid-19 nguy hiểm, chịu ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu cùng sự gia tăng dân số và xu hướng già hóa dân số ngày một nhanh. Bên cạnh đó, tuy tình trạng quá tải ở một số bệnh viện Trung ương và tuyến cuối đã từng bước được cải thiện nhưng chưa bền vững do năng lực, chất lượng dịch vụ y tế ở các cơ sở y tế tuyến dưới vẫn chưa được cải thiện căn bản. Thời gian qua, hệ thống các cơ sở cung ứng dịch vụ y tế ngày càng được củng cố nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, tỷ lệ giường bệnh trên vạn dân

còn thấp, phân bố giường bệnh chưa cân đối giữa các vùng miền, số giường bệnh một số chuyên khoa còn thấp so với nhu cầu và cơ cấu bệnh tật; việc đầu tư cho y tế cơ sở để giảm tải cho bệnh viện tuyến trên còn hạn chế do nguồn vốn đầu tư có hạn; thực trạng đội ngũ cán bộ y tế cơ sở còn thiếu và yếu, đặc biệt tại các địa bàn miền núi, các vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn...

Chính phủ Việt Nam cam kết thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc, trong đó không chỉ có riêng mục tiêu “Đảm bảo sức khỏe tốt” mà tất cả các mục tiêu khác đều là các yếu tố ảnh hưởng đến công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII cũng khẳng định định hướng phát triển ngành Y tế đến năm 2045 là: Tập trung phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu, xây dựng một số cơ sở khám, chữa bệnh có tầm cỡ khu vực và quốc tế; Tiếp tục sắp xếp các trung tâm, đơn vị làm nhiệm vụ y tế dự phòng cấp tỉnh và Trung ương, hình thành hệ thống trung tâm kiểm soát dịch bệnh đồng bộ ở tất cả các cấp và kết nối với mạng lưới kiểm soát bệnh tật thế giới; Đổi mới cơ chế quản lý, xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế, thực hiện bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân, tổ chức cung cấp dịch vụ y tế công, bảo đảm các dịch vụ cơ bản, phấn đấu trên 95% dân số được quản lý, theo dõi và chăm sóc, bảo vệ sức khỏe.

Để Việt Nam thực hiện đúng cam kết các Mục tiêu phát triển bền vững và ngành Y tế tiếp tục phát huy và khẳng định vai trò của mình đồng thời đẩy mạnh hợp tác liên ngành nhằm thực hiện các mục tiêu chăm sóc sức khỏe

Nhân dân, ngày 27/2/2024, Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt theo Quyết định số 201/QĐ-TTg. Mục tiêu của Quy hoạch là xây dựng và phát triển mạng lưới cơ sở y tế quốc gia phù hợp với yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, hướng tới mục tiêu công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế; bảo đảm tính kế thừa, tính khả thi và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước từng thời kỳ; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Đây là quy hoạch rất quan trọng, nhằm tạo định hướng chiến lược, cơ sở pháp lý cũng như động lực để ngành Y tế phát triển mạng lưới cơ sở y tế, hướng tới các mục tiêu mong muốn về y tế trong tình hình mới theo tinh thần, định hướng của Đảng, Quốc hội và Chính phủ. Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế được phê duyệt đồng thời giúp các địa phương có cơ sở để phát triển mạng lưới cơ sở y tế trên địa bàn - một cấu phần quan trọng trong quy hoạch chung của các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương cũng như quy hoạch vùng.

Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được xây dựng trên cơ sở 6 quan điểm phát triển cơ bản:

Một là, phù hợp với những định hướng lớn mang tính quốc gia, bao gồm định hướng, tầm nhìn phát triển đất nước; chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch tổng thể quốc gia và các quy hoạch cấp quốc gia khác có liên quan.

Hai là, bảo đảm cung ứng dịch vụ toàn diện, lồng ghép, liên tục với sự tiếp cận thuận lợi và phù hợp

với khả năng tài chính. Cùng với đó là bảo đảm an ninh y tế, ứng phó với biến đổi khí hậu và các tình huống khẩn cấp.

Ba là, phát triển mạng lưới cơ sở y tế gắn liền với đổi mới tổ chức bộ máy và phương thức quản lý, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Phát triển mạng lưới cơ sở y tế bảo đảm tính cân đối, đồng bộ, kết nối hiệu quả giữa mạng lưới cơ sở y tế cấp quốc gia với mạng lưới cơ sở y tế địa phương.

Bốn là, phát triển mạng lưới cơ sở y tế theo hướng kết hợp hài hòa giữa y tế cơ sở và y tế chuyên sâu; giữa y học cổ truyền với y học hiện đại; giữa y tế lực lượng vũ trang và dân y gắn với xây dựng tiềm lực y tế quốc phòng, an ninh.

Năm là, huy động tối đa nguồn lực đầu tư để phát triển mạng lưới cơ sở y tế theo quy hoạch, đi đôi với sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư.

Sáu là, bảo đảm tính công bằng, từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các khu vực, vùng, miền, hướng tới mục tiêu mọi người dân đều được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng.

Quy hoạch đưa ra những định hướng mới trong phát triển mạng lưới cơ sở y tế trong thời gian tới đối với từng lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh và lĩnh vực y tế dự phòng, y tế công cộng.

Thứ nhất, đối với lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh, phát triển mạng lưới cơ sở y tế theo định hướng công bằng, hiệu quả, phát triển và hội nhập quốc tế thông qua phát triển năng lực chuyên môn kỹ thuật cấp chăm sóc chuyên sâu (trong đó một số bệnh viện được phát triển bệnh viện chuyên sâu kỹ thuật cao, hiện đại, ngang tầm các nước phát triển trong khu vực

và quốc tế); gia tăng tổng nguồn cung các dịch vụ chăm sóc chuyên sâu tuyến cuối, bao gồm cả tổng cung và cung dịch vụ chuyên sâu tuyến cuối của một số chuyên khoa ưu tiên; cải thiện sự phân bố trên không gian địa lý của các bệnh viện cung ứng dịch vụ chăm sóc chuyên sâu tuyến cuối nhằm cải thiện khả năng tiếp cận địa lý; đảm bảo vai trò ứng phó cấp vùng khi có dịch bệnh, thảm họa.

Thứ hai, đối với lĩnh vực y tế dự phòng, y tế công cộng, hình thành cơ quan kiểm soát bệnh tật Trung ương (với hệ thống phòng xét nghiệm an toàn sinh học cấp 4) và 3 trung tâm kiểm soát bệnh tật khu vực (với hệ thống phòng xét nghiệm an toàn sinh học cấp 3) gắn với các Viện Vệ sinh dịch tễ và Pasteur hiện có, để đảm nhận vai trò kết nối, hỗ trợ các trung tâm kiểm soát bệnh tật cấp tỉnh, đảm bảo vai trò kết nối trong nước và quốc tế. Đồng thời hỗ trợ các CDC tỉnh bảo đảm đủ năng lực dự báo, giám sát và phát hiện sớm, khống chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh và kiểm soát các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng.

Thứ ba, đối với lĩnh vực kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn, phát triển năng lực chuyên môn kỹ thuật ở cả cấp quốc gia và cấp vùng thông qua nâng cao năng lực các viện chuyên ngành quốc gia (phát triển hệ thống phòng thí nghiệm tham chiếu, phát triển trung tâm kiểm định và hiệu chuẩn thiết bị y tế, nâng cấp trung tâm đánh giá tương đương sinh học...); phát triển 6 trung tâm kiểm nghiệm vùng tại 6 vùng kinh tế - xã hội, nâng cấp các trung tâm kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm y học đảm nhận chức năng vùng. Hình thành đơn vị quốc gia về chuyển giao công nghệ vaccine tại Hà Nội nhằm thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ trong sản xuất vaccine và sinh phẩm y tế trên phạm vi toàn quốc.

Phát triển các trung tâm thử nghiệm lâm sàng hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế trực thuộc một số bệnh viện Trung ương và viện nghiên cứu chuyên ngành phục vụ nghiên cứu và thử nghiệm thuốc, vaccine; trung tâm nghiên cứu nguồn gen và giống dược liệu quốc gia. Phát triển ngành sản xuất thuốc, vaccine, thiết bị y tế



trong nước đồng bộ, hiện đại, nâng cao năng lực sản xuất tiến tới tự chủ nguồn cung ứng thuốc, vaccine, thiết bị y tế trong nước.

Thứ tư, đối với lĩnh vực giám định y khoa, giám định pháp y và giám định pháp y tâm thần, nâng cao năng lực và cơ sở vật chất của các đơn vị giám định y khoa, giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần hiện có. Xây dựng mới 1 cơ sở giám định pháp y khu vực tại TP. Hồ Chí Minh; 2 cơ sở giám định pháp y tâm thần khu vực tại Nghệ An và TP. Hồ Chí Minh.

Thứ năm, đối với lĩnh vực dân số - sức khỏe sinh sản, phát triển các dịch vụ kỹ thuật chuyên sâu về hỗ trợ sinh sản, tầm soát, chẩn đoán và điều trị sớm bệnh, tật trước sinh, sơ sinh gắn với các bệnh viện chuyên khoa sản/sản - nhi, bệnh viện có chuyên khoa sản/sản - nhi.

Phát triển 6 trung tâm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh khu vực hiện có tại các vùng đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung, Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Hình thành 2 trung tâm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh cấp vùng tại vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Tây Nguyên.

Phát triển các dịch vụ kỹ thuật chuyên sâu về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi gắn với các bệnh viện lão khoa, bệnh viện có chuyên khoa lão. Hình thành bệnh viện lão khoa tại vùng đồng bằng sông Cửu Long. Phần đầu đạt tỷ lệ giường bệnh tư nhân chiếm 15%.

Thứ sáu, quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế cấp địa phương theo hướng phát triển bệnh viện đa khoa cấp tỉnh hoàn chỉnh, phát triển các trung tâm chuyên khoa thuộc một số chuyên ngành ưu tiên. Nâng cấp cơ sở hạ tầng cho các bệnh viện tại các tỉnh khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo bảo đảm đủ điều kiện tiếp nhận hỗ trợ chuyên môn từ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu. Mở rộng quy mô giường bệnh phù hợp với quy mô dân số...

Thứ bảy, phát triển y tế tư nhân để phần đầu đạt tỷ lệ giường bệnh tư nhân chiếm 15% vào năm 2030 và 25% vào năm 2050.

Về định hướng dài hạn, quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế có đề cập việc hình thành 2 khu phức hợp y tế chuyên sâu khi có đủ điều kiện tại 2 miền Nam - Bắc. Đây là mô hình có thể giúp tạo cú hích

cho hoạt động đổi mới sáng tạo và phát triển kỹ thuật cao của toàn ngành Y tế, phù hợp với mục tiêu kiến tạo một hệ thống y tế hiện đại, tiên tiến cũng như quan điểm coi y tế là một ngành dịch vụ có khả năng đóng góp trực tiếp cho tăng trưởng kinh tế.

Khu phức hợp y tế được xem phù hợp với các cơ sở y tế có hệ thống phòng xét nghiệm lớn và phức tạp; các trung tâm nghiên cứu và phát triển y sinh học công nghệ cao; các cơ sở đào tạo nhân lực y tế lớn; các cơ sở khám chữa bệnh (bệnh viện và phòng khám) kỹ thuật cao; các cơ sở nghiên cứu sản xuất dược phẩm, chế phẩm sinh học và trang thiết bị y tế công nghệ cao...

Mô hình này sẽ tạo không gian cho sự hợp tác, chia sẻ hạ tầng kỹ thuật y tế dùng chung giữa các cơ sở y tế, đặc biệt là giữa các hệ thống labo; tạo không gian liên kết giữa nghiên cứu, phát triển, đào tạo nhân lực và thiết kế sản xuất các sản phẩm y dược công nghệ cao. Đồng thời, thuận lợi cho đầu tư và vận hành một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật chung cho các cơ sở trong khu phức hợp (hệ thống cấp thoát nước, hệ thống xử lý chất thải y tế, hệ thống điện...).

Có thể nói, Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định sự kiên định trong việc theo đuổi mục tiêu công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế, đảm bảo phát triển mạng lưới y tế cơ sở. Từ đó nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân và đủ năng lực đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong từng thời kỳ, đồng thời từng bước tiệm cận hệ thống y tế của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới./.



VIỆT NAM NÂNG CAO NĂNG LỰC CUNG ỨNG ĐỂ GIẢI BÀI TOÁN THIẾU VẮC XIN TRONG NƯỚC

Thu Hiền

Trong nhiều thập kỷ qua, lĩnh vực nghiên cứu và phát triển (R&D) vắc xin dự phòng và kiểm soát các bệnh nguy hiểm ở Việt Nam luôn được Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan quan tâm và đầu tư mạnh mẽ. Nhờ đó, việc nghiên cứu, sản xuất vắc xin đã đạt những kết quả nhất định. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đang đứng trước bài toán khó về vấn đề thiếu vắc xin. Điều đó làm ảnh hưởng đến hiệu quả công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, tác động đáng kể đến kinh tế - xã hội.

Thực trạng đáp ứng nhu cầu vắc xin trong nước

Trong nhiều thập kỷ qua, lĩnh vực nghiên cứu và phát triển (R&D) vắc xin dự phòng và kiểm soát các bệnh nguy hiểm ở Việt Nam luôn được Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan quan tâm và đầu tư mạnh mẽ. Nhờ đó, việc nghiên cứu, sản xuất vắc xin đã đạt những kết quả nhất định. Nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp bộ và cấp cơ sở đã được thực hiện nhằm nghiên cứu hoặc tiếp thu chuyển giao công nghệ sản xuất các loại vắc xin thiết yếu và các loại sinh phẩm quan trọng phục vụ công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Bên cạnh đó, Việt Nam đã tiếp thu chuyển giao công nghệ, triển khai các đề tài R&D thành các dự án sản xuất thử nghiệm và tiến hành sản xuất trên quy mô công nghiệp nhằm phục vụ cho nhu cầu tiêm chủng bảo vệ sức khỏe của người dân.

Đến nay, Việt Nam đã tự tin làm chủ công nghệ và sản xuất được vắc xin phục vụ Chương trình Tiêm chủng mở rộng và một số vắc xin khác. Các cơ sở sản xuất vắc xin, sinh phẩm y tế cũng đang tiến hành nghiên cứu sản xuất một số loại vắc xin đặc chủng như: Vắc xin Hib cộng hợp, thương hàn vi cộng hợp, vắc xin phối hợp, vắc xin sốt xuất huyết, vắc xin đại trên tế bào vero, thương hàn vi, kháng huyết thanh kháng đại...

Những nỗ lực trên đã góp phần tạo nên thành công trong việc khống chế và đẩy lùi nhiều bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh dịch lưu hành hàng năm có thể gây ra dịch bệnh lớn như: Sởi, bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, dịch tả, thương hàn... qua đó bảo đảm an toàn sức khỏe cho cộng đồng. Các nghiên cứu sản xuất, thử nghiệm vắc xin đã góp phần đưa Việt Nam trở thành nước có thể mạnh về sản xuất vắc xin trên thế giới. Đáng chú ý, năm 2021,

Việt Nam đã nghiên cứu và sản xuất thành công vắc xin Covid-19, đem lại động lực và hy vọng cho người dân trong bối cảnh cả nước trông chờ và phụ thuộc vào nguồn cung vắc xin hạn hẹp của thế giới. Trong giai đoạn thử nghiệm lâm sàng, các chuyên gia cho biết, có loại vắc xin Covid-19 của Việt Nam đã đạt yêu cầu về tính an toàn, thậm chí được dung nạp tốt và sinh kháng thể trung hòa ở mức cao hơn so với một số loại vắc xin nhập khẩu. Cùng với đó, Việt Nam đã nhận chuyển giao công nghệ sản xuất 3 loại vắc xin Covid-19 của Nga, Mỹ và Nhật Bản một cách nhanh chóng.

Tuy nhiên, câu chuyện thiếu vắc xin vẫn còn tồn tại không riêng với quốc gia nào, nhất là với Việt Nam. Báo cáo “Tình hình trẻ em năm 2023” của Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF) cho biết, năm 2023, cứ 5 trẻ em thì có 1 trẻ không được tiêm và tiêm không đầy đủ vắc xin cần thiết, dẫn đến nguy cơ mắc các bệnh truyền nhiễm, gián đoạn học tập do điều trị, thậm chí mất đi tương lai và cơ hội sống. Theo ước tính, mỗi năm, Việt Nam có 1,5 triệu trẻ dưới 1 tuổi cần tiêm chủng các mũi vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng. Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ dưới 1 tuổi từ năm 1993 luôn được duy trì ở mức trên 90% ở quy mô tuyến tỉnh. Nhìn theo chiều ngược lại, vẫn còn gần 10%

trẻ em Việt Nam chưa được bảo vệ đầy đủ bởi vắc xin.

Đáng nói là trong giai đoạn 2021-2022, tỷ lệ tiêm chủng ở trẻ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; thậm chí sau đại dịch, tỷ lệ trẻ em bỏ lỡ các mũi tiêm quan trọng đầu đời rất cao. Báo cáo Tình hình trẻ em thế giới 2023 của UNICEF cho biết, tỷ lệ bao phủ tiêm chủng sụt giảm tại 112 quốc gia trong 3 năm, từ năm 2019-2021. Có gần 200 nghìn trẻ em Việt Nam nằm trong tổng số 67 triệu trẻ em không được tiêm vắc-xin đầy đủ của thế giới. Việt Nam nằm trong số 20 quốc gia có số trẻ em “0 liều vắc-xin” nhiều nhất thế giới, với số lượng trên 187,3 nghìn trẻ em dưới 1 tuổi không được tiêm một loại vắc xin nào trong năm 2021.

Đặc biệt, từ năm 2023, do thiếu nguồn cung một số loại vắc xin miễn phí, nhiều trẻ em chưa được tiêm bù, tiêm mới đúng lịch nên tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ dưới 1 tuổi bị ảnh hưởng lớn. Thông tin từ Bộ Y tế, tính đến giữa tháng 12/2023, Việt Nam còn thiếu vắc xin 5 trong 1 của Chương trình Tiêm chủng mở rộng từ tháng 2/2023; thiếu vắc xin DPT (phòng 3 bệnh bạch hầu, ho gà, uốn ván) từ tháng 4/2023; một số loại vắc xin khác chỉ đủ cung cấp cho tới tháng 10/2023. Thậm chí, kết quả tiêm chủng đầy đủ cho trẻ dưới 1 tuổi trong 10 tháng của năm 2023 trên quy mô toàn quốc chỉ đạt 66,4%. Trong đó, khu vực Tây Nguyên có tỷ lệ tiêm thấp nhất (đạt 48,6%), tiếp đến là miền Trung với 64,5%, miền Bắc là 67,3% và miền Nam là 69,1%.

Số lượng vắc xin sản xuất trong nước chưa đủ để cung ứng cho nhu cầu tiêm chủng của cả nước. Vắc xin 5 trong 1 - vắc xin quan trọng trong chương trình tiêm chủng mở rộng, giúp bảo vệ

trẻ em phòng các bệnh bạch hầu, uốn ván, ho gà, viêm gan B và Haemophilus Influenzae loại B (Hib) phải nhập khẩu nên thời gian cung ứng phụ thuộc nhất định vào nhà sản xuất nước ngoài và đơn vị trúng thầu. Việc thiếu hụt vắc xin tiêm chủng, nhất là thiếu hụt vắc xin cho trẻ em có thể dẫn đến bùng phát các bệnh có thể phòng ngừa bằng vắc xin. Đây cũng là các nguy cơ chính đe dọa những thành tựu mà Việt Nam đã đạt được trong việc giảm tỉ lệ tử vong trẻ em trong những thập niên qua; cùng với đó là những hệ lụy gây thiệt hại đáng kể cả về vật chất, tinh thần cho gia đình và xã hội.

Nhiều giải pháp nhằm tăng cường khả năng cung ứng vắc xin trong nước

Để giải bài toán thiếu vắc xin, trong nhiều năm, Chính phủ đã dành sự quan tâm đặc biệt và nhiều chính sách nhằm đáp ứng đủ các loại vắc xin cần thiết cho chương trình tiêm chủng mở rộng và các loại vắc xin khác theo nhu cầu của người dân; đảm bảo nguồn cung bền vững trong nước và tính đến khả năng xuất khẩu vắc xin của Việt Nam ra thế giới trong tương lai.

Đáng chú ý là Quyết định phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia “Nghiên cứu sản xuất vắc xin sử dụng cho người đến năm 2030” số 1657/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Chương trình đặt mục tiêu nghiên cứu làm chủ công nghệ sản xuất vắc xin sử dụng cho người; nâng cao trình độ, năng lực của các tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất vắc xin trong nước, sẵn sàng đối phó với dịch bệnh mới phát sinh. Đồng thời phấn đấu 100% vắc xin

trong nước đạt tiêu chuẩn tương đương với tiêu chuẩn quốc tế, bảo đảm cho Chương trình tiêm chủng mở rộng và một số vắc xin khác; từng bước đưa vắc xin Việt Nam tham gia thị trường quốc tế; đến năm 2025, làm chủ công nghệ sản xuất 10 loại vắc xin và sản xuất được tối thiểu 03 loại vắc xin; đến năm 2030, làm chủ được công nghệ sản xuất 15 loại vắc xin và sản xuất được tối thiểu 05 loại vắc xin.

Ngày 25/10/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định 1286/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình đảm bảo nguồn cung ứng vắc xin cho tiêm chủng đến năm 2030 với mục tiêu đáp ứng đủ nhu cầu vắc xin phòng các bệnh truyền nhiễm bắt buộc triển khai trong Chương trình tiêm chủng mở rộng, vắc xin dùng cho tiêm chủng dịch vụ và vắc xin dùng trong phòng, chống dịch bệnh. Mục tiêu đến năm 2025, Việt Nam sẽ làm chủ công nghệ sản xuất 10 loại vắc xin; sản xuất được tối thiểu 03 loại vắc xin, trong đó có vắc xin phòng bệnh phối hợp 5 trong 1 phòng các bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván, bệnh do Haemophilus Influenzae (Hib) và một trong hai bệnh Bại liệt hoặc Viêm gan B. Đến năm 2030, làm chủ được công nghệ sản xuất 15 loại vắc xin, sản xuất được tối thiểu 05 loại vắc xin, các vắc xin sản xuất trong nước bảo đảm đạt tiêu chuẩn tương đương với tiêu chuẩn quốc tế. Các Chương trình đều có nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, tập trung vào một số giải pháp trọng điểm như: Hoàn thiện cơ chế, chính sách; tăng cường đầu tư cho cơ sở vật chất, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ trong nghiên cứu và sản xuất vắc xin; tăng cường nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao.

Để giải quyết vấn đề cấp bách trước mắt, ngày 10/7/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 98/NQ-CP về việc bố trí ngân sách trung ương năm 2023 cho Bộ Y tế để mua vắc xin cho Chương trình tiêm chủng mở rộng. Chính phủ giao Bộ Y tế hướng dẫn các địa phương lập kế hoạch, xác định nhu cầu vắc xin theo từng chủng loại, cơ cấu vắc xin cần thiết, danh mục và lộ trình tiếp nhận từng loại vắc xin đảm bảo lộ trình tăng số lượng vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng.

Từ những ngày đầu năm 2024, Việt Nam đã hoàn thành đặt hàng 10/10 loại vắc xin sử dụng trong chương trình tiêm chủng mở rộng từ các nhà sản xuất trong nước để nhanh chóng tiến hành phân bổ, chuyển đến các địa phương. Cụ thể, 1,55 triệu liều vắc xin phòng lao (BCG); 1 triệu liều vắc xin viêm gan B; 4,98 triệu liều vắc xin bại liệt uống (OPV); 1,9 triệu liều vắc xin sởi; 1,7 triệu liều vắc xin sởi-rubella; 1,4 triệu liều vắc xin viêm não Nhật Bản; 1,53 triệu liều vắc xin phối hợp bạch hầu - ho gà - uốn ván (DPT); trên 1,47 triệu liều vắc xin uốn ván; trên 1,37 triệu liều vắc xin uốn ván - bạch hầu (Td). Số lượng 9 loại vắc xin này đủ để tiêm chủng bù mũi cho trẻ em chưa được tiêm trong năm 2023 và các trẻ đến lịch tiêm trong 6 tháng đầu năm 2024. Riêng hơn 549,1 nghìn liều vắc xin Rota phòng bệnh tiêu chảy cấp, là vắc xin mới sẽ đưa vào Chương trình tiêm chủng mở rộng để tiêm cho trẻ dưới 1 tuổi, dự kiến sẽ được triển khai từ quý II năm 2024.

Bên cạnh đó, để tạo thuận lợi cho công tác quản lý, cung ứng, mua bán vắc xin phục vụ tiêm chủng, ngày 5/02/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 13/2024/NĐ-CP (Nghị định 13/2024) sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 quy định về hoạt động tiêm chủng. Trong đó, Nghị định 13/2024 sửa đổi một số nội dung, qua đó tạo thuận lợi cho việc cung ứng vắc xin cho hoạt động tiêm chủng, đó là: Vắc xin sử dụng cho hoạt động tiêm chủng trong Chương trình tiêm chủng mở rộng, tiêm chủng chống dịch do Nhà nước bảo đảm về số lượng, chủng loại phù hợp với nhu cầu hằng năm và được dự trữ trong 6 tháng. Các cơ sở tiêm chủng cần lập dự kiến nhu cầu vaccine của cả năm gửi cơ quan quản lý về tiêm chủng vào thời điểm nhất định để tổng hợp, làm căn cứ xây dựng kế hoạch cung ứng, sử dụng và tiêm chủng hàng năm./.

CHUYỂN ĐỔI SỐ...

(Tiếp theo trang 24)

Tạo điều kiện, thúc đẩy hợp tác công tư, tăng cường nghiên cứu các công nghệ số, phát triển các nền tảng số, hoạt động dữ liệu số, thúc đẩy dịch vụ số phục vụ phát triển kinh tế số nông nghiệp; Đẩy mạnh các hoạt động kết nối sản xuất tiêu thụ nông sản, phát triển ngành nghề, dịch vụ du lịch nông thôn trên nền tảng số, thông qua các sàn thương mại điện tử và thanh toán trực tuyến.

Ngoài ra, Luật đất đai (sửa đổi) vừa được thông qua vào tháng 1/2024 với đổi mới về mở rộng hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp, cho phép tích tụ đất đai dự kiến sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trên những cánh đồng mẫu lớn. Đồng thời, Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân ứng dụng khoa học công nghệ để sử dụng hiệu quả quỹ đất đã tích tụ, góp phần thúc đẩy nông nghiệp phát triển hiệu quả và bền vững hơn. Qua đó, đem lại thuận lợi trong sản xuất và quản lý trong nông nghiệp, đồng thời giúp đem lại hiệu quả cao, đột phá về năng suất, chất lượng, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Tuy nhiên thực tế hiện nay, chuyển đổi số nông nghiệp vẫn còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế, làm ảnh hưởng đến tiến trình chung. Trong đó phải kể đến tình trạng cơ sở hạ tầng số ở khu vực nông thôn Việt Nam vẫn cần được cải thiện, quy mô ứng dụng chuyển đổi số vẫn cần được mở rộng và đồng bộ giữa các vùng, miền, địa phương. Nhận thức và kỹ năng sử dụng thiết bị thông minh của nông dân còn hạn chế, diện tích canh tác nhỏ; doanh nghiệp nông nghiệp chưa mạnh dạn đầu tư cho chuyển đổi số. Vì vậy, để giải thành công bài toán chuyển đổi số ngành nông nghiệp, một số giải pháp đặt ra đó là: (1) Nâng cao nhận thức của các địa phương, doanh nghiệp và nhất là người nông dân về vai trò, tầm quan trọng của ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, kinh doanh trong ngành nông nghiệp; (2) Xây dựng hạ tầng công nghệ số hiện đại và đồng bộ với chi phí cạnh tranh; (3) Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành xây dựng hệ thống dữ liệu ngành nông nghiệp; (4) Nâng cao trình độ, năng lực tiếp cận và đưa công nghệ số vào sản xuất nông nghiệp cho nông dân; (5) Xây dựng và hoàn thiện chính sách phục vụ chuyển đổi số trong nông nghiệp phù hợp và kịp thời, tạo động lực thúc đẩy công cuộc chuyển đổi số ngành nông nghiệp đúng trọng tâm và hiệu quả./.

VIỆT NAM NỖ LỰC GIẢM THIỂU RÁC THẢI NHỰA

Tiến Long

Giải quyết ô nhiễm rác thải nhựa từ lâu đã luôn là vấn đề cấp bách trên toàn thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Nhận thức rõ được sự cấp thiết của vấn đề này, Chính phủ Việt Nam đã rất chủ động trong việc nêu ra vấn đề, kêu gọi hợp tác cùng hành động của cộng đồng quốc tế, đưa ra định hướng và các chính sách cụ thể.



1,8 triệu tấn rác thải nhựa phát sinh mỗi năm

Theo thống kê từ Bộ Tài nguyên và Môi trường, mỗi năm tại Việt Nam có khoảng 1,8 triệu tấn rác thải nhựa thải ra môi trường, (trong đó 0,28 - 0,73 triệu tấn thải ra biển) nhưng chỉ 27% trong số này được tái chế, tận dụng bởi các cơ sở, doanh nghiệp.

Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường cho biết, Việt Nam đang đối mặt với nhiều nguy cơ từ rác thải nhựa, bình quân mỗi hộ gia đình sử dụng khoảng 1 kg túi nilon/tháng, riêng hai thành phố lớn là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh trung bình mỗi ngày thải ra môi trường khoảng 80 tấn rác thải nhựa và túi nilon.

Trong khi đó, việc phân loại, thu hồi, tái chế và xử lý rác thải nhựa hiện còn nhiều hạn chế. Thực tế, lượng chất thải nhựa và túi nilon ở Việt Nam chiếm khoảng 8-12% chất thải rắn sinh hoạt, nhưng chỉ có khoảng 11-12% số lượng

chất thải nhựa, túi nilon được xử lý, tái chế. Số rác thải còn lại chủ yếu là chôn lấp, đốt và thải ra ngoài môi trường.

Cùng với đó, mỗi ngày có khoảng 22 tấn chất thải nhựa được thải ra từ các hoạt động y tế, trong số đó lẫn với rác thải nguy hại (thuốc, hóa chất...). Việc thu gom, tái chế và chôn lấp loại rác thải nhựa này đều ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng và ô nhiễm môi trường.

Về thực trạng ô nhiễm rác thải nhựa tại Việt Nam, Hiệp hội Nhựa Việt Nam cho biết, năm 2023, Việt Nam nhập khẩu khoảng 7,5 triệu tấn hạt nhựa, đồng thời sản xuất trong nước khoảng hơn 2 triệu tấn. Như vậy, nguyên liệu để sản xuất hạt nhựa nguyên sinh ở Việt Nam mỗi năm có khoảng 10 triệu tấn. Đây là con số rất lớn.

Trong khi đó, những năm qua, tiêu thụ nhựa ở Việt Nam liên tục tăng trưởng khoảng 15% mỗi năm. Hiện nay, tổng sản lượng

ngành nhựa khoảng 25 tỷ USD, xuất khẩu năm 2023 khoảng 4,5 tỷ USD.

Với lượng nhựa tiêu thụ tăng mạnh, lượng rác thải nhựa ra môi trường tăng lên hàng ngày. Một phần (nhựa có giá trị) của lượng rác thải nhựa này đang được thu gom, tái chế ở các làng nghề trên cả nước. Tuy nhiên, còn lượng lớn rác thải nhựa khó tái chế, giá trị thấp như bao bì, túi nilon, nhựa sử dụng 1 lần... không được tái chế, đổ ra bãi rác chôn lấp, hoặc thải trực tiếp ra môi trường.

Theo ước tính, mỗi năm Việt Nam tiêu thụ khoảng 6,2 triệu tấn nhựa. Điều này cũng đồng nghĩa với lượng rác thải nhựa cần phải xử lý rất lớn.

Nỗ lực hành động nhằm giảm thiểu rác thải nhựa

Có thể nói, vấn đề rác thải nhựa đang ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn ở Việt Nam, đặt ra những thách thức không nhỏ về quản lý môi trường. Ô nhiễm

rác thải nhựa là vấn đề có tính liên vùng, xuyên biên giới. Giải quyết vấn đề này cần có sự chung tay của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị xã hội, các doanh nghiệp và từng người dân Việt Nam trong nỗ lực chung của khu vực và toàn cầu.

Nhận thức rõ vấn đề này, Chính phủ Việt Nam đã đưa ra định hướng và các chính sách cụ thể để giải quyết tình trạng ô nhiễm rác thải nhựa. Theo đó, Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương, đặt mục tiêu giảm 75% lượng nhựa thải ra đại dương vào năm 2030. Kế hoạch hành động đề cập đến việc nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi, tăng cường thu gom và xử lý rác thải nhựa và kiểm soát nguồn rò rỉ nhựa cũng như nhu cầu hợp tác quốc tế, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ liên quan đến vấn đề chất thải nhựa.

Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định 08/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật đã đưa ra các quy định về kinh tế tuần hoàn. Các giải pháp cụ thể bao gồm: Lộ trình hạn chế sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa; thúc đẩy các vật liệu thay thế thân thiện với môi trường, hạn chế các sản phẩm chứa vi nhựa và kiểm soát nhập khẩu phế liệu nhựa...

Để án tăng cường quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam tập trung vào thu gom, tái chế và xử lý 85% lượng chất thải nhựa vào năm 2025. Để án đặt ra yêu cầu các Bộ, ngành liên quan thực hiện xây dựng chính sách, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, sửa đổi thuế và kiểm soát nhập khẩu nhựa phế liệu, trong khi yêu cầu các tỉnh và thành phố xây dựng kế hoạch quản lý chất thải nhựa tại mỗi địa phương.

Bên cạnh đó, Việt Nam tham gia thỏa thuận toàn cầu về chấm dứt ô nhiễm nhựa. Tại nhiều diễn đàn quốc tế, Việt Nam đã đề xuất các sáng kiến và tham gia cơ chế hợp tác toàn cầu, khu vực để giải quyết rác thải nhựa. Đặc biệt, Việt Nam đã cùng 175 quốc gia trên thế giới thông qua Nghị quyết 5/14 tại Hội nghị đại hội đồng môi trường toàn cầu lần 2 (UNEA5.2), thống nhất việc xây dựng một "Công cụ toàn cầu có tính ràng buộc pháp lý về chấm dứt ô nhiễm nhựa, bao gồm rác thải nhựa đại dương".

Việt Nam cũng đã thành lập Chương trình đối tác hành động Quốc gia về nhựa (NPAP) trên cơ sở thỏa thuận hợp tác giữa Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) và Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT). Đây là nền tảng đối tác đa phương, đa chủ thể được Chính phủ thiết lập, cho phép thực hiện hợp tác giữa Chính phủ và đối tác quốc gia quan trọng khác để chuyển những cam kết về rác thải nhựa và ô nhiễm nhựa thành hành động cụ thể.

Sau hơn hai năm triển khai, Chương trình NPAP đã đạt được một số kết quả khả quan, tạo sự lan tỏa ý nghĩa về việc nâng cao ý thức, trách nhiệm, góp phần tạo sự thống nhất trong hành động của các cấp, các ngành và sự ủng hộ của người dân nhiều địa phương trên cả nước đối với vấn đề ô nhiễm nhựa. Cụ thể, Chương trình góp phần tăng cường thực thi chính sách, quy định của nhà nước thông qua hỗ trợ xây dựng một số nội dung của Luật BVMT 2020 và Thông tư hướng dẫn thực hiện và hỗ trợ đẩy mạnh thực hiện Luật và Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa.

Chương trình NPAP cũng hỗ trợ Việt Nam tham gia Thỏa thuận Toàn cầu về chấm dứt ô nhiễm

nhựa bằng cách huy động nguồn lực và sự điều phối sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ trong quá trình chuẩn bị dữ liệu, thông tin ở từng vòng đàm phán. Đồng thời, Chương trình cũng đã xây dựng báo cáo nghiên cứu đánh giá tình hình phát sinh, quản lý rác thải nhựa và đề xuất giải pháp, lộ trình giảm thiểu ô nhiễm rác thải nhựa ở Việt Nam; hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về ô nhiễm rác thải nhựa đại dương; xúc tiến một số dự án mới thông qua nền tảng NPAP với sự tham gia tích cực và gắn kết các thành viên. Ngoài ra, chương trình cũng thu hút sự tham gia tích cực từ các khối công và tư trong việc giảm thiểu nhựa dùng 1 lần và tăng cường bình đẳng giới và hoà nhập xã hội trong ngành nhựa.

Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường cho biết, giảm thiểu rác thải nhựa đòi hỏi những giải pháp toàn diện. Việc tăng cường tuyên truyền và nâng cao nhận thức là nền tảng quan trọng. Thay đổi hành vi và ứng xử của cả cộng đồng và doanh nghiệp đối với sản phẩm nhựa và rác thải nhựa là quan trọng nhất. Những hành động nhỏ như hạn chế sử dụng túi nilon, sử dụng chai và lọ thủy tinh thay vì nhựa, ưu tiên mua sản phẩm đóng hộp giấy thay vì hộp nhựa... sẽ đóng góp tích cực vào cuộc chiến chống rác thải nhựa.

Việc giải quyết ô nhiễm chất thải nhựa sẽ là một quá trình lâu dài, cần huy động sự tham gia hiệu quả hơn nữa của toàn xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế nhằm quản lý, xử lý chất thải nhựa, biến thách thức này thành cơ hội trên cơ sở phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức ứng dụng công nghệ cao, qua đó đóng góp vào nỗ lực chung toàn cầu./.



BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG VÙNG ĐẤT NGẬP NƯỚC

Minh Thư

Không chỉ có chức năng và vai trò đặc biệt đối với sự phát triển của quốc gia, vùng đất ngập nước còn là nguồn sinh kế của cộng đồng người dân địa phương. Tuy nhiên, đây cũng là khu vực dễ bị tổn thương khi phát triển kinh tế quá mức gây ô nhiễm môi trường và khai thác tận diệt. Để bảo tồn và sử dụng bền vững vùng đất ngập nước, những năm qua, Việt Nam đã rất nỗ lực trong xây dựng hệ thống thể chế, chính sách và triển khai nhiều hành động thực tiễn.



Bảo tồn và sử dụng bền vững vùng đất ngập nước

Bảo tồn, sử dụng bền vững đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái của các vùng đất ngập nước sẽ góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội, lưu trữ carbon, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, đảm bảo nguồn cung cấp thức ăn và tạo nên các nguồn sinh kế cho người dân. Nhận thức được tầm quan trọng của vùng đất ngập nước, Đảng, Nhà nước luôn xác định việc bảo tồn, phát triển bền vững các vùng đất ngập nước là một trong những mục tiêu phát triển bền vững. Cụ thể, Việt Nam là quốc gia thứ 50 trên thế giới và đầu tiên của khu vực ASEAN chính thức tham gia Công ước về vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (Công ước Ramsar) năm 1989; Thủ tướng

Chính phủ đã ban hành nhiều nghị định, quyết định để phát huy giá trị các vùng đất ngập nước như: Nghị định số 66/2019/NĐ-CP, ngày 29/7/2019, về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước; Ngày 24/11/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1975/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước giai đoạn 2021-2030; Ngày 13/4/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 450/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 về phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Việt Nam cũng tích cực tham gia Ngày Đất ngập nước Thế giới 2024

với chủ đề “Đất ngập nước và Phúc lợi cho con người” hướng tới làm nổi bật mối liên hệ giữa việc duy trì, bảo tồn các vùng đất ngập nước để bảo đảm phúc lợi toàn diện của con người. Từ đó giúp Việt Nam thúc đẩy nâng cao nhận thức của con người trong quản lý hiệu quả các nguồn tài nguyên đất ngập nước.

Đến nay, Việt Nam đã có 9 khu Ramsar (vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế) được thế giới công nhận với tổng diện tích 120.549 ha, bao gồm: Vườn quốc gia Xuân Thủy (tỉnh Nam Định); Vùng đất ngập nước Bàu Sấu thuộc Vườn quốc gia Cát Tiên (tỉnh Đồng Nai); Hồ Ba Bể (tỉnh Bắc Kạn); Vườn quốc gia Tràm Chim (tỉnh Đồng Tháp); Vườn quốc gia Mũi Cà Mau (tỉnh Cà Mau); vườn quốc gia Côn Đảo (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); khu bảo tồn đất ngập nước Láng Sen

thuộc Vườn quốc gia U Minh Thượng (tỉnh Long An) và Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long (tỉnh Ninh Bình). Việt Nam đã quy hoạch và khoanh vi để thành lập 47 khu bảo tồn đất ngập nước. Ban hành kế hoạch hành động quốc gia về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước giai đoạn 2021 - 2030 với mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam sẽ tăng số lượng khu đất ngập nước được công nhận là khu Ramsar lên 15 khu.

Vùng đất ngập nước lớn nhất của Việt Nam là châu thổ sông Cửu Long có một hệ thống sông, ngòi, kênh, rạch chằng chịt cùng những cánh đồng lúa, rừng ngập mặn, rừng tràm, các bãi triều và ao nuôi tôm, cá. Ở miền Trung, vùng đất ngập nước là các đầm phá ven biển, các hồ chứa nước nhân tạo. Ở miền Bắc, đất ngập nước là các hồ trong hệ thống lưu vực sông Hồng, những bãi triều rộng lớn và rừng ngập mặn của châu thổ.

Tính đa dạng các kiểu loại đất ngập nước đã góp phần tạo nên sự phong phú về loài có ý nghĩa đối với Việt Nam và thế giới. Ước tính có khoảng 1.028 loài cá, 848 loài chim, 800 loài động vật không xương sống thuộc hệ sinh thái nước ngọt. Có trên 11.000 loài sống ở hệ sinh thái đất ngập nước biển, ven biển với 6.300 loài sinh vật đáy, 2.500 loài cá, 653 loài rong biển, trên 300 loài san hô, 94 loài cây ngập mặn, 15 loài rắn biển và 25 loài động vật biển có vú tại các vùng đất ngập nước tại Việt Nam. Theo đánh giá của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), Việt Nam là một trong những quốc gia có mức độ đa dạng sinh học cao nhất thế giới với nhiều hệ sinh thái khác nhau. Trong đó, hơn 100 loài chim và hơn 10% các loài thực vật chỉ có ở Việt Nam. Trên bảng xếp hạng về mức độ

đa dạng sinh học trên thế giới, Việt Nam xếp hạng thứ 14. Tại Đông Nam Á, Việt Nam đứng thứ 3 sau Indonesia, Myanmar.

Việc bảo tồn và sử dụng các vùng đất ngập nước quan trọng trên toàn quốc được kiểm soát có hiệu quả. Năng lực và trang thiết bị cho các tổ chức, cá nhân làm công tác bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước quan trọng cũng được tăng cường.

Trong những năm qua, vùng đất ngập nước đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu. Theo đó, vùng đất ngập nước góp phần cung cấp lương thực, thủy sản cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu nước ngoài. Theo Tổng cục Thống kê năm 2023 kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 355,5 tỷ USD, trong đó, cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu nông sản, lâm sản ước đạt 28,15 tỷ USD, chiếm 7,9%; nhóm hàng thủy sản ước đạt 9,01 tỷ USD, chiếm 2,5%. Tính riêng 2 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam ước đạt 59,34 tỷ USD, trong đó, cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu nông, lâm sản ước đạt 5 tỷ USD, chiếm 8,4%; nhóm hàng thủy sản ước đạt 1,3 tỷ USD, chiếm 2,2%. Việt Nam hiện là một trong những nước có xuất khẩu gạo lớn trên thế giới. Đặc biệt, du lịch dựa trên các giá trị các điểm du lịch vùng đất ngập nước như: Đảo Cát Bà, Côn Đảo, Phong Nha - Kẻ Bàng, các khu căn cứ cách mạng ở Vườn quốc gia U Minh Thượng, các khu du lịch sinh thái như: Vườn quốc gia Xuân Thủy, Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ, Vườn quốc gia Ba Bể, Vườn quốc gia Tràm Chim,... đã đạt hiệu quả tích cực khi thu hút ngày càng nhiều khách du lịch trong và ngoài nước.

Trong bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, các vùng đất ngập nước làm tăng khả năng chống chịu của cộng đồng đối với thiệt hại do bão lụt và các hiện tượng cực đoan gây ra. Nhiều loại đất ngập nước như rừng ngập mặn, bãi cạn, rừng san hô và than bùn ven biển tạo thành những vùng đệm tự nhiên giúp chống lại các tác động của thời tiết, sạt lở và suy thoái ở nhiều khu vực

Việt Nam hành động bảo vệ, sử dụng bền vững vùng đất ngập nước

Việt Nam đang từng bước thể hiện trách nhiệm là thành viên Công ước về các vùng đất ngập nước (Công ước Ramsar). Ngày 29/7/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 66/2019/NĐ-CP về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước. Theo đó, Nghị định đã đưa ra nguyên tắc bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước gồm: Việc bảo tồn và sử dụng vùng đất ngập nước phải được thực hiện trên nguyên tắc tiếp cận hệ sinh thái, bảo đảm duy trì toàn vẹn cấu trúc, chức năng, đặc tính sinh thái và đa dạng sinh học của vùng đất ngập nước; Tăng cường vai trò, sự tham gia của cộng đồng dân cư sinh sống trên, xung quanh vùng đất ngập nước và các bên liên quan trong bảo tồn, sử dụng bền vững vùng đất ngập nước; Đảm bảo cơ chế chia sẻ lợi ích công bằng, hợp lý về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các bên liên quan trong việc sử dụng dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước.

Ngày 24/11/2021, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 1975/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước giai đoạn 2021-2030. Theo đó, mục tiêu chung

của Quyết định số 1975/QĐ-TTg là bảo tồn, sử dụng bền vững đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái của các vùng đất ngập nước, góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và thực hiện các nghĩa vụ của Việt Nam là quốc gia thành viên tham gia Công ước về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (Công ước Ramsar).

Quyết định số 1975/QĐ-TTg đưa ra mục tiêu cụ thể đến năm 2025 hoàn thành việc điều tra, thống kê, kiểm kê diện tích các vùng đất ngập nước trên phạm vi toàn quốc; xác lập được các vùng đất ngập nước quan trọng, các vùng đất ngập nước quan trọng có dấu hiệu bị suy thoái và xây dựng được cơ sở dữ liệu về các vùng đất ngập nước quan trọng; Cả nước có 13 khu đất ngập nước được công nhận là vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (khu Ramsar); tăng diện tích các vùng đất ngập nước quan trọng được bảo vệ trên toàn quốc; Mạng lưới các khu Ramsar Việt Nam được thiết lập và hoạt động có hiệu quả, trong đó chú trọng các hoạt động, chương trình du lịch sinh thái, du lịch thân thiện với môi trường; 70% các vùng đất ngập nước quan trọng trên toàn quốc được kiểm soát có hiệu quả việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất; Chi trả dịch vụ hệ sinh thái đối với vùng đất ngập nước quan trọng được áp dụng tại một số khu Ramsar.

Đến năm 2030, tất cả các vùng đất ngập nước quan trọng trên toàn quốc được tổ chức điều tra, đánh giá, quản lý, quan trắc, giám sát theo quy định tại Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ

về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước và hướng dẫn của Công ước Ramsar; Cả nước có 15 khu đất ngập nước được công nhận là khu Ramsar; tăng số lượng các khu bảo tồn đất ngập nước; Phục hồi được ít nhất 25% vùng đất ngập nước quan trọng bị suy thoái; Các vùng đất ngập nước quan trọng trên toàn quốc được kiểm soát có hiệu quả việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất và phát triển các hoạt động, chương trình du lịch sinh thái, du lịch thân thiện với môi trường; Chi trả dịch vụ hệ sinh thái đối với vùng đất ngập nước quan trọng được áp dụng tại khu bảo tồn đất ngập nước, khu Ramsar; Năng lực và trang thiết bị cho các tổ chức, cá nhân làm công tác bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước quan trọng được tăng cường.

Để thực hiện tốt các mục tiêu, Kế hoạch hành động quốc gia cũng đã đưa ra các giải pháp thực hiện, cụ thể:

Hoàn thiện các văn bản chính sách, pháp luật về quản lý các vùng đất ngập nước; Xây dựng và ban hành các hướng dẫn kỹ thuật về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước trên toàn quốc; Xây dựng tài liệu hướng dẫn cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái tại các vùng đất ngập nước quan trọng; Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện nội dung về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước trong hệ thống chính sách, pháp luật tài nguyên và môi trường; Xây dựng cơ chế kiểm soát việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất và các hoạt động có ảnh hưởng tiêu cực đến các vùng đất ngập nước quan trọng.

Tăng cường hiệu quả hoạt động của các tổ chức quản lý về đất ngập nước: Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

thực thi pháp luật của đội ngũ cán bộ quản lý đa dạng sinh học, đất ngập nước từ trung ương tới địa phương; đa dạng hóa phương thức đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực, bồi dưỡng cán bộ làm công tác bảo tồn đa dạng sinh học, đất ngập nước các cấp; nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu; Tăng cường năng lực Cơ quan đầu mối thực hiện Công ước Ramsar và các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước tại các bộ, ngành, địa phương.

Đa dạng hóa nguồn lực cho bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước: Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho nhiệm vụ bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 66/2019/NĐ-CP về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước; Khuyến khích, huy động sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp đầu tư tài chính cho hoạt động bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước; Xây dựng cơ chế đa dạng hóa nguồn đầu tư cho bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước thông qua các cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước, bồi hoàn đa dạng sinh học, cơ chế chia sẻ lợi ích tại các vùng đất ngập nước quan trọng và các cơ chế tài chính khác; Huy động, sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ quốc tế đầu tư cho các dự án về bảo tồn đất ngập nước, hoạt động về tuyên truyền cho công tác bảo tồn, phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái; Phát triển các hoạt động du lịch sinh thái, du lịch thân thiện với môi trường tại các vùng đất ngập nước.

(Xem tiếp trang 50)

HUYỆN CẦN GIUỘC NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

ThS. Nguyễn Thị Hoàng Yến

Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh

ThS. Nguyễn Thị Hồng Châu

Phòng NN&PTNT huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Trong thời gian gần đây, mặc dù diện tích đất sản xuất nông nghiệp huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An bị thu hẹp do các dự án phát triển kinh tế - xã hội và tình hình thời tiết không thuận lợi, nhưng ngành nông nghiệp địa phương vẫn duy trì và vượt qua các mục tiêu đề ra nhờ chủ động và tích cực thực hiện các Nghị quyết của Tỉnh ủy và Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025.



Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp

Năm 2023, diện tích đất sản xuất nông nghiệp của huyện Cần Giuộc bị thu hẹp do việc thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội, trong đó một số dự án đang trong quá trình thu hồi đất và giải phóng mặt bằng. Trong đó, tổng diện tích đất trồng lúa giảm xuống còn gần 7,3 nghìn ha và sản lượng giảm trên 4,4 nghìn tấn so với năm 2022. Tuy nhiên, kết quả sản xuất lúa năm 2023 vẫn đạt 110,38% so chỉ tiêu kế hoạch với tổng sản lượng đạt 30,9 nghìn tấn. Trong đó, diện tích đất trồng lúa vụ mùa - đông xuân 2022-2023 là hơn 3,8 nghìn ha, đạt năng suất bình quân 41,73 tạ/ha và sản lượng thu hoạch 16,0 nghìn tấn; lúa vụ hè thu 2023 có diện tích trồng là khoảng 3,4 nghìn ha, đạt năng suất 43,19 tạ/ha và sản lượng thu hoạch đạt gần 14,9 nghìn tấn.

Đối với cây rau và các loại cây trồng khác có diện tích gieo trồng luân phiên năm 2023 từ 1.400-1.750 ha. Sản lượng rau đạt 135,2 nghìn tấn, tuy giảm nhẹ

so năm 2022 song đạt 100,15% so với kế hoạch của Huyện đặt ra.

Kết quả này cho thấy rằng, dù diện tích đất sản xuất nông nghiệp của Huyện bị thu hẹp, nhưng năng suất và hiệu quả sản xuất vẫn được duy trì. Đây là kết quả của sự nỗ lực và sáng tạo của nhà nông trong việc tối ưu hóa sử dụng đất và tài nguyên, cũng như sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương và các chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Đối với từng loại cây trồng, vật nuôi, Chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã mang lại kết quả bước đầu.

Cụ thể, đối với cây rau: Diện tích trồng rau ứng dụng công nghệ cao đạt 84 ha (*tăng 56 ha so với năm 2022*), lũy kế đến nay toàn Huyện có 1.314 ha diện tích trồng rau ứng dụng công nghệ cao/1.300 ha, đạt 101% chỉ tiêu kế hoạch. Trong đó, thực hiện mô hình sản xuất rau sử dụng phân hữu cơ vi sinh, thuốc trừ sâu sinh học trên 84 ha (*tăng 56 ha so với năm 2022*), lũy kế đạt

1.314 ha/1.300 ha, đạt 101% kế hoạch; diện tích trồng rau trong nhà lưới, nhà màng, nhà kính là 111,82/150 ha, đạt 74,6% chỉ tiêu kế hoạch; diện tích trồng rau có sử dụng hệ thống tưới phun tự động, tưới thấm, tưới tiết kiệm là 29,4 ha (*tăng 5,4 ha so với năm 2022*), lũy kế đạt 298,4 ha/510 ha, đạt 58,5% kế hoạch.

Đối với nuôi tôm nước lợ, toàn huyện Cần Giuộc có 485 ha tôm nuôi nước lợ ứng dụng công nghệ cao/470 ha (*tăng 37 ha so với năm 2022*), đạt 103% so với kế hoạch. Trong đó có 87,97 ha nuôi có nhà ương, bể ương; 160 ha nuôi có sử dụng hệ thống si-phông đáy; 225,82 ha có sử dụng hệ thống cung cấp oxy đáy; 87,28 ha nuôi tôm sử dụng máy cho ăn tự động; 64,6 ha sử dụng máy biến tần; 21,15 ha nuôi theo công nghệ tạo khối sinh học (*biofloc*); 485 ha nuôi theo công nghệ vi sinh.

Đa dạng kênh tiêu thụ nông sản

Năm 2023, giá cả các loại nông sản trên toàn bàn Huyện không tăng, nhìn chung ổn định, duy chỉ giá lúa trong năm tăng cao



từ 3.000 - 5.000 đồng so với năm 2022 nên người dân vẫn có lãi và phần khởi.

Các sản phẩm rau trên địa bàn Huyện được tiêu thụ chủ yếu thông qua các cơ sở thu mua rau, các HTX trên địa bàn Huyện để phân phối cho các siêu thị, chợ đầu mối, các chợ truyền thống trên địa bàn Huyện và tại thành phố Hồ Chí Minh. Đối với sản phẩm tôm nuôi nước lợ chủ yếu tiêu thụ qua thương lái thu mua và phân phối trên chợ Bình Điền. Bên cạnh kênh tiêu thụ truyền thống, các mặt hàng nông sản Huyện còn được tiêu thụ qua các trang thương mại điện tử, bán hàng trên mạng xã hội...

Đặc biệt, trong năm vừa qua, UBND huyện Cần Giuộc đã chủ động thực hiện và phối hợp tổ chức đẩy mạnh hoạt động kết nối tiêu thụ nông sản trên các kênh như: Các hệ thống San Hà, Coopmart, VinMart, Bách hóa xanh và các điểm bán hàng bình ổn giá trên địa bàn huyện, duy trì đăng trên trang <https://htx.cooplink.com.vn> (mua bán kết nối tiêu thụ nông sản) của Tổ công tác 970

của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đồng thời, cung cấp thông tin một số đơn vị thu mua, triển khai thực hiện “Điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm nghề truyền thống, nông sản đặc trưng huyện Cần Giuộc” với hơn 30 danh mục hàng hóa, sản phẩm được trưng bày, giới thiệu, mua bán và kết nối tiêu thụ. Tổ chức cho các hợp tác xã và người dân chăn nuôi tham quan tại Triển lãm quốc tế chuyên ngành Chăn nuôi Vietstock 2023 diễn ra ở thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 10/2023. Thực hiện trưng bày các sản phẩm OCOP triển lãm chào mừng 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản tại huyện Bến Lức; tham gia Tuần lễ tham gia quảng bá các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu của tỉnh năm 2023...

Huyện cũng chú trọng xây dựng nhãn hiệu chứng nhận “Rau Cần Giuộc”, nhằm giữ gìn uy tín, danh tiếng và nâng cao giá trị hàng hóa cho sản phẩm rau do tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trồng và kinh doanh sản phẩm rau có nguồn gốc từ huyện Cần Giuộc, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu chứng nhận “Rau Cần Giuộc”.

Đẩy mạnh Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP), trong năm 2023, huyện Cần Giuộc có 11 sản phẩm được công nhận đạt 3 sao, lũy kế đến nay trên địa bàn Huyện có 25 sản phẩm được đánh giá, phân hạng đạt OCOP 3 sao, trong đó, 14 sản phẩm được UBND tỉnh công nhận đạt 3 sao, 11 sản phẩm được UBND huyện công nhận đạt 3 sao.

Cũng trong năm vừa qua, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phối hợp cùng Sở Khoa học và Công nghệ làm việc với Trường Đại học Cần Thơ để triển khai

các bước thực nghiệm đề tài “Chọn lọc quần thể giống cải Bẹ xanh (*Brassica juncea*), cải Ngọt (*Brassica integrifolia*) và xây dựng quy trình canh tác tổng hợp một số loại rau ăn lá tại huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An”, trong đó giống cải bẹ xanh và cải ngọt ($50m^2$ giống từ đề tài, $50m^2$ giống từ địa phương để đối chứng) đang trong giai đoạn trồng thử nghiệm.

Để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp địa phương, Huyện cũng dành quan tâm lớn cho công tác dạy nghề cho lao động nông thôn thông qua việc triển khai 10 lớp dạy nghề nông nghiệp, cụ thể: Lớp trồng lúa ứng dụng công nghệ cao tại xã Tân Tập, xã Long An; Lớp trồng hoa lan tại xã Long Phụng; Lớp trồng hoa mai vàng và hoa mai chiếu thủy tại xã Phước Hậu; Lớp trồng cây ăn quả tại xã Thuận Thành; Lớp trồng rau ứng dụng công nghệ cao tại thị trấn Cần Giuộc, xã Phước Lại, xã Long Thượng, xã Phước Lý; Nuôi tôm thẻ chân trắng tại xã Phước Vĩnh Tây. Tổng kinh phí thực hiện 10 lớp dạy nghề nông nghiệp lên tới gần 242,9 triệu đồng cho 297 lượt học viên/180 học viên, đạt 165% chỉ tiêu đặt ra.

Trong thời gian tới, ngành nông nghiệp huyện Cần Giuộc sẽ nỗ lực hơn nữa để vượt qua khó khăn, thách thức hiện tại đang đặt ra như: Tiến độ triển khai ứng dụng công nghệ cao chậm; sự phụ thuộc lớn vào thương lái; thiếu hụt lao động chuyên môn, thời tiết diễn biến bất thường,... Đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo nghề để đáp ứng nhu cầu sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng nông sản, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của xã hội và bảo đảm sự phát triển nông nghiệp bền vững./.

MỘT SỐ KẾT QUẢ VỀ ĐÁNH GIÁ NHU CẦU VÀ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG THÔNG TIN THỐNG KÊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2023

Gia Linh

Điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê là cuộc điều tra được tiến hành trên phạm vi cả nước với quy mô mẫu được chọn theo phương pháp chuyên gia. Tại tỉnh Đắk Nông, với sự triển khai nghiêm túc, đồng bộ đã mang lại những hiệu quả tích cực, theo đó cung cấp một bức tranh khái quát về tình hình sử dụng thông tin thống kê của người dùng tin trên địa bàn tỉnh Đắk Nông hiện nay. Những đánh giá về chất lượng sản xuất thông tin và phổ biến thông tin thống kê sẽ giúp ngành Thống kê biết được nhu cầu, mong đợi của người sử dụng thông tin đối với những thông tin mà ngành Thống kê sẽ biên soạn, phổ biến, cung cấp trong thời gian tới. Các ý kiến đánh giá của đối tượng điều tra trong việc phổ biến thông tin của ngành Thống kê có ý nghĩa quan trọng, giúp cho Ngành có thêm cơ sở để hoàn thiện chính sách, kế hoạch sản xuất và phổ biến thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dùng tin.

Điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được triển khai với 200 đối tượng điều tra ở các đơn vị, như: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn Đại biểu Quốc hội của tỉnh; Lãnh đạo và công chức Sở, ngành; Lãnh đạo Huyện ủy/Thành ủy, lãnh đạo HĐND, UBND cấp huyện; các phòng ban cấp huyện; cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh; doanh nghiệp và các nhà đầu tư thuộc các loại hình kinh tế; các trường cao đẳng, trung cấp và dạy nghề; các đối tượng khác.

Trong tổng số 200 người thuộc đối tượng trả lời phiếu điều tra, xét theo giới tính, có 137 nam, chiếm 68,5% và 63 nữ, chiếm 31,5%. Trong đó, số người dưới 36 tuổi chiếm 14,0%; từ 36-50 tuổi chiếm 71,0% và trên 50 tuổi chiếm 15,0%. Xét theo nghề nghiệp, có 142 đối tượng là công chức, viên chức; 20 đối tượng là giáo viên, giảng viên; 25 đối tượng là doanh nhân, nhà đầu tư; 09 đối tượng là nhà báo; 04 đối tượng thuộc nghề nghiệp khác.

Theo vị trí công tác: Có 6 phiếu dành cho Lãnh đạo Bộ, ngành và cấp tỉnh, chiếm 3,0%; Lãnh đạo

Cục, Vụ, Viện và cấp Sở 21 phiếu, chiếm 10,5%; Lãnh đạo cấp huyện 8 phiếu, chiếm 4,0%; Lãnh đạo cấp phòng 57 phiếu, chiếm 28,5%; Lãnh đạo các doanh nghiệp 25 phiếu, chiếm 12,5%; vị trí khác 83 phiếu, chiếm 41,5%.

Kết quả tình hình sử dụng thông tin thống kê

Tình hình sử dụng thông tin của ngành Thống kê

100% đối tượng điều tra khi được hỏi về tình hình sử dụng thông tin của ngành Thống kê thời gian qua đều trả lời phiếu, trong đó: 6,5% người trả lời chưa sử dụng; 92,0% người đã sử dụng và 1,5% người không nhớ đã sử dụng hay chưa.

Tỷ lệ người đã sử dụng thông tin của ngành Thống kê cao nhất ở nhóm đối tượng nhà báo với 100% là sử dụng thông tin thống kê; công chức, viên chức với 98,6%; nhóm giáo viên, giảng viên với 75,0%; nhóm doanh nhân, nhà đầu tư 72,0%; nhóm nghề nghiệp khác với 50%. Xét theo vị trí công tác, nhóm lãnh đạo Bộ, ngành và cấp tỉnh; nhóm lãnh đạo Cục, Vụ, Viện và cấp Sở; nhóm lãnh đạo cấp huyện và lãnh đạo cấp phòng là 100%; lãnh đạo doanh nghiệp là 72% và các vị trí khác là 89,2%.

Trong số 8% đối tượng trả lời chưa sử dụng thông tin thống kê, có 38% là do chưa biết; 61,5% là lý do khác; 7,7% do có nguồn số liệu khác và 7,7% là do không tiếp cận được.

Tần suất sử dụng thông tin ngành Thống kê

Trong số 92% người đã sử dụng thông tin của ngành Thống kê, có 58,15% người trả lời khi cần thì sử dụng, không theo định kỳ thường xuyên; có 14,13% người trả lời theo nhu cầu hàng tháng; 10,33% người trả lời sử dụng theo nhu cầu hàng quý; 8,15% người trả lời sử dụng theo nhu cầu hàng năm; 6% người trả lời sử dụng hàng tuần và 3,33% người trả lời sử dụng hàng ngày.

Mục đích sử dụng thông tin thống kê

Trong số 92% người đã sử dụng thông tin thống kê, có 81,5% người cho biết sử dụng vào việc xây dựng chiến lược, kế hoạch và phân tích đánh giá vĩ mô, tập trung ở nhóm công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng và vị trí khác; 12,5% người sử dụng số liệu thống kê cho mục đích xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh của cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, hộ gia đình, tập trung ở nhóm doanh nhân, nhà đầu tư; 20,1% người sử dụng thông tin thống kê cho mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy, tập trung ở nhóm công chức, viên chức, giáo viên, giảng viên; 4,9% người cho biết sử dụng số liệu vào các mục đích khác, tất cả đều là các nhà báo.

Nguồn cung cấp thông tin thống kê

Trong số những người đã sử dụng thông tin của ngành Thống kê, có 94,0% người trả lời được ngành Thống kê cung cấp (16,8% hoàn toàn do ngành Thống kê cung cấp và 77,2% chủ yếu do ngành Thống kê cung cấp); 6,0% số người còn lại chủ yếu tự tìm kiếm thông tin thống kê bằng các nguồn khác để sử dụng. Tỷ lệ người trả lời được ngành Thống kê

cung cấp phân theo nghề nghiệp: nhóm công chức, viên chức là 95,7%; nhóm giáo viên, giảng viên là 80,0%; nhóm doanh nhân, nhà đầu tư 88,9%; nhà báo và nghề nghiệp khác là 100%.

Một số đánh giá về hoạt động phổ biến thông tin thống kê và về thông tin thống kê

Khả năng tiếp cận thông tin thống kê của ngành Thống kê và sự hài lòng của người dùng tin

Trong số những người đã sử dụng thông tin của ngành Thống kê, có 47,8% số người cho là nguồn thông tin thống kê tiếp cận dễ dàng; 48,9% người đánh giá tiếp cận tương đối dễ dàng; 1,6% người cho rằng tiếp cận nguồn thông tin khó khăn và 1,6% người trả lời không biết.

Trong số những người đã sử dụng thông tin của ngành Thống kê, có 47,3% người trả lời hài lòng; 51,1% người trả lời tương đối hài lòng và chỉ có 1,6% người trả lời chưa hài lòng về thông tin thống kê.

Đánh giá về thông tin thống kê

Về tác dụng của thông tin thống kê: Có 54,3% người cho rằng thông tin thống kê rất có tác dụng; 44,6% cho rằng có tác dụng và 1,1% cho rằng ít có tác dụng; không có người đánh giá thông tin thống kê là không có tác dụng.

Về tính kịp thời của thông tin thống kê: 34,1% cho rằng thông tin thống kê rất kịp thời; 60,5% cho rằng tương đối kịp thời; 4,3% cho rằng chưa kịp thời và 1,1% đối tượng đã trả lời không biết.

Về tính đầy đủ của thông tin thống kê do ngành Thống kê phổ biến, cung cấp: 37,5% người trả lời thông tin thống kê là đầy đủ; 56,5% người trả lời tương đối đầy đủ; 3,8% người trả lời chưa đầy đủ và 2,2% người trả lời không biết.

Về độ tin cậy của thông tin thống kê: có 92% số người đưa ra ý kiến đánh giá, trong đó: số người cho rằng thông tin thống kê là tin cậy chiếm 52,2%, chủ yếu ở nhóm đối tượng công chức, viên chức (chiếm 78,1%); số người cho rằng thông tin thống kê là tương đối tin cậy chiếm 47,3%, cũng chủ yếu rơi vào nhóm công chức, viên chức (chiếm 73,6%); chỉ có 0,5% số người cho rằng thông tin thống kê là ít tin cậy.

Đánh giá về một số sản phẩm thông tin thống kê chủ yếu của tỉnh Đắk Nông

Kết quả về mức độ biết về Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng: Trong số 92% người trả lời đã sử dụng thông tin thống kê, có 70,1% người trả lời có biết về báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng, 29,9% người trả lời không biết; trong đó tỷ lệ biết về báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng cao ở nhóm nhà báo và nhóm công chức, viên chức (nhóm nhà báo là 77,8%; nhóm công chức, viên chức là 75,0%).

Mức độ hài lòng đối với Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng: Để có đánh giá về mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin đối với sản phẩm thống kê chủ yếu, các đối tượng điều tra được phỏng vấn bằng câu hỏi định tính với 3 mức độ: Hài lòng, tương đối hài lòng và chưa hài lòng; trong số những người biết về báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng có 53,9% người trả lời hài lòng với báo cáo này; 45,3% người trả lời tương đối hài lòng là 0,8% người trả lời chưa hài lòng.

Mức độ biết về Niên giám thống kê: Trong số những người trả lời đã sử dụng thông tin thống kê, có 87,0% người trả lời có biết về Niên giám thống kê, 13,0% người trả lời không biết. Mức độ hài lòng

đối với Niên giám thống kê: Có 48,8% người trả lời hài lòng; 50,6% người trả lời tương đối hài lòng và 0,6% người trả lời chưa hài lòng.

Triển vọng sử dụng thông tin thống kê và nhu cầu/mong đợi của người dùng tin

Với mục đích tìm hiểu nhu cầu/mong đợi về thông tin thống kê của các đối tượng sử dụng để có cơ sở xây dựng chính sách, kế hoạch tiếp tục nâng cao chất lượng số liệu thống kê và hoạt động phổ biến thông tin thống kê, cuộc điều tra này đã tiến hành phỏng vấn các đối tượng điều tra về triển vọng sử dụng thông tin thống kê trong thời gian tới. Kết quả điều tra trên địa bàn tỉnh Đắk Nông cho biết, khi được hỏi về triển vọng sử dụng thông tin/số liệu thống kê của ngành Thống kê cung cấp/phổ biến trong thời gian tới, có 90,5% số người trả lời khẳng định trong thời gian tới chắc chắn sẽ sử dụng số liệu của ngành Thống kê, 7,0% số người trả lời chưa khẳng định có sử dụng hay không và 2,5% trả lời trong thời gian tới sẽ không sử dụng số liệu thống kê.

Kết quả điều tra về dạng thông tin, sản phẩm thống kê ưu dùng trong thời gian tới: Trong số 90,5% người khẳng định sẽ sử dụng thông tin thống kê trong thời gian tới, có 33,7% trả lời muốn được sử dụng số liệu vi mô; 75,7% mong muốn được sử dụng số liệu đã tổng hợp dưới dạng các bảng biểu thống kê và 60,2% yêu cầu được sử dụng các báo cáo phân tích thống kê có cả lời văn phân tích, hình ảnh và số liệu. Như vậy, phần lớn người dùng tin ưa chuộng những sản phẩm thống kê dưới dạng số liệu tổng hợp đã qua xử lý được thiết kế thành các bảng biểu thống kê cùng với các báo cáo có cả lời văn phân tích, hình ảnh và số liệu./

Khái niệm về chất lượng thông tin kế toán

Có nhiều quan điểm khác nhau về chất lượng thông tin kế toán. Trước hết, thông tin kế toán có chất lượng cần phải đảm bảo có đầy đủ các tiêu chuẩn cần thiết. Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) và Chuẩn mực kế toán Việt Nam đều thống nhất chất lượng thông tin kế toán cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

Tính thích hợp: Tính thích hợp chính là việc thông tin kế toán có khả năng tạo ra sự khác biệt trong việc ra quyết định của đối tượng sử dụng thông tin. Dựa trên các thông tin kế toán quá khứ mà người sử dụng có thể đánh giá sự phù hợp của các chỉ tiêu kinh tế tài chính hoặc dự báo các chỉ tiêu đó trong tương lai qua thông tin hiện tại. Ví dụ, đánh giá tính thích hợp của doanh thu hiện tại thông qua việc so sánh với các chỉ số của năm trước hoặc sử dụng các chỉ số này để dự báo chỉ tiêu doanh thu trong tương lai.

Tính tin cậy (tính trung thực): Thông tin được trình bày trung thực khi nó mô tả đầy đủ, trung lập và không mắc lỗi (IASB, 2010a). Thông tin được thể hiện đầy đủ, khách quan, *trung thực* và không có những sai sót trọng yếu trên các nội dung trong báo cáo tài chính; đồng thời đầy đủ, chính xác đảm bảo có sự cam kết trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc ghi nhận thông tin.

Tính so sánh: Dựa trên các thông tin được cung cấp, người sử dụng có thể so sánh các thông tin kinh tế, hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp theo thời gian hoặc so sánh với các tổ chức kinh tế khác, từ đó có các quyết định kinh tế phù hợp.

Tính kiểm chứng: Biểu hiện bằng việc các thông tin được kiểm chứng thông qua hoạt động kiểm toán sẽ nâng cao mức độ tin cậy đối với người sử dụng.

Tính kịp thời: Các thông tin kế toán phải cung cấp một cách đầy đủ kịp thời, đúng hoặc trước thời hạn quy định cho người cần sử dụng trước khi thông tin đó hết giá trị.

Tính dễ hiểu: Thông tin cần được phân loại, làm rõ bản chất và trình bày rõ ràng trong các báo cáo tài chính sẽ giúp người sử dụng có thể hiểu được nội dung bản chất của thông tin kế toán.

Bên cạnh các tiêu chuẩn trên, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thu thập và xử lý dữ liệu kế toán cũng góp phần làm thay đổi chất lượng thông tin kế toán, quy trình kế toán có sự thay đổi căn bản, do đó tác động tích cực đến chất lượng thông tin kế toán. Tính chính xác cao hơn, dữ liệu tin cậy và hiệu quả hơn của các thông tin tài chính thông qua hệ thống tự kiểm soát... giúp chất lượng thông tin kế toán ngày càng được nâng cao. Mặt khác, theo chế độ kế toán quy định đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ, toàn bộ thông tin về tình hình hoạt động kinh tế tài chính một doanh nghiệp được trình bày trên các báo cáo tài chính. Nếu các báo cáo tài chính kém chất lượng, thiếu hay sai lệch các thông tin trọng yếu dẫn tới những quyết định sai lầm của nhà đầu tư, nhà quản lý và có thể dẫn đến các rủi ro cho doanh nghiệp.

Như vậy, chất lượng thông tin kế toán liên quan đến tính tin cậy, tính so sánh, kiểm chứng và đặc biệt tính hữu ích đối với người sử dụng thông tin.

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ

ThS. Nguyễn Thị Mai Hiền

Khoa Kế toán - Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội

Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán trên các báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp siêu nhỏ

Hiện nay, số lượng doanh nghiệp siêu nhỏ tại Việt Nam chiếm tỷ lệ cao nhất và đang có xu hướng gia tăng. Tại thời điểm 31/12/2021, có 498.233 doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ, chiếm 69,3% số doanh nghiệp cả nước, tăng 4,1% so với cùng thời điểm năm 2020, cho thấy vai trò quan trọng của loại hình doanh nghiệp này trong nền kinh tế. Vì vậy, thông tin tài chính, tình hình hoạt động cũng như các lĩnh vực kinh doanh của các doanh nghiệp siêu nhỏ khiến các nhà đầu tư, cá nhân khởi nghiệp và các đối tượng có nhu cầu khác ngày càng quan tâm. Tuy nhiên, việc cung cấp các thông tin kế toán có chất lượng đáp ứng nhu cầu của người sử dụng phụ thuộc vào một số yếu tố như: Nguồn nhân lực kế toán, môi trường pháp lý, môi trường kiểm soát nội bộ, việc ứng dụng công nghệ... trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp này.

Nguồn nhân lực kế toán: Nguồn nhân lực kế toán đề cập đến 2 yếu tố gồm đạo đức nghề nghiệp và năng lực của kế toán viên, kiểm toán viên, những người tham gia vào việc lập và báo cáo các thông tin tài chính. Tại các doanh nghiệp

Trong lĩnh vực thông tin kinh tế, thông tin về kế toán tài chính có vai trò rất quan trọng đối với việc ra quyết định điều hành của lãnh đạo doanh nghiệp và quyết định đầu tư của chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ. Tuy nhiên, có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng của thông tin kế toán. Bài viết này tổng hợp các nhân tố có tác động đến chất lượng thông tin kế toán và một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp siêu nhỏ (DNSN) tại Việt Nam.

siêu nhỏ, tiêu chuẩn của kế toán viên được thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán, tuy nhiên nguồn nhân lực vẫn còn thiếu kỹ năng và kinh nghiệm (do đặc điểm của loại hình doanh nghiệp này, việc bố trí phụ trách kế toán mà không bắt buộc phải bố trí kế toán trưởng). Bên cạnh đó, các doanh nghiệp siêu nhỏ được ký hợp đồng với đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán để thuê dịch vụ làm kế toán hoặc dịch vụ làm kế toán nên phần nào đã ảnh hưởng chất lượng thông tin kế toán.

Môi trường pháp lý: Là những cơ sở pháp lý mà kế toán phải căn cứ vào đó để thực hiện công việc kế toán, đảm bảo cho hoạt động của kế toán phù hợp với những quy định của pháp luật. như: Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, Luật DN, Luật Kiểm toán, Luật Thuế...và chịu sự quản lý, giám sát việc tuân thủ

các quy định về kế toán của Nhà nước. Hiện nay, hoạt động của doanh nghiệp siêu nhỏ (DNSN) được áp dụng các thủ tục hành chính và thuế theo khoản 2 Điều 10 Luật hỗ trợ DNNVV (số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017) và Thông tư số 132/2018/TT-BTC. Do sự hạn chế về nguồn vốn, về năng lực và một số lĩnh vực hoạt động, nên chính sách quy định về chế độ báo cáo tài chính cũng như bộ máy kế toán cần tinh giản gọn nhẹ. Vì vậy, thông tin kế toán trên báo cáo tài chính đơn giản, ít khoản mục. Mặt khác, các thông tin báo cáo tài chính ít được kiểm toán nên làm giảm chất lượng thông tin kế toán và cơ hội tiếp cận đến các nguồn vốn của nhà đầu tư.

Môi trường kiểm soát nội bộ: Trong tổ chức kiểm soát nội bộ (KSNB), ban giám đốc là một thành phần quan trọng của bộ máy KSNB và công tác KSNB trong doanh nghiệp. Khi ban giám đốc



công ty thực hiện hoạt động kiểm soát tốt sẽ cung cấp thông tin trung thực, chính xác cho những người quan tâm. Tuy nhiên trong các DNSN, việc quản lý doanh nghiệp thường tập trung vào một người duy nhất, vừa là nhà quản lý và kiêm nhiệm rất nhiều vị trí khác nhau, điều hành hoạt động nhiều khi theo cảm tính và kinh nghiệm cá nhân, không tuân thủ theo quy định. Do vậy, các DNSN thường phát sinh các rủi ro (vi phạm nguyên tắc bất kiêm nhiệm là không tránh khỏi)... Nếu các rủi ro này không được kiểm soát sẽ ảnh hưởng đến thông tin trên báo cáo tài chính.

Công nghệ thông tin: Việc ứng dụng của công nghệ thông tin trong công tác kế toán sẽ làm giảm công việc ghi chép sổ sách, nâng cao tính chính xác trong quy trình xử lý kế toán, rút ngắn thời gian cung cấp thông tin, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu thông tin, cũng như nâng cao tính linh hoạt để thay đổi và đảm bảo an toàn cho thông tin.

Với quy mô vốn nhỏ dưới 3 tỉ đồng, cùng với những hạn chế của nguồn nhân lực kế toán, lĩnh vực hoạt động nhỏ và hẹp, các DNSN rất khó có điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán như việc mua và sử dụng phần mềm kế toán, phần mềm kiểm soát hệ thống... do vậy, ảnh hưởng đến tính chính xác, thời gian quy trình xử lý và cung cấp các thông tin kế toán có chất lượng đến người sử dụng.

Một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp siêu nhỏ

Mặc dù vai trò của DNSN trong nền kinh tế là quan trọng, nhưng hiện nay các DNSN phải đối mặt với nhiều vấn đề chất lượng

nguồn nhân lực kế toán, các thủ tục nhằm giảm thiểu rủi ro, chưa chú trọng đến kiểm soát nội bộ, dẫn đến làm giảm chất lượng của thông tin kế toán. Để khắc phục những vấn đề này và nâng cao chất lượng thông tin kế toán trên các báo cáo tài chính, tác giả đề xuất một giải pháp sau:

Về phía doanh nghiệp: Cần xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và có kế hoạch chi phí cho hoạt động kiểm soát nội bộ. Giám đốc doanh nghiệp cần đưa ra cam kết về năng lực, phân định quyền hạn và trách nhiệm trong hoạt động kiểm soát nội bộ, hạn chế rủi ro tiềm ẩn.

Ngoài ra, doanh nghiệp cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa hệ thống thông tin kế toán; tập trung đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Dưới sự tác động của công nghệ 4.0, các dữ liệu kế toán được chuyển sang dạng số hóa, có sự đa dạng chuyên sâu về hình thức biểu hiện, phân tích và đánh giá, nếu kế toán viên không có được những kiến thức chuyên sâu về kế toán và công nghệ thông tin sẽ ảnh hưởng đến việc xử lý và cung cấp thông tin kế toán có chất lượng.

Về phía cơ quan nhà nước: Hiện tại các văn bản quy định việc tổ chức hoạt động của DNSN gồm: Thông tư 132/2018/TT-BTC, chế độ kế toán doanh nghiệp siêu nhỏ; Quy định chế độ kế toán, phương pháp tính thuế, hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác kế toán; Nghị định 39/2018/NĐ-CP, ngày 11/03/2018, quy định một số điều của Luật Hỗ trợ DNNV; Thông tư 33/2016/TT-BTC quy định biểu mẫu báo cáo tài chính của DNSN. Tuy nhiên, các văn bản còn một số nội dung đan xen, chưa có những hướng dẫn cụ thể đối với

người thực hiện công tác kế toán cũng như các nghiệp vụ cho mục đích thuế. Vì vậy, tác giả có khuyến nghị Bộ Tài chính nên xem xét ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết công tác kế toán cho loại hình doanh nghiệp này.

Về phía người làm công tác kế toán: Nhân viên kế toán trong các DNSN phải không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, rèn luyện tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp. Doanh nghiệp cần tạo cơ hội, điều kiện cho nhân viên được trau dồi, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật tiến bộ khoa học công nghệ trong công việc kế toán. Ngoài ra, các doanh nghiệp cần quan tâm công tác tuyển dụng để lựa chọn những nhân viên trúng tuyển phải đủ năng lực, có phẩm chất đạo đức, trách nhiệm cao trong công việc.

Có thể nói, việc nghiên cứu phân tích đánh giá tác động của các nhân tố đến chất lượng thông tin kế toán nhằm đề ra giải pháp sẽ góp phần tăng độ tin cậy thông tin kế toán trên báo cáo tài chính, giúp doanh nghiệp có nhiều cơ hội tiếp cận đến các nguồn vốn đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh./.

Tài liệu tham khảo

1. Quốc hội (2017), Luật 04/2017/QH14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
2. Chính phủ (2018), Nghị định 39/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
3. Bộ Tài chính (2012), Thông tư số 214/2012/TT-BTC về việc ban hành hệ thống 37 chuẩn mực kiểm toán;
4. TS Nguyễn Thị Hồng Nga Tiêu chí đánh giá và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán *Tạp chí Kế toán & Kiểm toán*, 131, 30-33..

LIỆU CHÂU Á THỰC SỰ LÀ ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TOÀN CẦU?

Ngọc Linh

Theo tạp chí Forbes India, tính đến đầu tháng 1/2024, 5 nền kinh tế lớn nhất thế giới lần lượt là: Mỹ với quy mô GDP là 26.954 tỉ USD; Trung Quốc: 17.786 tỉ USD; Đức: 4.430 tỉ USD; Nhật Bản: 4.231 tỉ USD; Ấn Độ: 3.730 tỉ USD. Như vậy trong top 5 nền kinh tế lớn nhất thế giới có tới 3 đại diện đến từ khu vực châu Á.

Trong Báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới 2024 do Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) công bố vào cuối năm 2023 cho thấy, dù đối mặt với những thách thức lớn như lạm phát cao, đứt gãy chuỗi cung ứng và cạnh tranh địa chính trị gay gắt, kinh tế châu Á được dự báo sẽ là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024. Tuy nhiên, liệu châu Á có thực sự trở thành động lực tăng trưởng toàn cầu năm 2024 như dự báo trước đó hay không khi các nền kinh tế lớn châu Á đang có những biến động khó lường?

Kinh tế Nhật Bản có nguy cơ tiếp tục rớt hạng

Theo số liệu thống kê công bố ngày 15/2/2024, Nhật Bản - từng là nền kinh tế lớn thứ hai thế giới - đã ghi nhận hai quý tăng trưởng âm liên tiếp, đẩy Nhật Bản vào tình trạng suy thoái kinh tế. Trong quý IV/2023, tổng sản phẩm trong nước (GDP) của đất nước mặt trời mọc chứng kiến mức giảm 0,4%, sau khi giảm 3,3% trong quý III/2023. Nếu tính trên cơ sở quý sau so với quý trước, kinh tế Nhật giảm 0,1% trong quý IV/2023, thay vì tăng 0,3% như dự báo của chuyên gia. Nguyên nhân chính



khiến kinh tế Nhật suy giảm là nhu cầu trong nước suy yếu tại tất cả các lĩnh vực, trong đó tiêu dùng tư nhân - lĩnh vực chiếm khoảng một nửa nền kinh tế Nhật Bản, ghi nhận mức giảm hàng năm 0,9% trong quý IV/2023, do người tiêu dùng phải thắt lưng buộc bụng trong bối cảnh giá thực phẩm, xăng dầu và nhiều mặt hàng khác tăng. Đây là quý thứ ba liên tiếp tiêu dùng ở đất nước mặt trời mọc đi xuống.

Tính cả năm 2023, GDP danh nghĩa của Nhật Bản tăng 5,7%, đạt 591,48 nghìn tỷ yên, tương đương 4,2 nghìn tỷ USD nếu tính theo tỷ giá USD/yên bình quân của năm 2024, đánh mất vị trí nền kinh tế lớn thứ hai thế giới cho Đức - nền kinh tế lớn nhất châu Âu - có GDP

danh nghĩa tăng trưởng 6,3% trong năm 2023, đạt mức 4,12 nghìn tỷ euro, tương đương 4,46 nghìn tỷ USD nếu tính theo tỷ giá euro/USD bình quân của năm.

Tuy vậy, ngày 11/3 mới đây, Nhật Bản công bố số liệu điều chỉnh chính thức, theo đó, GDP quý IV/2023 điều chỉnh tăng 0,4% so với cùng kỳ năm ngoái và 0,1% so với quý trước đó. Như vậy, sau hai quý tăng trưởng âm là quý II, III năm 2023, kinh tế Nhật Bản đã khôi phục trở lại. Chuyển biến tích cực này chủ yếu là do đầu tư vốn doanh nghiệp tăng 2% so với số liệu so bộ là giảm 0,1%.

Chính phủ Nhật Bản đánh giá nền kinh tế đang phục hồi với tốc độ vừa phải, tuy nhiên nhu cầu

trong nước chưa đủ mạnh do giá hàng hóa ngày càng tăng cao đã gây sức ép lên các hộ gia đình.

Theo đánh giá của Ngân hàng Trung ương Nhật Bản, tốc độ lạm phát cũng đang dần ổn định ở mức tiêu 2%. Từ các thông số kinh tế và tuyên bố gần đây của Ngân hàng Trung ương Nhật Bản, các chuyên gia kinh tế dự đoán chính sách lãi suất âm sẽ được dỡ bỏ trong tháng Ba hoặc tháng Bốn năm nay. Việc chấm dứt chính sách lãi suất âm, kết quả của việc thoát khỏi giảm phát, là tin tốt đối với thị trường chứng khoán Nhật Bản.

Một tín hiệu tích cực khác mang lại kỳ vọng phục hồi kinh tế Nhật Bản là ngày 1/3 vừa qua, Chính phủ nước này cho biết tỷ lệ thất nghiệp đã giảm xuống 2,4% trong tháng 1/2024 từ mức 2,5% của tháng trước, mức cải thiện đầu tiên trong ba tháng, do có ít người bị sa thải hơn trong bối cảnh thiếu lao động.

Mặc dù vậy, IMF lo ngại hai năm nữa, kinh tế đất nước mặt trời mọc tiếp tục rớt hạng, rơi xuống vị trí thứ 5, khi Ấn Độ vươn lên trở thành nền kinh tế lớn thứ 4 thế giới.

Lo ngại kinh tế Trung Quốc là “lực cản” đối với kinh tế thế giới

Theo báo cáo từ Cơ quan Thống kê Trung Quốc, tổng sản phẩm trong nước (GDP) của nước này tăng trưởng 5,2% cả năm ngoái, tăng khá so với mức 3% đạt được trong năm 2022 và nhỉnh hơn so với mục tiêu 5% mà Chính phủ Trung Quốc đề ra. Tuy nhiên, kết quả này được cho là xuất phát nhiều từ cơ sở so sánh thấp và đây là mức tăng có được sau một năm 2022 rất yếu của nền kinh tế Trung Quốc do các biện pháp chống Covid-19 hà khắc. Mặt khác, mục tiêu tăng trưởng khoảng 5% năm 2023 là mức thấp nhất trong nhiều thập kỷ qua mà Bắc Kinh đưa ra.

IMF dự báo, tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội thực tế của nền kinh tế lớn nhất châu Á là Trung Quốc sẽ giảm xuống còn 4,6% vào năm 2024, giảm mạnh so với mức tăng trưởng 5,2% của năm 2023 và thấp hơn mục tiêu 5% mà Bắc Kinh đặt ra trong năm nay. Tuy nhiên, nhiều nhà phân tích cho rằng đây là mục tiêu đầy tham vọng, trừ khi Chính phủ Trung Quốc tung ra nhiều biện pháp kích thích hơn, bởi sự phục hồi của Trung Quốc trở nên gặp ghềnh do chịu ảnh hưởng của sự suy thoái thị trường bất động sản kéo dài. Điều đó sẽ tiếp tục làm suy yếu nhu cầu và niềm tin tư nhân. Bên cạnh đó, các yếu tố giảm phát ngày càng sâu, nợ chính quyền địa phương tăng, vốn hóa thị trường của nhiều doanh nghiệp niêm yết giảm mạnh, thất nghiệp ở giới trẻ trong năm ngoái có lúc lên hơn 20%, trong khi Trung Quốc hiện đối mặt tình trạng dân số già đi, lực lượng lao động sụt giảm và tỷ lệ sinh thấp. Hơn nữa, nhu cầu ngoài nước tối tệ hơn dự kiến và căng thẳng địa chính trị đặt ra nhiều rủi ro cho nền kinh tế Trung Quốc. Theo một số chuyên gia, các thách thức mà nền kinh tế Trung Quốc đang phải đối mặt hiện nay không phải xảy ra “chỉ sau một đêm” mà là cả quá trình dài trước đó với các vấn đề về cơ cấu ngày càng bộc lộ rõ.

Derek Scissors, chuyên gia cấp cao tại Viện Doanh nghiệp Hoa Kỳ cũng cho biết, thách thức trong năm 2024 đối với nền kinh tế Trung Quốc sẽ là hướng tăng trưởng đi xuống.

Theo IMF, về trung hạn, nước này sẽ phải đối mặt với “những trở ngại từ năng suất yếu và dân số già hóa” và dự kiến tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc sẽ giảm dần, xuống 3,5% vào năm 2028.

Đà giảm này khiến IMF cùng nhiều tổ chức khác gọi đây là “lực cản” đối với kinh tế thế giới.

Trưởng phái bộ về Trung Quốc tại bộ phận châu Á và Thái Bình Dương của IMF, bà Sonali Jain-Chandra cho rằng, Bắc Kinh cần tập trung vào các biện pháp giúp khu vực bất động sản của Trung Quốc chuyển đổi sang quy mô bền vững hơn và giảm rủi ro nợ của chính quyền địa phương. Nếu không có các biện pháp này, đầu tư bất động sản của Trung Quốc sẽ tiếp tục sụt giảm mạnh cho đến năm 2025, kéo theo tăng trưởng GDP lần lượt thấp hơn 1 điểm phần trăm và 0,8 điểm phần trăm so với mức cơ sở vào năm 2024 và 2025. Điều này đồng nghĩa với việc tăng trưởng của Trung Quốc rơi xuống chạm mức 3% vào cuối thập kỷ này là nguy cơ hoàn toàn có thể xảy ra.

Phép màu tăng trưởng kinh tế Ấn Độ

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang khó khăn, suy thoái thì nền kinh tế Ấn Độ lại có sự tăng trưởng bứt phá ngoạn mục với mức 7,3% năm 2023. Thành quả này được cho đến từ chính sách kinh tế vĩ mô đúng hướng, bao gồm việc thúc đẩy đầu tư vào cơ sở hạ tầng và mạng lưới kho vận, tăng cường số hóa nền kinh tế cùng sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động sản xuất trong nước. Đồng thời khu vực kinh tế phi chính thức tại Ấn Độ đang tiếp tục được giảm bớt, chuyển sang hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế chính thức. Đánh giá của Quỹ Tiền tệ Quốc tế nhìn nhận Ấn Độ là điểm sáng của nền kinh tế toàn cầu trong năm vừa qua.

Ấn Độ hiện là nền kinh tế lớn thứ năm thế giới với GDP 3.700 tỷ USD và đang nổi lên là nền kinh tế chất lượng cao, khi có tốc độ tăng

trưởng nhanh nhất vào năm 2022, 2023. Trong năm 2024 cũng như thời gian tới, Ấn Độ xác định sẽ tập trung phát triển cơ sở hạ tầng logistics để trở thành nền kinh tế sản xuất công nghiệp, tiếp tục tiệm cận mục tiêu đưa Ấn Độ trở thành một trung tâm sản xuất lớn tiếp theo của thế giới. Đây là cơ sở để các chuyên gia kinh tế đưa ra dự báo nền kinh tế Ấn Độ sẽ tiếp tục duy trì tăng trưởng trong năm 2024 và tiếp tục bùng nổ trong những năm tới.

Cụ thể, IMF mới đây cho rằng, Ấn Độ sẽ là điểm sáng của kinh tế châu Á với tăng trưởng ổn định ở mức 6,5% trong năm 2024 và 2025. Còn cơ quan xếp hạng toàn cầu Moody's dự báo Ấn Độ có thể vẫn là quốc gia tăng trưởng nhanh nhất trong số các nền kinh tế G20 và ngày 4/3 đã nâng dự báo tăng trưởng kinh tế của Ấn Độ năm 2024 lên 6,8%, từ mức 6,1% dự báo trước đó và đến năm 2025 tốc độ tăng trưởng GDP của Ấn Độ ước tính đạt 6,4%.

Vào cuối tháng 1/2024, Bộ Tài chính Ấn Độ ước tính, quốc gia Nam Á này dự kiến trở thành nền kinh tế lớn thứ ba thế giới vào năm 2028, với GDP đạt 5.000 tỉ USD, vượt qua cả Đức và Nhật Bản. Một số dự báo cho rằng, khi những cơn gió ngược toàn cầu đang giảm dần, tăng trưởng GDP của Ấn Độ có thể dễ dàng đạt mức tăng trưởng hơn 6% mỗi năm cho đến năm 2028, thuộc hàng cao nhất ở châu Á, tuy nhiên nước này tự tin có thể tăng tốc lên đến 7% nhờ sức mạnh của lĩnh vực tài chính và các cải cách gần đây.

Với những giả định hợp lý về chênh lệch lạm phát và tỉ giá hối đoái, Ấn Độ còn được đánh giá có thể trở thành nền kinh tế trị giá 7.000 tỉ USD trong vòng 6 - 7 năm tới (tức vào năm 2030).

Đáng chú ý, trong khi thị trường chứng khoán thế giới lao đao và suy giảm thì theo Công ty dịch vụ tài chính Jefferies, thị trường chứng khoán Ấn Độ đang lập các kỷ lục mới. Giá trị vốn hóa của doanh nghiệp trên các sàn chứng khoán đã vượt 4.000 tỷ USD vào cuối năm ngoái. Con số này được dự báo sẽ tăng gấp hơn hai lần lên 10.000 tỷ USD vào năm 2030.

Tuy nhiên, giới phân tích lưu ý Ấn Độ cần đề tâm đến một số vấn đề, chẳng hạn việc chạy đua phát triển có thể dẫn đến lãng phí hay nạn quan liêu, hạ tầng kém. Ngoài ra, việc Ấn Độ rút khỏi Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) của châu Á, không tham gia Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có thể làm giảm tốc độ tăng trưởng tiềm năng.

Kinh tế Hàn Quốc tăng trưởng yếu ớt

Theo số liệu sơ bộ từ Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BoK), GDP nước này tăng 1,4% trong năm 2023 đúng với dự đoán trước đó. Mức tăng trưởng dương Hàn Quốc có được là nhờ xuất khẩu vẫn duy trì đà tăng.

Chính phủ Hàn Quốc dự báo tăng trưởng kinh tế quốc gia năm 2024 sẽ là 2,2%, trong khi BoK dự báo tăng trưởng kinh tế của nền kinh tế lớn thứ tư châu Á này sẽ đạt 2,1% trong năm nay với quyết định giữ nguyên lãi suất chủ chốt ở mức 3,5% lần thứ tám liên tiếp nhằm duy trì đà phục hồi cho nền kinh tế vào đầu tháng 1/2024 vừa qua.

Còn trong "Triển vọng kinh tế năm 2024 dành cho các nhà điều hành doanh nghiệp", Viện nghiên cứu LG dự báo mức tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) thực tế năm 2024 của Hàn Quốc là 1,8% (1,9% trong nửa đầu và 1,7% trong nửa cuối năm). Con số này

cao hơn 0,5 điểm phần trăm so với ước tính tăng trưởng kinh tế 1,3% của năm nay, nhưng thấp hơn 0,3 điểm phần trăm so với dự báo 2,1% của Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BOK) cho năm tới.

Trong khi đó, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) thì tỏ ra lạc quan hơn, khi dự báo kinh tế Hàn Quốc năm 2024 sẽ tăng trưởng 2,3% trong báo cáo "Triển vọng kinh tế thế giới" của mình, cao hơn 0,1 điểm phần trăm so với dự báo mà tổ chức này đưa ra hồi tháng 10/2023. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) cũng đưa ra dự báo tương tự, Hàn Quốc sẽ tăng trưởng 2,3% trong năm 2024.

Với các dự báo trên cho thấy, dù tốc độ tăng trưởng của Hàn Quốc sẽ cao hơn trong năm 2024 so với năm trước nhưng sự phục hồi kinh tế tổng thể dự kiến là khá yếu và khó có được sự bứt phá trong những năm tiếp theo.

Kinh tế ASEAN tiếp tục cải thiện

Tại Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN họp lần thứ 30 (AEMR30) diễn ra tại Lào vào đầu tháng 3/2024 mới đây cũng ghi nhận những tín hiệu tích cực trong bức tranh kinh tế ASEAN trong năm 2023, giữa bối cảnh bất định của thế giới. Theo số liệu của Ban Thư ký ASEAN, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của ASEAN dự kiến tăng trưởng 4,7%, cao hơn mức trung bình của thế giới là 3,1%. Về thương mại hàng hoá, tính đến quý III năm 2023, kim ngạch thương mại hàng hoá đạt 2,6 nghìn tỷ USD. Về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), trong quý III/2023, dòng vốn FDI là khoảng 41,1 tỷ USD. Du lịch ASEAN cũng phục hồi đáng kể, khi thu hút 101,9 triệu du khách năm 2023, tăng 136,2% so với năm 2022.

Dù các quốc gia theo định hướng xuất khẩu tại châu Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng sẽ "vẫn chưa thoát khỏi khó khăn", song hầu hết các nhà phân tích và đặc biệt là những dự báo về các chính sách hoặc những thông tin chính thức đều cho rằng tăng trưởng kinh tế của khu vực Đông Nam Á (ASEAN) có thể cải thiện trong năm 2024.

Trong báo cáo về nền kinh tế của khu vực ASEAN có tiêu đề: "Kinh tế ASEAN 2024: Chối xanh nảy mầm trong một thế giới phân mảnh" được Maybank công bố vào tháng 12/2023, các nhà phân tích cho biết, ASEAN sẽ chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ và cân bằng hơn vào năm 2024, khi sản xuất và xuất khẩu phục hồi, tiêu dùng của người dân tăng lên và tăng trưởng dịch vụ du lịch giảm dần. Trong đó, tăng trưởng GDP của ASEAN-6 (gồm Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam) dự kiến sẽ phục hồi từ 4% vào năm 2023 lên 4,7% vào năm 2024 và 4,8% vào năm 2025.

Tương tự, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cũng dự báo tăng trưởng trong năm 2024 của ASEAN đạt 4,7%. Trong khu vực ASEAN, Philippines được dự báo có mức tăng trưởng cao nhất với 6,2%, tiếp đến là Việt Nam là 6%. Còn nền kinh tế có quy mô GDP lớn nhất khu vực ASEAN là Indonesia được dự báo tăng trưởng ở mức 5%, Singapore thấp nhất với mức tăng trưởng trong năm tới là 2,5%.

Trong khi đó, Văn phòng Nghiên cứu Kinh tế Vĩ mô ASEAN+3 (AMRO) trong những dự báo mới nhất kỳ vọng khu vực ASEAN+3 sẽ tăng trưởng 4,5% vào năm 2024.

Có nhiều yếu tố để các chuyên gia lạc quan về kinh tế ASEAN trong năm nay, đó là: Đầu tư công và chi tiêu tiêu dùng, đặc biệt là chi tiêu của du khách quốc tế đến mỗi nước đang tiếp tục tăng lên. Bên cạnh đó, nhu cầu bán dẫn toàn cầu sẽ tăng trưởng mạnh trở lại kéo theo sự phục hồi về xuất khẩu điện tử, công nghệ... giúp cải thiện hơn nữa triển vọng tăng trưởng của các nước trong khu vực. Hơn nữa, động lực tăng trưởng tại thị trường Mỹ đang dần chuyển hướng từ dịch vụ sang hàng hóa, khi đó tiêu dùng sẽ tăng lên, hỗ trợ cho ngành sản xuất của các thành viên ASEAN.

Có thể nói, lời giải cho câu hỏi liệu châu Á có thực sự là động lực tăng trưởng kinh tế toàn cầu hay không phụ thuộc rất lớn vào quyết sách của Chính phủ các nước để nối tiếp đà tăng trưởng, tận dụng những cơ hội đang có hay xoay chuyển tình thế trước những khó khăn bủa vây./.

BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG...

(Tiếp theo trang 39)

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, tăng cường thực thi pháp luật về bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên đất ngập nước: Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn về quản lý, bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước trên phạm vi toàn quốc; Xây dựng chương trình, triển khai các hoạt động giáo dục, nâng cao nhận thức về vai trò, giá trị, chức năng của các vùng đất ngập nước và quy định quản lý đất ngập nước trên toàn quốc; kết nối và cập nhật thường xuyên thông tin về các hoạt động bảo tồn, sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước trên trang điện tử Mạng lưới các khu Ramsar Việt Nam; Đa dạng hóa các hình thức, biện pháp tuyên truyền phù hợp với các đối tượng khác nhau; nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước; nhân rộng các mô hình bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước.

Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu về bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên đất ngập nước: Thúc đẩy hoạt động phối hợp nghiên cứu đất ngập nước với các quốc gia trong khu vực và quốc tế; Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước; tập trung nghiên cứu ứng dụng phát triển các mô hình du lịch sinh thái, mô hình cộng đồng, doanh nghiệp tham gia quản lý khu bảo tồn đất ngập nước, mô hình phối hợp quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên và chia sẻ hài hòa lợi ích tại các vùng đất ngập nước quan trọng trên toàn quốc; Nghiên cứu triển khai các biện pháp khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học các vùng đất ngập nước.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo tồn và sử dụng bền vững đất ngập nước: Chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước; Tăng cường học tập, trao đổi kinh nghiệm với các nước, tổ chức quốc tế về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước; Xây dựng cơ chế hợp tác, trao đổi thông tin, kinh nghiệm và tham vấn kỹ thuật với các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức và chuyên gia quốc tế hoạt động ở Việt Nam, khu vực và thế giới về xây dựng chính sách, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước; Tăng cường các hoạt động hợp tác xuyên biên giới về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước, đặc biệt tại lưu vực sông Mê Công./.

THỎA THUẬN THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU GẶP KHÓ TRONG THỰC THI



ThS. Trần Thị Thu Hằng

Khoa Kế toán, Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội

Theo Financial Times, thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu mang tính bước ngoặt nhắm vào các công ty lớn nhất thế giới đang gặp khó khăn trong việc thực thi do đối mặt với nguy cơ bị ảnh hưởng từ chính trị ở Mỹ và sự ủng hộ của một số quốc gia chủ chốt khác đang “chùn bước”.

Gặp khó từ phía Mỹ

Tháng 10/2021, sau các cuộc đàm phán dưới sự chủ trì của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), hơn 135 nước nhất trí kế hoạch áp dụng thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu, bao gồm hai trụ cột.

Theo đó, đối với trụ cột 1, các tập đoàn đa quốc gia lớn nhất sẽ phải trả nhiều thuế hơn ở những nước, nơi mà họ có khách hàng và tạo ra doanh thu. Trụ cột 1 chỉ áp dụng với các công ty đa quốc gia

có hơn 20 tỉ Euro doanh thu toàn cầu hàng năm và biên lợi nhuận lớn hơn 10%.

Đối với những công ty này, 25% phần lợi nhuận vượt biên độ lợi nhuận 10% sẽ bị đánh thuế ở nước mà họ tạo ra doanh thu. Trụ cột 1 dự kiến ảnh hưởng đến 100 tập đoàn lớn nhất thế giới, bao gồm nhiều “ông lớn” công nghệ của Mỹ. Điều này có nghĩa là các tập đoàn công nghệ phải trả thuế dựa vào doanh thu tại thị trường mà họ cung cấp các dịch vụ số hóa,

thay vì dựa vào doanh thu ghi nhận tại nước mà họ đặt văn phòng trụ sở.

Trụ cột 2 của thỏa thuận đặt ra mức thuế tối thiểu toàn cầu là 15% đối với các công ty có doanh thu toàn cầu hàng năm hơn 750 tỉ Euro. Trụ cột này dự kiến đẩy tăng mức nộp thuế đối với các công ty ghi nhận thu nhập ở các khu vực pháp lý áp dụng chính sách thuế thấp, hay còn gọi là thiên đường thuế. Theo đó, nếu các công ty đa quốc gia hưởng thuế thu nhập

thấp hơn 15% ở nước mà họ đầu tư và kinh doanh thì các nước khác, bao gồm nước mà họ đặt trụ sở chính, có quyền thu thêm phần thuế chênh lệch so với mức tối thiểu này.

Đầu năm 2024, trụ cột 2 của thỏa thuận thuế toàn cầu chính thức có hiệu lực ở Liên minh châu Âu (EU), Anh, Na Uy, Úc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Canada và Việt Nam. Một số nước từ lâu được coi là thiên đường thuế như Ireland, Luxembourg, Hà Lan, Thụy Sĩ và Barbados... cũng thực thi trụ cột 2 kể từ đầu năm. Tính đến đầu tháng 2/2024, có 36 nước thực hiện hoặc đang trong quá trình thông qua các quy định để áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu. OECD ước tính, thỏa thuận thuế tối thiểu sẽ giúp doanh thu thuế toàn cầu tăng thêm đến 9% mỗi năm, tương đương 220 tỉ Euro.

Tuy nhiên cho đến nay, dù đã lên tiếng ủng hộ thuế tối thiểu toàn cầu nhưng Mỹ và Trung Quốc chưa phê chuẩn các nghị quyết liên quan.

Chính quyền của Tổng thống Joe Biden ủng hộ cải cách thuế toàn cầu, nhưng các hiệp ước thuế quốc tế cần phải đạt được đa số 2/3, tức là 67 phiếu tại Thượng viện Mỹ để được nước này phê chuẩn. Đảng Dân chủ của ông Biden, hiện đang chiếm đa số mong manh tại Thượng viện với 51 ghế, đồng nghĩa với việc khó có đủ số phiếu để vượt qua sự phản đối gay gắt từ nghị sỹ Cộng hòa. Nếu không có sự phê chuẩn của Mỹ, cơ sở tối thiểu phải có để thỏa thuận có hiệu lực sẽ không được đáp ứng.

Trong khi đó, triển vọng đắc cử của ông Donald Trump, ứng cử viên hàng đầu cho đề cử tổng thống của Đảng Cộng hòa và là người phản đối mạnh mẽ các thỏa thuận toàn cầu, có thể sẽ khiến

toàn bộ quá trình đàm phán trên bị phá hỏng.

Bên cạnh đó, trụ cột 1 của thỏa thuận thuế toàn cầu cũng đang đối mặt với nhiều thách thức trong quá trình đàm phán. Các nước đang phát triển đang nỗ lực chuyển trọng tâm đàm phán từ OECD sang Liên Hợp Quốc, nơi họ có nhiều tiếng nói hơn. Tháng Mười hai năm ngoái, Liên Hợp Quốc đã bỏ phiếu thông qua một nghị quyết thiết lập vai trò lớn hơn của tổ chức này trong nỗ lực xây dựng một công ước về hợp tác thuế quốc tế.

Nghị quyết được 125 nước ủng hộ, với hầu hết trong số đó là các nước có thu nhập thấp hoặc trung bình như Nigeria, Ghana, Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil và Nam Phi. Trái lại, hầu hết trong số 48 nước bỏ phiếu chống nghị quyết đều là các nước phát triển bao gồm các nước thành viên EU, Mỹ, Anh, Nhật Bản và Hàn Quốc.

Diễn biến này, kết hợp với những bất đồng trong quá trình hoàn thiện nội dung cuối cùng, đang đe dọa các nỗ lực đáp ứng thời hạn cuối vào tháng 6/2024 để ký kết trụ cột thứ 1.

Nguy cơ các nước đơn phương hành động

Với những khó khăn trong việc thực thi thuế tối thiểu toàn cầu, EU đang tìm cách cứu vãn các cải cách thuế này thông qua Hội nghị Bộ trưởng Tài chính G20 nhóm họp ở São Paulo.

Theo đó, các quan chức châu Âu đang hối thúc các bộ trưởng tài chính G20 cam kết về thời hạn cuối vào tháng Sáu để ký kết trụ cột 1. Một dự thảo của thông cáo chung G20 kêu gọi "đạt được thỏa thuận kịp thời về công ước đa phương về thuế toàn cầu nhằm ký kết vào cuối tháng 6/2024". Tuy nhiên, đề xuất "thực hiện nhanh chóng" công ước này của EU

và Pháp lại không được đưa vào dự thảo thông cáo.

Giữa lúc đó, các nền kinh tế đang phát triển đang tỏ ra ít quan tâm hơn đến các cuộc đàm phán về trụ cột 1, khiến thời hạn ký kết vào cuối tháng Sáu càng trở nên xa vời.

Các nhà phân tích cho biết, giải pháp thay thế cho thỏa thuận thuế toàn cầu có thể là sự rời rạc của các loại thuế do các nước đơn phương đặt ra.

Theo thỏa thuận hiện tại, các nước sẽ xem xét áp thuế dịch vụ kỹ thuật số (DST) của riêng họ nếu như thỏa thuận thuế toàn cầu (trụ cột 1) nhằm vào các tập đoàn công nghệ lớn nhất chưa được các nước phê chuẩn để có hiệu lực vào đầu năm 2024. Tuy nhiên, những bế tắc và trì hoãn về quá trình phê chuẩn thỏa thuận này đang khiến các nước kêu gọi lùi thời điểm đơn phương áp thuế DST đến năm 2025.

Trong năm 2021, một số nền kinh tế đã đồng ý tạm dừng đánh thuế dịch vụ kỹ thuật số đơn phương, những khoản thuế chủ yếu sẽ ảnh hưởng đến các công ty công nghệ lớn có trụ sở ở Mỹ, để tạo điều kiện cho một thỏa thuận đa phương. Nhưng loại thuế này có thể quay trở lại nếu thỏa thuận thuế đa phương không trở thành hiện thực.

Danielle Rolfes, người đứng đầu tư vấn thuế quốc gia của KPMG tại Washington cho biết, cả đảng Cộng hòa lẫn đảng Dân chủ đang phản đối với các loại thuế DST "phân biệt đối xử" đối với tập đoàn công nghệ của Mỹ.

Năm ngoái, Canada đã chính thức áp dụng thuế DST đối với các tập đoàn công nghệ đa quốc gia. Theo các chuyên gia, đây là dấu hiệu cho thấy sự mất kiên nhẫn của các quốc gia đối với "cuộc chơi" thuế tối thiểu toàn cầu./



**PHÂN BÓN
PHÚ MỸ**
Cho mùa bội thu

DÒNG SẢN PHẨM CHUYÊN DỤNG CHO NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ (PHU MY GARDEN)



Fanpage: Phú Mỹ Garden



Shopee: Phú Mỹ Garden

SẢN PHẨM CỦA:
TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT ĐẦU KHÍ

ĐỊA CHỈ:
43 MẠC ĐÌNH CHÍ, P. 8A KẢO, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH

Hotline:
0989.83.66.87

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

**ĐIỀU TRA
DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ
NĂM 2024**

Thời gian thu thập thông tin

Ngày 01 - 30/4/2024

Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 được thực hiện trên phạm vi cả nước tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (tỉnh, thành phố), gồm tất cả các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (huyện) ngoại trừ 4 huyện đảo nhỏ

**CUNG CẤP THÔNG TIN ĐẦY ĐỦ, CHÍNH XÁC
LÀ TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA MỖI NGƯỜI DÂN**

